



MUỐN BỒI BỔ ÓC...

TĂNG CƯỜNG  
TRÍ NHỚ...



CORNELL  
UNIVERSITY  
MAY 07 1969  
LIBRARY

218  
3-1969



NÊN DỪNG THUỐC...

**NEUROTONIC**

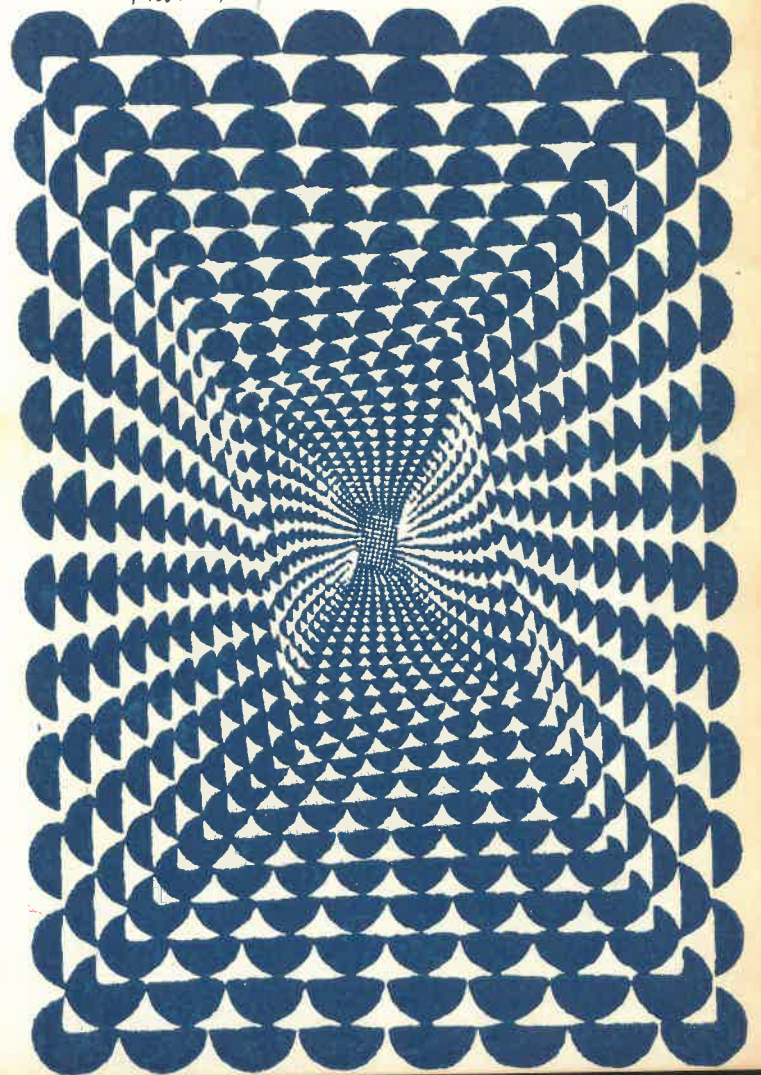
CÔNG HIỆU NHƯ THẦN

# PHỔ THÔNG

Wason  
AP95  
V6 P57

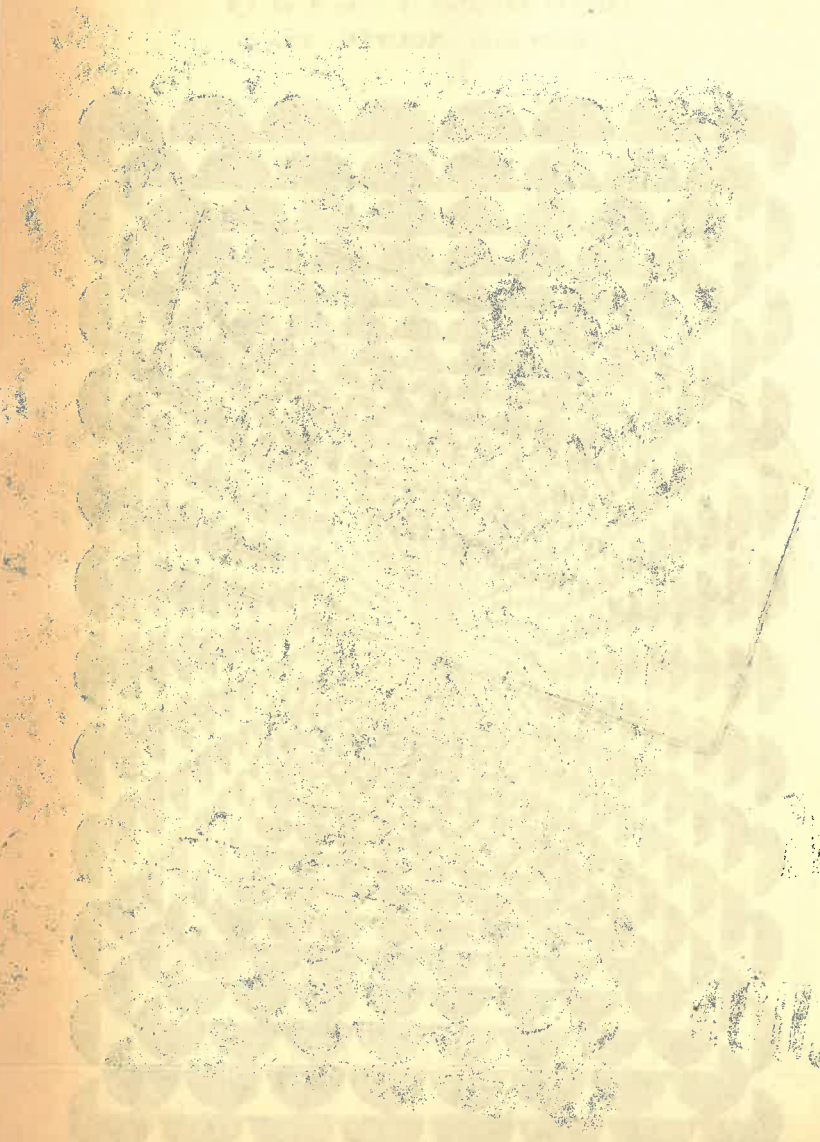
Tạp-chí Văn-Hóa ra ngày 1 và 15

# 218 Giám-đọc: NGUYỄN . VỸ  
Mar 1, 69



VỀ  
NGUỒN

PHỐ THƯỜNG



20/1/54



PHỐ THƯỜNG

**CẢM Ạ**  
 XIN CHÂN THÀNH CẢM Ạ TẤT CẢ QUÝ  
 BẠN XA GẦN ĐÃ CÓ THỊNH TÌNH GỖI THIỆP  
 XUÂN, VÀ XIN CẦU CHÚC QUÝ BẠN TRỌN  
 VẸN NIỆM VUI NĂM KỶ-ĐẬU.

N. V.



# PHỔ THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHAN HAY ĐUNG VAN HOA VIETNAM  
PHO BIEN VAN HOA DONG TAY KIM CO

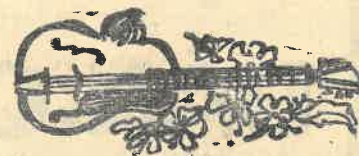
Giám-đọc, Chủ bút: Nguyễn-Vũ

Tòa-soạn + 231 đường Phạm-ngũ-Lão — Saigon — ĐT 25861

Năm thứ XI số 218 — 1-3-1969

1 — Phương diện văn hóa thuần túy	N.V.	3 — 10
2 — Người dân quê V.N.	Trần-hữu-Nghiêm	11 — 16
3 — Những ông thầy răn	Từ-Châu	17 — 27
4 — Gái và trai thế hệ	Phan-thị Ly-Lan	28 — 29
5 — Phan Bội Châu	Huỳnh-hữu-Huyến	30 — 46
6 — Loài vật	Tin-Khanh	47 — 52
7 — Hai cụ Huỳnh-thức.Kháng và Phan Bội Châu đã tự học chữ Pháp như thế nào ?	Đông-Tùng	53 — 58
8 — Chèo chống (thơ)	Phan-Như-Ý	— 59

6 — Bức thư Paris	Nguyễn-văn-Cồn	60 — 63
10 — Nỗi đau đớn	Vũ-Minh-Thiều	64 — 70
11 — Non nước thanh bình	Thân-Tri-Thiện	71 — 76
12 — Apollo 8	Võ-quang-Yến	77 — 84
13 — Khoa học huyền bí	Mặc-Uyên	85 — 87
14 — Quang Trung	Phạm-Minh-Ngô	88 — 98
15 — Rạo rức (thơ)	Thế-Nhĩ	99 — 100
16 — Non bồng nước nhược	Lan-Đình	101 — 108
17 — Diển biến	Nguyễn-Đông-Di	109 — 112
18 — Hồ-xuân-Hương	Nguyễn-Vỹ	113 — 118
19 — Thi ca	Nguyễn-Đơn-Mẫu	119 — 124
20 — Sách, báo, mới		125 — 130



PHƯƠNG - DIÊN  
VĂN - HÓA THUẦN - TỬY

★  
**Chánh sách độc-tài,  
CÔNG-SẢN**  
hay Tư-bản Phong-kiến  
đều không thích hợp với

**TỰ - DO,  
DÂN-CHỦ,  
TIẾN - BỘ**

★ NGUYỄN - VỸ

Chúng ta quan-niệm rằng đời sống của Dân-tộc nhất-thiết cần phải được tự-do, dân-chủ, và tiến-bộ.

● Không tự-do, con người bị bó-buộc, bị áp-bức, bị khùng-bổ, không phát-triển được về vật chất và tinh-thần, bị kiềm-hãm vào tình-trạng khốn-cùng nô-lệ. Quyền sống, quyền ăn, quyền nói, quyền sinh-hoạt tùy-nghị, thích-ứng với khả-năng và hoàn-cảnh của mỗi người, bị phủ-nhận một cách tàn-nhẫn, bị kiểm-soát gắt-gao, bị chi-phối hoàn-toàn, đời sống không khác nào trong ngục-thất thâm-u. Thân thể và tư-tưởng của con người bị chôn-vùi dưới một chính-thể sắt máu, gạt bỏ mọi tình-cảm, lương-tâm, đạo-đức, lòng thương nhân-loại. Con người không còn là con người, và không được thụ-hưởng những yếu-tố nhu-cầu cần-thiết nhất cho đời sống lương-thiện, yên-vui, của cá-nhân, gia-đình, xã-hội. Cho đến cá nhân gia-đình, xã-hội, cũng không còn tồn-tại được.

Người dân yêu-chuộng tự-do, có ý-thức về phẩm-giá và tư-cách của Một Người Dân, không thể chấp-nhận một chế-độ tiêu-diệt tự-do, một đời sống quẫn-quại trong không khí ngục-lù ngột-ngạt như thế.

● Không dân-chủ, người dân bị bóc-lột, bị



lừa gạt, bị lợi-dụng. Quốc-gia bị chiếm độc-quyền thống-trị hoặc bởi một đảng duy-nhất, độc-tài chuyên-chế, hoặc bởi một nhóm bè-phái dùng dân-tộc làm môi-trường tranh-dành lợi-lộc. Họ nguy-ương dưới chiêu bài dân-chủ, tạo quyền-uy và thế-lực, để đề-nên Quốc-Dân, rút-rũa đồng bào. Họ lợi-dụng chính-nghĩa cao-quý của Quốc-gia, phân-bội quyền-lợi thiêng-liêng của Tổ-quốc, vô tình làm lợi khi cho kẻ thù địch luôn luôn khai thác những nhược-điểm u ám trọng, tuyên truyền phá hoại. Họ làm nguy hại đến vận mạng sống còn của dân tộc.

Người dân của một nước độc lập, có tinh thần quốc gia chân chính và mãnh liệt, tha thiết với lịch sử hùng cường của Giông-Nôi, lo lắng cho tiền đồ của Tổ quốc, không thể nào tin tưởng nơi một chính sách quan liêu, xoi xít, bất công, nguy hại như thế.

● Không tiến-bộ, người dân cứ sống mãi trong tình trạng «nhược tiều», bệnh hoạn, nhược tiều về tinh thần lẫn vật chất, bị chi phối bởi phong hóa, chính trị, kinh tế, kỹ nghệ của ngoại bang. Dựa vào thế lực ngoại bang, kẻ giàu càng giàu thêm, càng gây thêm tình-trạng bê bối, bất công, hỗn độn. Kẻ mạnh càng gây thêm sức mạnh, càng đè bẹp kẻ yếu.

● Quốc gia không tiến bộ, dân tộc không quật cường lên được. Nhân dân không tiến-bộ, quốc gia không phát triển thêm được, cứ ỷ lại vào tư bản của người, và sức mạnh của người. Dạ dày của dân, trí óc của dân, xương máu của dân, đều do bàn tay của những người khác giống uốn nắn, điều khiển, theo chuyên hướng chính trị quốc gia và quốc tế của họ.

Người dân hãnh diện với một lịch sử oanh liệt bốn ngàn năm, mặc dầu cần có sự giúp đỡ của các nước bạn giàu mạnh hơn, cũng không thể thụ động vĩnh viễn làm một dân tộc nhược tiểu ở thế kỷ 20 này được.

Nhục nhũ hơn, khi ta thấy ngay bên cạnh ta một nước Nhật bản nhược tiểu trước đây 50 năm, sau cuộc bại trận đau đớn é chề trong chiến cuộc Thái bình dương vừa qua, nay đã trở nên một quốc gia kỹ nghệ hóa hùng cường vào bậc thứ ba trên thế giới.



Dài học của Nhật Bản và của Tây Đức. Ấn Độ, Do thái, — chỉ kể những quốc gia tự-do đã quật cường mãnh liệt nhất từ sau Đệ nhị thế chiến, — xác nhận hùng hồn quan điểm

(Xem tiếp trang 126)

## Những tác-phẩm của Nguyễn-Vũ

### Đang in

★ Do nhà Xuất-Bản Khai-Tri, 60 đại lộ Lê Lợi, Sg:

- Minh Oí ! — Quyển I (trọn bộ 10 quyển)
- Kỳ Phong — truyện dài tình yêu và Cách mạng
- Vết Sơn — tuyển tập truyện ngắn.
- Văn-Thi-Sĩ-Tiền-Chiến — chứng dẫn của một thời đại Văn-Học.

★ Do nhà Xuất-bản Sống-Mới, 30B Ph. Ngũ Lão, Sg

- Những Đạn Bà Lừng-Danh — Tài liệu Lịch-sử thế giới Cờ-Kim.
- Lợi Ngươi — truyện dài trào phúng xã-hội.
- Thạch Bích Sơn — truyện dài phiêu lưu.
- Hận Thạch-Bích-Sơn . . . . .

★ Do nhà Xuất bản Phổ-Thông.

231 Phạm ngũ Lão — Saigon

- Buồn Muốn Khóc Lén. (thơ Hoang-Vũ, quyển II)
- Lén Ruột (Quyển I) thơ trào phúng thời đại.

●●●● Những tác phẩm trên đây sẽ lần lượt xuất bản trong năm 1969 ●●●●●

Những tác phẩm khác : Tuấn Chàng Trai Nước Việt, Giấc Mơ Hoa, Phê Bình Văn-Học, Hồ Xuân Hương, Thơ Hoang Vũ quyển III, Thơ Lén Ruột quyển II, v.v... sẽ tiếp tục xuất bản trong năm 1970, và kế tiếp..

## Người dân quê V.N

# QUA CA-DAO

● TRẦN-HỮU-NGHIÊM ●



CÒ là không một ai trong chúng ta có thể phủ nhận rằng: thôn quê là quê hương của ca dao Việt-Nam ! Thực vậy, ca dao là những bài hát ngắn được lưu truyền trong dân gian, nhất là những nơi hang cùng ngõ hẻm, những nơi có cánh đồng xanh, có những sông ngòi tươi mát, và có một tình giếng xóm thiêng liêng.

Ca dao phát xuất từ đám bình dân nên chúng ta cũng không thể chối cãi khi nói rằng : ca dao là những sáng-tác-phẩm bình dị nhất; nên nói khác hơn là thông thường nhất và dễ hiểu nhất trong quần chúng ti.ôn quê.

*Rủ nhau đi cấy đi cày  
Bây giờ khó nhọc mai ngày  
ấm no.*

Người dân quê Việt-Nam không mấy ưa câu kỳ xa hoa. Những tháng ngày quay tròn bên họ, kể những buổi cày trưa, bên những đêm đập lúa rộn ràng của ngày được mùa.

Ta hãy nghe câu :

*Ai ơi đừng bỏ ruộng hoang  
Bao nhiêu tấc đất tấc vàng  
bấy nhiêu !*

Một tấc đất là một tấc vàng ! Không, không có gì lạ đâu. Bởi một tấc đất nhỏ bé đó chính người nông phu đã ngày đêm chăm sóc. Chính tấc đất đó, từ



Nên chúng ta ngày xưa đã ra công gầy dựng, đã đổ mồ hôi trên đó, đổ nước mắt trên đó, và đôi khi cũng đã đổ máu trên đó để lại cho chúng ta ngày nay. Tấc đất quý báu biết bao. Ai ơi đừng bỏ ruộng hoang. Bởi bỏ ruộng hoang là một người con bất hiếu, là một kẻ phản quốc, cũng là một kẻ không biết lo thân :

Ai ơi cùng vợ cùng chồng  
Chồng cây vợ cây trong  
lòng vui thay

Tình yêu đất, cũng như nghĩa vợ chồng ở thôn quê là một mối tình cao thượng. Người dân Việt-Nam là những người cần cù nhẫn nại, nhưng lại là những người sống bằng tình cảm, như câu :

Ơi cô cắt cỏ một mình  
Cho tôi cắt với chung tình  
làm đôi  
Có còn cắt nữa hay thôi  
Cho tôi cắt với làm đôi vợ  
chồng

Ta còn được nghe những câu ca dao tình tứ nhẹ nhàng và rất dễ thương.

Ơi có tát nước bên đàng  
Sao có mức ánh trăng vàng  
đã đi

Nếp sống tình cảm của những người nông dân chất phác hiền lành ấy còn thể hiện trong những câu :

Sáng nay tôi đi hái dâu  
Gặp hai anh ấy ngồi câu  
thạch bàn

Hai anh đứng dậy hỏi han  
Hỏi rằng cô ấy vội vàng đi  
dâu

Thưa rằng tôi đi hái dâu  
Hai anh mở túi đưa trâu  
cho ăn

Thưa rằng bác mẹ tôi răn  
Làm thân con gái chớ ăn  
trầu người

Đi về thôn quê Việt-Nam, chúng ta thấy đa số nhà nông đều có nuôi trâu bò heo gà. Có lẽ ngoài công việc đồng áng, nhìn những đàn gà, đàn chim, người nông dân chúng ta cũng thả hồn cho thoải mái khi nhìn chúng. Ta còn thấy trâu bò, hai con này cũng là một nguồn lợi bình dân và thực tiễn nhất. Ta thấy đa số nông dân Việt-Nam

hường hay quý trâu bò, bởi chúng hiền lành dễ bảo và làm việc rất hăng. Niềm thương đó ta thấy có câu :

Trâu ơi ta bảo trâu này  
Trâu ra ngoài ruộng trâu  
cày với ta  
Cây cày vốn nghiệp nông gia  
Ta đây trâu đấy ai mà quản  
công

Và một giàn bầu, giàn bí trước mặt nhà cũng là một nguồn thơ cho những thi sĩ đồng quê.

Bầu ơi thương bí lấy cùng  
Tuy rằng khác giống nhưng  
chung một giàn

Thật là dễ hiểu và cũng thật chí lý, một lời khuyên khéo léo mà chúng ta không thể phủ nhận và làm ngơ. Bầu ơi thương lấy bí cùng. Người ơi hãy thương lấy nhau, bởi tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn. Người ơi ! tuy rằng dân tộc này, dân tộc nọ, nhưng chúng ta có xa lạ gì đâu ? Chúng ta vẫn cùng nhau sống trên địa cầu này. Vẫn ngày ngày hít khí trời

và chung nhau làm việc. Đừng bao giờ ghét bỏ nhau. Câu ca dao ấy cũng đủ cho ta thấy một mối tình thiêng liêng trong tâm hồn người dân Việt.

Tháng giêng ăn Tết ở nhà  
Tháng hai rồi rãnh quay ra  
nuôi làm

Tháng ba đi bán vải thắm  
Tháng tư đi gặt, tháng năm  
trở về

Tháng sáu em đi buôn bè  
Tháng bảy tháng tám trở về  
đồng quê

Nếp sống dân quê không có thời khắc biểu nhưng với tính cần cù chất phác sẵn có với một đức tính hiền lành, ta còn thấy nếp sống ấy trong câu :

Tháng chạp là tháng trồng  
khải

Tháng giêng trồng đậu tháng  
hai trồng cà

Tháng ba cày vỡ ruộng ra  
Tháng tư làm mạ mưa sa  
đầy đồng

Và ta còn thấy niềm mong ước gần nhất của người dân quê trong những tháng ngày lo cho đồng xanh lúa tốt.

Người ta đi cấy lấy công  
 Tôi đây đi cấy còn trông  
 Trông trời, trông đất, trông  
 Trông mưa, trông gió, trông  
 Trông cho chân cứng đá mềm  
 Trời êm bể lặng mới yên tâm

Và khi nổi mong chờ ấy được  
 thành tựu, nét hân hoan được  
 thể hiện một cách tự nhiên và  
 dễ thương trong câu ca dao :

Bao giờ cho đến tháng mười  
 Lúa tốt bởi bởi cho đủ  
 người no

hay trong câu :  
 Bao giờ cho đến tháng mười  
 Thời nổi cơm nếp vừa cười  
 vừa ăn

Bởi tác đất là tác vàng nên  
 người dân quê Việt-Nam đã có  
 một tình yêu đất tự ngàn xưa.  
 Cũng do đó, những câu ca dao  
 sau này sẽ thể hiện một cách  
 chân thành những cảm tình  
 thiêng liêng đó.

Nhờ trời mưa thuận gió hòa  
 Lúa vàng đầy ruộng, lời ca  
 vang đồng

hay trong câu :  
 Nhờ trời hạ kế sang đồng  
 Làm nghề cấy cấy vun trồng  
 tốt tươi

và trong những câu :  
 Lạy trời mưa xuống  
 Lấy nước tôi uống  
 Lấy ruộng tôi cấy  
 Lấy đầy bát cơm  
 Lấy rơm đun bếp...



Tình yêu đất còn thể hiện  
 trong những câu ca ngợi tình  
 giếng xóm thiêng liêng. Tình  
 thiêng liêng đó từ bao giờ  
 cho đến bao giờ vẫn đẹp như  
 xưa.

Nhà quê có họ có hàng  
 Có làng có xóm lẻ làng có  
 nhau

Những câu ca dao V.N. thật  
 mộc mạc, nhưng ở cái mộc mạc  
 đó đã đưa ca dao lên một địa vị  
 xứng đáng mà chúng ta phải gọi  
 đó là mạch sống của một dân  
 tộc kiên hùng.

Bởi tình giếng xóm thiêng  
 liêng đó, người dân V.N. luôn  
 luôn hướng về quê cha đất tổ,  
 những người còn ở đồng ruộng  
 thường ít xa quê. Và nếu phải  
 ra đi, người V.N. chúng ta không  
 bao giờ quên xóm làng. Mà ở  
 đó, họ đã lớn lên với muôn  
 ngàn kỷ niệm.

Anh đi anh nhớ quê nhà  
 Nhớ canh rau muống nhớ cà  
 mướp tương  
 Nhớ ai dãi nắng dầm sương  
 Nhớ ai tát nước bên đường  
 hôm nao

Và với những cảm tình đẹp đẽ  
 đó, người dân quê dù có ra đi  
 vẫn lưu luyến dặn dò.  
 Ra đi anh có dặn dò  
 Ruộng sâu cấy trước ruộng  
 gò cấy sau

Lúa mùa thì cấy cho sâu  
 Lúa chim thì gầy cánh dàu  
 mới vừa  
 Rừng bừa tám cái còn thưa  
 Lưỡi cày tám tấc mới vừa  
 luống to  
 Muốn cho lúa nảy bông to  
 Cày sâu bừa kỹ phân tro cho  
 nhiều

Và thể hiện một cách tự nhiên  
 như câu :

Tưởng rằng tàu lặn tàu bay  
 Nên anh bỏ việc cấy cày mà  
 đi

Biết mà cu lít cu li  
 Thà rằng ở vậy nhà quê với  
 nàng

Nhà quê có họ có hàng  
 Có làng có xóm lẻ làng có  
 nhau

họ cũng khó lòng quên ơn ai  
 dù là những người rất thân với  
 họ, như câu :

Ơn ai biển cả ruộng này  
 Nhờ ai mạ hóa thành cây  
 lúa vàng  
 Công ai cao cả muôn vàng  
 Trời càng mưa gió ai càng  
 gắng công



còn có những câu :

Công anh đắp núi trồng  
chanh  
Chẳng ăn được quả vịn cành  
cho cam

Xin đừng ra dạ Bắc Nam  
Nhất nhật bất kiến như tam  
thu hề

Hương tam thu như bất kiến  
hề

Đường kia lối nọ như chia  
m i cầu

Quê hương Việt-Nam chúng ta bây giờ ngập tràn tiếng súng. Những người con quê hương chưa nhận diện nhau, đang đâm chém nhau. Những người dân

quê bây giờ đang lăm vào cảnh khốn đốn lăm than. Bởi ai ?

Bầu ơi thương lấy bí cùng  
Tuy rằng khác giống nhưng  
chung một giàn (1)

Chúng ta có thể trả lời rằng : bởi bầu không thương bí. Bởi người Việt-Nam quên rằng :

Chúng ta là đàn gà một mẹ  
Nước Việt-Nam sanh để ra  
mình

Không ! Chúng ta không thể quên ! Bởi miền quê Việt-Nam đang ngạt ngào tình ca dao thắm thiết. Chúng ta không thể oán thù nhau mãi.

★ DANH-NGÔN

— Sĩ-phu nên có tấm lòng lo việc nước, chẳng nên chú có lời lo việc nước.

Cáp Chùng Chu Thư

— Kẻ hay hiểu danh, việc làm thường giả dối.

La Khôn

— Bí quyết đầu tiên của sự thành công là phải luôn luôn chuẩn bị sẵn sàng.

Henry Ford

HUYỀN-THOẠI VỀ...

NHỮNG ÔNG THẦY RẪN

★ TỪ-CHÁU

XEM phim Ấn Độ, bạn ngạc nhiên rằng mình, chứng kiến những pha chiêu dụ giữa các tay phù thủy với mấy chú rắn. Bạn sẽ đứng tim, nếu là người yếu bóng vía hoặc rợn tóc gáy khi thấy những tay thợ rắn Việt Nam với cái rọ dây âm ẩm dồng họ rắn hổ, một loại độc xi nổi tiếng được bày biện để mặc cả với khách hàng giữa khu chợ đông người qua lại. Càng kinh ngạc nữa những tay thợ rắn đó là một cô bé gái, một chú trai tí hay một thiếu nữ đào ơ mơn mơn. Giá cả xong xuôi, nắp rọ được mở ra và người bán khoan thai cho tay vào chọn lựa một chú rắn đúng theo ý thí h của khách hàng. Những chú rắn độc xà trờ nên hiền hậu ngoan ngoãn như bị thôi miên trước bàn tay mà pháp thuật nhiệm màu đã đạt đến mức tinh vi... Xin lỗi bạn thấy vậy đừng cho là chuyện dễ làm, bạn mà thọc tay vào tiều đó thì coi như đi đóng cuộc sống.

Những bàn tay khéo léo ấy đã được bồi kỹ một lớp thuốc đặc biệt có tác dụng hữu hiệu làm khiếp đảm và thu phục dễ dàng mấy chú rắn rồi họ cũng như chúng ta đâu đợi gì đùa dai với tử thần để chọn cho mình cái chết vô lý.

Bắt rắn cũng là một nghề độ nhứt sinh nhai mà trước đây, thuở đất nước ta còn yên ổn, mọi người có thể công khai lạng lẹ từng hang cùng ngõ hẹp, mạng sống không phải sợ bị đe dọa, như ngày nay đã có nhiều gia đình coi như việc làm chuyên nghiệp, cha truyền con nối đời này sang đời khác. Sản thú trên rừng có những phút theo dõi ráo riết và hồi hộp chờ đợi con mồi. Bắt rắn cũng vậy, cũng theo dõi dấu vết cũng rình rập để thộp cổ những chú rắn thật to, thật béo thật dễ treo giá với mấy tay nhân ưa món thịt rắn trộn bắp chuối hoặc năn cháo đậu xanh. Thường thì các thợ rắn công khai tìm đến từng hang vách vổ vổ miệng



hàng lối lên từng chú một, dù tốn công hơn, mặc dầu như vậy có khi phải thất vọng vì gặp nhiều chú quá bé, cũng chính những chú bé này thường làm khó dễ họ, bởi phần đông mấy chú mà chính chúng ta coi rõ cho là nhỏ, chắc chắn không làm nên tích sự gì lại là những thú lành đầu đàn không phải thứ để trị. Cũng đã có nhiều tay thợ già tuổi nghề, quá khừ như một chiếc thảng về vàng, từng hạ không sao kê hết dịch thú, vậy mà giờ chót đành bỏ mạng về tay chú rắn úi hơn. Vài giai thoại về những ông thầy rắn lạ đời do chúng tôi sưu tầm, xin thuật hầu quý bạn.

**Ông thầy rắn xã Phú Vinh với lối cứu người kỳ lạ**

Năm bên này bờ con kênh Tàu Hủ và đúng hai phần ba đường từ Châu Đốc đi Tân Châu, mấy mươi năm trước, Phú Vinh là một thôn nổi tiếng hòa với ruộng đồng trừ phú với cây lành trái ngọt, với cuộc sống thanh bình yên tĩnh.

Cạnh đình Thần có con đường đất dẫn lối từ chợ vào cuối đường nhà thầy Năm Khi, một ông thầy rắn nổi danh. Đền địa phương quen gọi ông là thầy thuốc cứu. Thuở sanh tiền, thầy Năm Khi cũng là một trong những tay thợ bắt rắn, hình như suốt quãng đời trai tráng của thầy, thầy không dùng cho việc gì khác ngoài cái thú đùa giỡn với loại độc thú này để trở thành thói quen đeo đuổi như một nghiệp vĩ cứu mạng. Rồi thời gian chông chắt, tuổi già không cho phép lặn lội, dãi gió dầm sương; thầy Năm Khi đành lui về tìm thú vui khác còn sót lại trong đời như một bóng nắng cuối chiều. Tuy vậy, thầy vẫn chưa chịu dứt khoát từ chối nghề nghiệp, thỉnh thoảng phải khăn gói bôn ba dẫu trên xóm dưới để cứu một vài người không may ngộ nạn. Điều mà mãi về sau dân Phú-Vinh, mỗi lần nhắc đến tên thầy Năm Khi ai ai cũng tỏ ý ngưỡng mộ và thán phục, có lẽ tại cứu người kỳ lạ của thầy. Chưa một lần nào người nghe nói thầy Năm Khi dẫu trước một nạn nhân nào.

Một tối, thầy Năm Khi đang nằm trên võng phi phèo điều thuốc và lắng lơ suy tư như sống trở về ngày, tháng quá vắng oai hùng thì có tiếng đập cửa đập dồn và tiếng kêu hối hả.

— Thầy Năm ơi ! có thầy ở nhà đó không, làm ơn cứu dùm con gái tôi.

Thầy Năm Khi bật dậy mở cửa.

— Tôi đây, tôi chờ chú từ này giờ chú Tư.

Chú Tư là một tá điền, nhà ở cuối thôn.

— Sao thầy biết tôi tới, thầy Năm ? Chú Tư hỏi.

Thầy Năm Khi dập tắt điều thuốc rồi chạy dõ vào cái gạt tàn bằng sành, nói :

— Ngọn đèn trên bàn cho tôi biết đó chú.

Đề trần an nôi ngạc nhiên của chú Tư khiến chú sững sờ, thầy Năm Khi tiếp :

— Nhìn ánh sáng khác ngày đường của nó tôi linh cảm có chuyện bất lành.

Bằng trạng thái sau cơn mơ Chú Tư :

— Thầy Năm vui lòng thay đồ đi với tôi để không kịp thầy Năm.

Chú Tư đưa thầy Năm Khi trở về nhà chú thì lúc bấy giờ đã đông nghẹt bóng hàng xóm, những người thân cận đồ xô tới khi hay tai biến, Thầy Năm Khi chào hỏi và ung dung nói chuyện với mọi người mà chưa hề dă động gì tới đứa con gái chú Tư đang nằm thiêm thiếp trên bộ ván, đôi mắt trợn trừng, dờm rãi kéo ô-ô, thái độ đó khiến chồng vợ chú Tư nghe như ngồi trên đầu sôi, lửa đỏ. Chập lấu, thầy Năm Khi mới tới nhìn đứa nhỏ và xem qua vết thương, thầy nói :

— Chú, thềm yên tâm đi, chẳng có gì đâu, sáng ngày sau con bé sẽ khỏi.

Chú Tư nói :  
— Tôi thấy bộ con nhỏ nguy quá thầy Năm !

Thiêm Tư phụ họa :  
— Không biết thứ rắn gì cắn nhầm. Tôi với Ba nó đang bàn về



## ÔNG THẦY RẦN

chuyện mùa lúa sắp tới thì nghe tiếng la ngoài sân, — con bị rần cắn Vợ chồng tôi chạy ra, không thấy rần đâu hết mà con nhỏ thì ngã lộn bất tỉnh. Nghe thầy Năm đi Tịnh Biền mấy bữa trước, sợ thầy năm chưa về nên ba nó định đưa con nhỏ qua thầy Sáu Xương. Thầy Sáu ở bên kia sông cũng nghịch đường, tôi bàn hay là lại nhà coi thầy về rồi thì rước thầy tới đây tiện hơn, may quá...

Thầy Năm Khi nhìn vợ, chồng chú Tư, nói:

— Cũng may cho con nhỏ, chú thiêm mà đưa con nhỏ xuống xuống đưa qua bên thầy Sáu thì con nhỏ tắt thở ở ngay mé sông rồi, thứ này kỳ nước.

Có tiếng hỏi.

— Rần gì mà độc vậy thầy Năm?

— Rần mối.

— Thuở giờ nghe nói rần mối cắn đâu chết ai?

— Chuyện này để rồi tôi kể cho bà con nghe. Quay sang vợ chồng chú Tư, thầy Năm tiếp: Đêm nay chú, thiêm và tôi phải

thay phiên nhau canh chừng con nhỏ. Bây giờ, nếu trong nhà có trà, thiêm cho tôi xin một bình dài bà con, luôn liện chú với tôi thì rã cho đỡ buồn ngủ.

Thiêm Tư bước vào trong. Thầy Năm bắt đầu kể:

— Mới vừa rồi tôi nói con rần mối, bà con chắc nghi ngờ và lạ lùng lắm. Rần mối có tiếng là hiền, ít khi cắn ai, cũng chưa nghe người nào nguy ngập về loại này. Có điều con rần mối này không phải loại thường, nó « tu luyện » rất lâu năm trong cái hang phía sau miếu, bốn chân của nó đã rụng mất nên chậm chạp và hiền từ lắm. Sở dĩ nó cắn cháu nhỏ vì đã có lần cháu nhỏ này định sát sanh mà nó thoát khỏi, trả thù đó. Dầu vậy cũng không có gì đáng lo, tôi cam đoan mặt trời buổi sáng vừa mọc lên là cháu nhỏ sẽ khỏi và tôi trình diện con rần mối đó cho bà con coi.

Thay vì chạy đôn, chạy đáo, thay vì réo khóc bù lu, bù loa, trước tình trạng thập tử như sinh, mạng sống như chuông treo, chỉ mảnh của con gái thì chồng vợ

## ÔNG THẦY RẦN

chú Tư lại lo lắng xằng, nào bánh nước, nào chè, cháo và cũng nhờ con gái bị rần cắn, nhờ có lối chữa bệnh lạ lùng của thầy Năm Khi mà những người hàng xóm của chú Tư được một tối vui vẻ. Những câu chuyện về mùa màng về nước non, về thời tiết được mọi người lần lượt khéo gọi để lấp con buồn ngủ và chờ đợi bình minh hôm sau với tất cả nao nức.

Đưa con gái chú Tư vẫn bất động trên bộ ván. Về khuya, hơi thở nó càng thốn mồn, lụn dần. Nhìn con gái nấc lộn từng hơi đứt đoạn, chú Tư xót ruột hỏi:

— Liệu con gái tôi qua khỏi không thầy Năm?

Thầy Năm Khi quả quyết.

— Chú đừng có lo gì hết, tôi lấy sanh mạng của tôi bảo đảm với Chú.

Cho đến khi có tiếng gà trong thôn gái báo hiệu tàn đêm, thầy Năm Khi mới nói với chú Tư.

— Chú cúng nước, dâng hương tất cả bàn thờ trong nhà đi. Xong rồi lấy cho tôi ba lá trầu với hai miếng cau khô.

Thầy Năm Khi bưng cái đĩa có ba lá trầu và hai miếng cau khô, từ tay chú Tư, bước ra ngoài sân, thầy còn dặn hết thầy mọi người có mặt đừng một ai theo thầy hết.

Giây lâu chừng tàn điếu thuốc, thầy Năm Khi trở vào đưa chú Tư cái đĩa đựng trầu cau ban nãy trong đĩa có đựng chút nước màu đỏ sậm.

— Chú trút đĩa nước vào miệng nó là nó hồi tỉnh ngay.

Mọi người nín thở chờ đợi trong hầu hết ánh mắt đều ần ần chứa vô vàn thắc mắc và họ băng lòng dấu kín ần ức đó của mình mà không dám mở miệng, hỏi một câu vì họ yên tâm có hỏi chắc cũng không khi nào thầy năm Khi chịu trả lời cho họ về lai lịch đĩa thuốc kia, lý do để hiểu là bí mật nghề nghiệp.

Quả nhiên sau những phút chờ đợi ngắn ngủi, mọi người đều muốn hét lên trước kết quả vô cùng hiệu nghiệm của đĩa thuốc. Con bé trở mình rồi bật ngồi dậy nhìn đác đác chung

quanh như vừa thoát khỏi một cơn mơ nào đó.

Những cặp mắt đổ dồn về hướng con bé mà không một ai để ý tới sự hiện diện của con rần mỗi trong giờ phút này. Từ ngoài cửa, nó trườn mình vào một cách nặc nhọc đứng lại trước mặt thầy năm Khi và thầy ngồi xuống xòe bàn tay ra cho nó trườn dần lên đó.

Đến khi có người chực nhỏ tới con rần mới mà thầy năm hứa sẽ trình diện định quay lại chất vấn thì thấy con rần mới hình thù đúng như thầy nói đầu hôm nằm yên trong lòng bàn tay thầy từ bao giờ.

Những bóng nắng đầu tiên trong ngày bắt đầu vượt lên từ cuối chân trời xa. Và thêm lần nữa, thầy năm Khi được dịp củng cố địa vị một ông thầy thuốc cứu.

### Ngôi nhà rần

Sau những mệt mỏi, chán chường, sau những vất vả liên miên, cuối mùa Thu năm đó, tôi xin dời đi dạy ở miền xa, heo

lánh. Lớp học mà tôi sắp sửa phụ trách nằm trong ngôi trường ở một quận lỵ nhỏ bé vùng Thất Sơn. Buổi trưa mới tới, tôi lang thang tìm căn nhà để xin ở trọ. Mãi mê với vẻ âm u, vắng lặng, thật thích nghi ở đây tôi lạc tới vùng ngoại ô, cách phố chợ khá xa mà không hay. Khi chọn được căn nhà theo ý mong muốn thì buổi chiều bỗng mình rơi xuống. Còn đang lạng vạng ngoài công rào, định lên tiếng gọi, chợt người con gái từ trong nhà ra hỏi tôi.

— Xin lỗi, ông tìm nhà ai?

Tôi nói rõ ý định mình với người con gái, cô ta bảo:

— Ở vùng này khó tìm được căn nhà theo ý ông, vả lại làng này người ta quen nếp sống bình thân rồi, sự hiện diện của người lạ những buổi đầu không ít thì nhiều cũng gây một vài xáo trộn.

Tôi ngập ngừng phân vân định từ giã thì người con gái nói tiếp:

— Có ba tôi trong nhà. Nếu thầy cần, mời ông vào thương lượng với ba tôi, tôi không đủ quyết định trả lời ông dứt khoát.

Người con gái mở cổng, tôi leo đèo theo cô ta vào bên trong. Ngôi nhà nằm khuất sau khu vườn âm u, gồm nhiều loại cây ăn trái và những giống hoa quen thuộc.

Vừa đặt chân ở ngưỡng cửa, tầm mắt lóo liên quan sát, tôi muốn ngả quỵ xuống vì bất gặp cảnh tượng hết sức hãi hùng, khiếp đảm. Cảnh tượng đó cho tôi cái cảm giác rùng rợn về những ngôi nhà quái dị trong truyền liêu trai. Trên từng kèo, cột, trên từng chiếc ghế, trong từng góc, xó, đầu đầu cũng thấy la liệt những chú rần, hoặc buông mình lơ lửng giữa không hoặc khoanh tròn bất động như những cuộn thừng.

Người con gái nói với tôi:

— Ông đừng sợ, những con vật này ba tôi nuôi dạy từ nhỏ nên hiền lành, không làm hại

gì ai đâu. Chúng nó nghe được những lời sai bảo.

Tôi định kiểm soát với người con gái để rút lui, nhưng không hiểu sao lại thôi, có cái gì mơ hồ, có cái gì huyền hoặc lôi cuốn khiến tôi ngậm cảm. Cô ta đuổi một chú rần có thân hình xanh như tàu lá chuối non, khoanh trên ghế và mời tôi ngồi xuống đó. Tôi có cảm giác như từ thần đang tỉnh rập, chực chờ từ phía. Ngần đó độc xà ủa nhau tấn công cùng lúc chắc chắn tôi sẽ là món mồi ngon cho chúng nó và cả người con gái nữa, có lẽ cô ta không tài nào thoát nổi. Vậy mà, hình như ở người con gái có huyền lực gì ghê gớm, cô ta điều khiển, rầy la bầy rần như người lớn nói với những đứa trẻ thật ngoan ngoãn, dễ thương. Một chú rần hồ đen thui, đen thui đứng lại trước mặt tôi, ngừng đầu lên rồi gật gật mấy cái, lại bỏ đi nơi khác. Người con gái nói:

— Nó chào ông đó.

Bây giờ thì con hải sợ biển mất từ từ, tôi không còn nghe



bôn chôn, lo lắng nhiều như hồi mới đặt bước chân vào đây, quyền lực của nữ chủ nhân ngồi nhà cho tôi điều an tâm đó. Tôi rút thuốc đốt hút lấy thêm bình tĩnh. Cô gái đi ra nhà sau. Tôi ngồi với những ý nghĩ vẩn vơ. Lúc này mới đủ can đảm quan sát bầy rắn rài rác khắp nơi. Một chú rắn có những vệt vàng, đen xù xù như màu rắn ri của con ngựa rừng, khiến tôi nhớ câu chuyện đi đồng bắt dế hồi nhỏ. Lần đó, bọn tôi chia nhau lục soát khu đất ở gần quê ngoại tôi, khu đất có đám đậu xanh vừa mọc chưa đầy một tấc. Tôi phác giắc được nhiều tiếng gáy te te và tiếng gọi mái vang rền dướn tảng đất to nhưng không đủ sức lay chuyển, phải báo động cho lũ bạn tới hợp lực. Tảng đất được chúng tôi reo hò đầy lật ngang, như một tai họa khủng khiếp, đám dế giạt mình nhảy túi bụi, chúng tôi vừa định xấp lại thu chiến lợi phẩm thì từ trong đó, một chú rắn hổ ngựa ngóc dậy, quăng mình rượt chúng tôi. Cả bọn năm đứa chạy bán sống, bán chết, chạy khỏi rồi hỏi ra đứa nào

cũng quăng cả lon, hộp chứa ít nhiều dế bắt được dựng trong đó.

Sau khi nghe người con gái nói lại ý định của tôi, ông chủ nhà tỏ ý mời tôi ở lại dùng cơm và tạm nghỉ qua đêm. Còn chuyện đồng ý cho tôi trọ hay không chẳng nghe ông đã động đến, có lẽ ông ta đoán khi tôi biết ra được thì chẳng đời nào can đảm kéo lê từ ngày này sang ngày khác ở ngôi nhà kỳ dị của ông.

Biết tôi còn thắc mắc, lạ lùng việc nuôi rắn đầy nhà, nên ông ta giải thích với tôi bằng câu chuyện về dòng họ của ông. Ông kể, trước kia cụ thân sinh ông là một thầy rắn hữu danh. Rồi có lẽ số mệnh sắp đặt nên ngày kia cụ thân sinh ông bỏ mạng bởi một cặp rắn nọ, mà khi khám phá được thì cặp rắn đó là một cặp rắn chúa. Sau lần đó, ông nói, ông cương quyết bỏ nghề, không tiếp tục sát sanh loài rắn nữa, mà làm ngược lại, nghĩa là quay sang với công việc thiện tại. Bằng giọng trầm buồn, mơ hồ :

— Chú biết không, khi ông thân tôi bị một trong hai con rắn nói

trên pháp đúng vào hổ khâu, ông ngã lăn ra không kêu lên được tiếng nào, tôi thấy vậy phóng tới thì cặp rắn rút xuống hang, không chân chờ, tôi công ông thân tôi chạy bay trở về bên sông nơi neo chiếc ghe của cha con tôi để đồ thuốc cho ông. Thì lạ lùng, mấy chai thuốc mang theo đều khô sạch như có bàn tay của ai vừa trút bỏ, và ông thân tôi dành tất hơi oan uống. Tôi tức giận phát run, chợt nghĩ, có lẽ phần số của ông chấm dứt ở đó theo sự sắp đặt của tạo hóa nên mới khiến có chuyện lạ xảy ra như vậy.

Bữa cơm được dọn lên, vừa thưởng thức món ăn, vừa nhăm nhi cốc rượu, ông vừa kể cho tôi nghe về chuyện trả thù rừng rợn và công phu của rắn. Đang nói với tôi, bỗng ông dừng lại nhìn ra hướng cổng vào, vừa lúc tôi nghe có mùi hăng thoảng qua. Ông ta gật đầu, nói.

— Nó về rồi đó chú.

Tôi không hiểu gì hết, vẫn tiếp tục ăn. Ông ta nói tiếp.

— Con rắn hổ hành này

tôi tốn công thật nhiều mới cứu sống được nó, người ta đốt ruộng, nó bị kẹt giữa đám cháy đến khi chạy thoát thì mình mây phồng gần hết. Nuôi lớn lên bây giờ nó muốn bỏ tôi mà đi.

Ông ta nói tôi đó liền cúi xuống dùng hai tay nâng một chú rắn lên ngang tầm ánh sáng hắc ra từ ngọn đèn dầu để trên bàn.

— Chú có mùi mùi hành thoảng quanh đây không? Chút đặc biệt đó nên tôi đâu là người ta biết ngay.

Ông ta ngắm nghía, vuốt ve con vật nằm dài trên bàn. Tôi nhìn độc thú mà trong dạ nao nao. Ông ta mân mê đến chót đuôi con vật, vọt kêu lên ngạc nhiên.

— Chết rồi, nó vừa gieo tai họa cho ai trước khi trở về đây. Bao nhiêu năm nuôi dưỡng giờ nó trả công cho tôi thế đó!

Rồi ông phân trần giải thích :

— Chú coi cái đuôi của nó bị rụng chút xíu đây nè, giống này mỗi lần cần ai cũng đều quay



lại cần bỏ một phần chót đuôi của nó. Bởi vậy phần đuôi của Con nào càng cụt tức là nó đã phạm sát càng nhiều.

Con vật chừng như biết nó phạm lỗi nên nằm im nhận chịu. Buổi cơm xong, Ông kêu người con gái và bảo.

— Con đi hỏi thăm coi ai vừa bị nạn, làm thuốc cho người ta và xin lỗi giùm ba, Thật giống cứng đầu cứng cổ.

Xế đêm, người con gái trở về cho biết:

— Nó cần thẳng Sinh, con chú hai Hoài ở xóm chùa Hang đó ba, thằng nhỏ bị cắn lúc xâm lỗi.

Suốt đêm, những chập chờn đứt đoạn, những ám ảnh phân vân không cho tôi được bình yên giấc ngủ.

Hơn hai năm còn lại ở đó và cho tới ngày nay, chưa một lần tôi ghé qua thăm cha con chủ nhân ngôi nhà rảo dạo trước. Một buổi tình cờ gặp lại người quen, hỏi thăm mới hay ngôi nhà cũ vẫn còn, mà cha con ông thầy

rắn thì ra đi không biết tự bao giờ.

★ Thầy rắn tí hon

Thường Phước là một cách đồng bát ngát tiếp giáp với Đồng Tháp Mười. Mùa nước lũ, đồng ruộng ngập lụt gần hết, không còn trồng trọt gì được, dân địa phương phải quay qua sanh sống bằng nghề đánh cá. Con nước tràn xuống từ Biên Hòa bên phần đất Cam Bốt nên cá tôm nhiều vô kể.

Một buổi trưa, thôn xóm zao động về nguồn tin được phát đi từ một anh giăng câu vừa hồi hải trở về. Anh ta bảo, như thường nhật, anh ta chống xuống vào lùm cây cạnh gò mồi để bắt đầu công việc, nhưng vừa đến nơi anh gặp một con rắn thân to cỡ khúc củi tràm, dài trên mười thước, vắt mình trên một thân cây, đầu thông xuống gần chấm mặt nước và anh quay xuống trở lui như vừa thoát khỏi tai nạn khủng khiếp.

Liền đó dân làng truyền nhau báo động tìm phương pháp

đối phó. Có người bàn phải cần đến những chàng trai khoẻ mạnh võ nghệ thông thạo, trang bị dao rựa đầy đủ mới mong hạ nổi con mãng xà.

Hai chú bé, một đứa tên Cò, một đứa tên Cường. Thằng anh trạc mười lăm mười sáu, thằng em khoảng mười ba mười bốn, tình nguyện xin lãnh nhiệm vụ đi hạ độc xà, nhưng nói ra ý định không ai chịu tin, có người gạt phăng vì tưởng hai chú đùa dai. Biết có nài - ni cũng vô ích, hai chú bảo nhau chống xuống theo hướng chỉ của người giăng câu ban sáng.

Đám trai tráng võ trang được điều động gấp rút kéo nhau đến lùm cây nơi mãng xà xuất hiện. Từ xa, họ đã thấy có luồng khói trắng nghi ngút thoát lên không trung. Đoàn người dừng lại. Đã có người phác giác ra sự hiện diện của hai chú bé trong lùm cây. Ai

cũng kêu trời, tỏ ý tiếc thương hai chú bé liều lĩnh đại dốt. Còn đang ngẩn ngơ, đoàn người bỗng nghe tiếng động vang dội như có thân cây bị ngã, có người kêu lên.

— Con mãng xà chắc đã nuốt một lượt hai anh em đứa nhỏ rồi.

Khi sóng nước yên lặng, đoàn người vô cùng sửng sốt khi thấy hai chú bé từ giữa lùm cây thong thả chống xuống lui ra, một bên xuống còn có thân con mãng xà bất động được buột cần thận kéo lê theo trên mặt nước.

Được hỏi, hai chú bé cho biết chú học cách bắt rắn với một ông thầy lạ mặt nào đó và con mãng xà nói trên đã bị hai chú dùng thứ thuốc chế tạo bằng lá cây đốt lên làm mê mang buông mình rớt xuống, hai chú chỉ nương cơ hội hạ độc thủ và dùng giây trói lại kéo về.

TỪ - CHÂU



# GÁI và TRAI thế hệ



Tôi viết lên những cảm nghĩ của tuổi trẻ  
hôm nay

★ PHAN-THỊ LY-LAN  
ĐÀ-NẰNG

**T**ừ xưa đến nay người ta vẫn cho tuổi trẻ là vô tư, là hồn nhiên, là khoảng đẹp nhất của một đời người.

Vâng, chúng tôi chấp nhận là đúng, nhưng xét lại thì sẽ thấy

nó không còn đẹp, không còn hãnh diện là vô tư như một thuở thanh bình xa xưa ấy, không còn những giây phút mơ mộng, mà chỉ sống vội vã, có thể gọi là đốt thời gian, sống với thực tế. Nhưng thực tế có gì đáng sống

## GÁI VÀ TRAI

Chiến tranh — máu đỏ, dầu rơi.  
tất cả đều đổ vỡ trước cặp mắt  
của bọn trẻ chúng tôi ngày nay.

Nhưng thiết nghĩ, chúng tôi đã  
làm gì nên tội. Chúng tôi chào  
đời bằng những tiếng khóc oe oe  
theo thời gian lớn lên trong tình  
thương của gia đình, học trường  
rồi xã-hội. Chúng tôi đã làm gì  
mà bắt tuổi trẻ thế hệ chúng tôi  
phải trực tiếp hay gián tiếp lãnh  
chịu. Chúng tôi sống với sự chán  
chường. Chúng tôi đâm ra hư  
bổng, sống không nghĩ đến ngày  
mai, chỉ nghĩ rằng hiện tại mình  
còn sống, sự chết chóc ám ảnh  
đầu óc bọn tôi. Chúng tôi đau  
đớn phải nhìn những xác chết  
của anh em, bạn bè v.v..

Đôi lúc chúng tôi cũng muốn  
sống một cách gương mẫu, thánh  
thiện, nhưng ngoại cảnh đã chi  
phối tâm hồn và thể xác chúng  
tôi một cách trầm trọng. Chúng  
tôi khổ sở, đau đớn phải chấp  
nhận cái thế hệ chúng tôi đang  
sống. Con người không thể định  
đoạt được cuộc sống của mình?

Những sự kiện ấy đã đầu độc  
bọn trẻ chúng tôi hôm nay. Vậy  
những người có trách nhiệm

đừng vội trách chúng tôi hư  
hông, mà hãy cố gắng gây dựng  
lại những gì đã đổ vỡ thì hơn  
cả.

Chúng tôi thiết tha cầu nguyện  
cho chiến tranh sớm vẫn hồi  
trên mảnh đất nhỏ bé này, để  
chúng tôi tìm lại một tia sáng,  
một lối thoát cho ngày mai.  
Chúng tôi vẫn biết lời kêu gọi  
trên đây đều vô ích và người ta  
vẫn thân nhiên trút trên đầu bọn  
trẻ hôm nay những sự đau khổ  
và chiến tranh vẫn kéo dài, khi  
nào mới kết thúc? Chúng tôi  
mong mỗi cảnh chết không toàn  
thây đừng tái diễn, để những  
đứa bé không sớm chít lên đầu  
vành khăn trắng, để cha mẹ,  
anh em, bạn bè của chúng tôi  
còn hy vọng có ngày gặp nhau  
trên mảnh đất Việt-Nam yêu quý  
này và nhất là cho bọn trẻ  
chúng tôi, được mãi điềm trên  
đôi môi những nụ cười hồn  
nhiên của tuổi trẻ.

PHAN-THỊ LY-LAN  
52 Nguyễn-thị-Giang 52  
— ĐÀ-NẰNG —



## Đời phiêu-lưu cách-mạng

của

# CỤ PHAN-BÔI-CHÂU



\* HUỲNH-HỮU-YẾN

(Tiếp theo P.T. số : 216)

Thế là lá bài chánh trị của cụ từ đây gọt rửa hết hai chữ quân-vương. Hội «Duy Tân» hủy bỏ, «Việt Nam quang phục» ra đời.

Chương trình hội «Việt Nam quang phục» do cụ sáng thảo, được toàn thể đảng nhân thừa nhận. Tôn chỉ hội gồm có :

I. — Khởi phục Việt nam kiến lập nước «Việt Nam Cộng hòa dân quốc» ấy là tôn chỉ độc nhất của bản hội. Hội chức viên đặt làm ba bộ phận :

A) Tổng vụ bộ. — Bộ trưởng Việt nam quang phục hội, Hội trưởng Kỳ ngoại Cường Đễ. — Phó Hội trưởng Hội Tổng lý Phan Sào nam ;

B) Bình nghị bộ. — Bộ viên gồm ba người trong ba kỳ :

—Bác-kỳ Nguyễn Thương-Hiền.  
—Trung-kỳ Phan Sào-Nam  
—Nam-kỳ Nguyễn Thần-Hiền.

C) Chấp hành bộ. Bộ viên có 10 người :

Quân vụ Ủy-viên : Hoàng-Trọng-Mậu Lương-lập-Nham

Kinh-tế Ủy-viên : Mai Lão Bạng, Đặng Tử-Kính

Giao tế Ủy-viên : Lâm đức Mậu, Đặng Bình Thành

Văn độc Ủy-viên : Phan Bá Ngọc, Nguyễn Lương Chiểu.

Thư vụ Ủy-viên : Phan qui Châu, Đinh Tế Dân.

## ĐỜI PHIÊU LƯU

Ngoài ủy viên chấp hành bộ đặt thêm ba vận động ủy viên :

Nam kỳ, Đặng Bình Thành.  
Trung kỳ Lâm quang Trung, Bắc kỳ Đặng X. Hồng.

Địa điểm trụ sở có hai chỗ

II Sa hà, nhà thờ Lưu Vĩnh Phúc.

21 Hoàng sa, Chu Thị Quán.

Hội thành lập xong nhưng công quỹ không có, không thể nấu cái ra cơm được. Một mặt đợi vận động trong nước, một mặt khác khất cái ở ngoài kiếm tiền làm việc cấp bách. Tiền khất cái được : Tam xã Lưu Phục tiên sanh tặng 20000 ; Dân-quản Thống-lãnh Quân-nhân phủ tặng 10000, Tạ Anh-Bá và Đặng cảnh-Á tặng 10000. Cộng 22000, liền trích ngay một ít in chương trình và tuyên ngôn Quang-phục hội giao ba ủy-viên vận động mang về nước. Khốn vì lúc đó cụ Lý-Tuệ đã bị bắt làm tù nên các văn kiện nhập cảnh có khó lòng.

Chẳng bao lâu, ba ủy viên về nước, vận động ra được số bạc 50000, trong số đó của ông Đặng

Bình-Thành vận động Nam kỳ được 200000, ông Lâm Quang-Trung vận động Trung kỳ được 50000, ông Đặng Xuân Hồng vận động Bắc kỳ được 50000. Sự vận động tài chánh lúc này sút kém thua lúc hội Duy-lân rất nhiều.

Hạ tuần tháng hai năm nhâm tý (1912) cụ lên Nam kinh yết kiến Tôn Trung Sơn tiên sanh, vừa gặp lúc khai mạc quốc hội Trung hao lần đầu tiên, cụ được mời vào ghế dự thỉnh.

Cụ đàm đạo với Hoàng-Hưng tiên sanh, được nghe qua lời bàn của Hoàng, cụ thất vọng. Hoàng viết giấy cho cụ giới thiệu với Hồ-hán-Dân, những ý kiến thảo luận giữa cụ và Hoàng tiên sinh. Cụ từ giả Hoàng tiên sinh trở về Thượng-hải tỏ tình với Đô-đốc Trần-kỳ-Diệp. Được Trần tiên sanh tặng 40000.

Thành lập Quang-phục hội, chế quốc-kỳ, quân-kỳ. Những du học sanh tổng học tại các trường quân sự Trung-hoa có nhiều người đã thành tài như các ông : Lương lập Nham, Lam quang Trung, Hồ hình



Son, Hà đưng Nhân, Nguyễn thiện Tô, Đặng hồng Phấn, Trương quốc Uy, Bắc-kinh Quân nhu học hiệu các ông : Lưu hải Hồng, Ngu, ên-chiêu-An, Quãng tây cán bộ học đường các ông : Trắc hữu Lực, Nguyễn tiền Đầu Nguyễn trãi Bạc. Còn các ông sau đây ở binh dinh đã lâu ngày : Nguyễn hải Thần, Hoàng trọng Mậu, Nguyễn quỳnh Lâm, Đặng x. Hồng.

Việt-Nam Quang-phục quân, cụ và cụ Hoàng trọng Mậu khi thảo phương sách gồm hơn 100 trương, in thành sách, ngoài bìa có bình « quốc kỳ, Quân kỳ » nội dung chia làm 5 chương :

- 1) Chủ nghĩa với tôn chỉ Quang-phục quân.
- 2) Kỹ luật của Quang-phục quân.
- 3) Cách biên chế Quang-phục quân.
- 4) Chức viên và lương bổng của Quang-phục quân.
- 5) Kế hoạch tiến hành của Quang-phục quân.

Phương sách Quang-phục quân làm xong duy đồng tiền không có

khó nổi tiến hành bạo động. Cụ nảy ý ấn phát « Việt-nam Quang phục quân dụng phiếu đổi lấy bạc quyết một phen khi nghĩa với vàng cò tào, há khoaanh tay chịu chết. Ý kiến ấy cụ đem bàn với các đồng chí người Quãng-Đông, được Tô thiếu Lâu tán thành.

Cụ liền ủy cụ Hoàng Trọng Mậu đi với Tô thiếu Lâu qua Hương cảng tìm người cách mạng Trung-Hoa đã quen làm việc ấy, bí mật in cho bốn thứ Quân dụng phiếu : 5đ. — 10đ. — 20đ. — 100đ. Mặt trước in mấy chữ lớn « Việt-Nam Quang phục quân dụng phiếu », mặt sau mấy dòng chữ Hán và quốc ngữ : « Giấy bạc này là Việt-Nam Quang-phục quân lâm thời chánh phủ phát hành », Y chữ số trên mặt giấy mà mua, đổi bạc thật đến lúc Dân quốc chánh phủ thành lập, đem bạc thật trả lại và cấp lời một thành hai, cấm mạo giả và lạm phát ai vi phạm sẽ bị phạt nặng Người ký tên Phan-sào-Nam. Người kiểm phát Hoàng-trọng-Mậu.

Phiếu in bằng điện rất tinh xảo giống bạc Tàu.

Thực hiện võ trang cách mạng, một mặt, cụ phái người về nước cổ động lính tập quây súng đuổi quân thù, mặt khác, cụ cầu viện Tàu ám trợ quân nhu quân phí.

Bấy giờ cụ tìm gặp các yếu nhân Tàu: Cô Thiên-Mâm, Đặng Cảnh Bá, trình bày hành động Được hai ông: Cô và Đặng góp ý kiến : « Sự cách mạng trong thực tế mà cũng có hư danh, hư danh là gây mối mà thực tế là hậu quả. Nay xét thực lực các ông chưa có gì, vậy cần phải phô trương hư danh, nghĩa là lập một cơ quan tổ về bề ngoài để người ta chú ý, và làm trường thực lực mình to tác, họ mới giúp mình thành công. (hư giả thật chi).

Cụ cho ý kiến ấy đặc sách, liền lập ngay « Chấn Hoa Hưng Á hội », làm ra bản tuyên ngôn đại lược có ba đoạn :

Đoạn thứ nhất, đề cao nước Trung-hoa là huynh trưởng toàn cõi Á-đông.

Đoạn thứ hai, chỉ trích nước Trung-hoa bất chấp ngoại giao và vạch rõ đường lối bài ngoại cho Trung-hoa đầy đủ chi tiết : đối

với Anh, với Nga, với Đức, với Pháp và với Việt-Nam.

Đoạn thứ ba, kết luận là Trung Hoa muốn bài Pháp cần viện cho Việt-Nam cách mạng thành đội tiền chiến. Thành công tức quốc uy Trung-hoa chấn khí, Á-đông nhân đó cường thịnh.

Chương trình và tuyên ngôn in xong gửi khắp sĩ-phu Tàu, được hoan nghênh lắm. Cụ thuê một nhà lầu hai tầng, rộng 10 gian với lối kiến trúc mỹ thuật ở giữa Quãng-đông ; treo lên một tấm bản đề mấy chữ lớn : « Đông bằng Y-xá ». Trú một phòng rộng lớn ở ngoài dùng làm Y-viện, có hai thầy thuốc : Tây y, Dương trần Hải, Đông y, Mai Lão Bạng các gian khác dùng làm « Chấn-Hoa Hưng-Á hội sở » và Việt-Nam Quang-phục hội sở.

Hào dảng đã được trang bị, người Tàu ghé mắt lưu tâm, giúp sức cổ động thâu nạp vào « Chấn Hoa Liên-Á » khá đông, chưa đầy một tháng mà số hội viên được hơn hai trăm người, đều là người trí thức và quan binh Tàu.

Ngày khai hội cụ và Lâm đức



Mâu, Đặng cảnh Bá người Quảng Đông, đều có đảng Đạn diễn thuyết được hội nghị nhiệt liệt hoan hô. Bầu ban Trị-sự : Đặng cảnh Bá đắc cử Chánh hội trưởng ; Phan sào Nam Phó hội trưởng. Thờ kị người Hoa và Việt.

Chương trình hội :

Thứ nhất, viện trợ Việt-Nam, thứ đến Âu-độ. Diễn Điện, cuối cùng là Triều-tiên.

Mục đích là tiếng súng bùng nổ Việt-Nam trước hết. Toàn thể đều chủ trương như thế nên được hội nghị chấp thuận.

Đặng cảnh Bá nói : công việc viện Việt thứ nhất là tài chánh,

Bây giờ đây Việt-Nam Quang phục quân đã in « Quân dụng phiếu, yêu cầu đồng bào mua hộ, để có bạc thật làm công quỹ. Do đó mà bán được 1000 đồng quân dụng phiếu giữa buổi họp.

Liên sau đó, tháng tám năm nhâm tý (1912) Việt-Nam Quang phục hội cải tổ lại ban viên chức, mời Trung-Hoa tham gia :

Tổng-lý hội Phan-sào-Nam. Phó Tổng-lý, Tô thiếu Lâu (người

Quảng-đông). Tài chánh Bộ Tổng trưởng, Lê-lê-Nam (người Quảng đông) Phó Tổng-trưởng Mai lão Bang. Thứ vụ Bộ Tổng trưởng, Dương trảo Hải, người Đài-Loan. Phó Tổng-trưởng Phan-quý-Chuân. Giao thiệp Bộ-trưởng và Phó Bộ-trưởng thì Tổng Lý và Phó Tổng-lý kiêm nhiệm.

Đến lúc kịch liệt bạo động, Quang-phục cải tổ xong vừa tiếp ba đồng chí vận động trong nước ra trường trình hiện tình cố động quân đội cũng như tài chánh ở trong nước có hiệu lực, tức phải quật khí cho có một tiếng dội vang mới có kết quả.

Được lời tường trình, cụ chỉ 1200đ. trong quỹ chu cấp về nước bạo động : Cụ Nguyễn-hải-Thần và Nguyễn-trọng-Thường nhận 400đ. và 6 tạc đạn do đường Lạng Sơn về Bắc-kỳ. Cụ Hà-đương-Nhàn và Đặng-tử-Vũ nhận 600đ. và bốn tạc đạn do đường Xiêm về Trung-kỳ. Cụ Bùi chánh Lê nhận 200đ. và hai tạc đạn do đường Xiêm về Nam-kỳ.

Sau ngày các đồng chí từ già Trung-Hoa mang sứ mạng và hành

động trong nước ; cụ ngày đêm những tưởng các đồng chí về đến nước ắt mấy quả đạn kia sẽ nhắm vào đầu các nhà lãnh tụ Pháp cai trị Việt-Nam mà vào, ấy là ảnh hưởng cho các cuộc bạo động sẽ tiếp diễn sau này.

Nào hay trời chưa theo ý cụ, xui các đồng chí kia đi chưa đến đích đã vội xung phong. Nghĩa là các tạc đạn ấy xử dụng không đúng chỗ, Bắc kỳ không giết Toàn-quyền, Thống-sứ giữa lúc treo bản khoa thi hương mà trở lại tặng cho Tuấn Vũ Thái-bình, và hàng cơm Tây. Trung kỳ chưa đến nơi đã vội quân ở sờ cày. Còn hai tạc của cụ Bùi Chánh-Lộ mang về Nam-kỳ tưởng hy sanh tánh mạng đáng ghi, không ngờ trở giết mấy con chó săn nhỏ.

Nói đến cụ Bùi Chánh-lộ, tưởng cũng nên nhắc lại vài giòng sự nghiệp cách mạng của người :

Cụ là đồng chí của Ngự-hải tiên sanh, một đảng nhân vô cùng mạo hiểm và khảng khái; sau ngày cụ Ngự-Hải tuàn nghĩa, cụ cũng bị bắt lên án chung thân khổ sai, lúc ở trong ngục vừa gặp bệnh ôn

dịch chết rất nhiều, cụ dùng bọ đậu ướng làm bình giải chết, được đem chôn ; chôn xong người đỡ đệ đào lên, cụ bèn chạy thẳng vào Nam theo đường Cao - môn qua Xiêm. Tàu, tiếp tục kính tài, bốn tẩu trong nước giúp đảng rất đắc lực. Ngày định bạo động cụ lãnh sứ mạng hành hung Nam kỳ, bắt đờ đến Ban-cóc cụ thấy bọn thám tử không giần lòng được, liền liệng hai tạc đạn giết chết được mấy người, vừa bị cảnh sát Xiêm tóm cổ dẫn cho Pháp. Cụ tuàn nghĩa ngay tại chỗ (Ngày cụ Sào nam nằm trong ngục Quảng-đông có viết thành truyện « tái sanh »).

Vì vụ tạc đạn Bắc kỳ ở hàn cơm tây Hà nội xảy ra vào tháng 12 năm canh tý : chánh phủ Pháp phản đối chánh phủ Trung hoa dung dưỡng cách mạng Việt nam. Đại sứ Pháp ở Bắc kinh ba lần yêu cầu chánh phủ Trung hoa dẫn độ Phan sào Nam thủ, phạm sát nhân giao cho Pháp.

Tổng thống Viên thế Khải viện lẽ không đủ bằng cớ. Nhờ thế mà đảng cách mạng Việt nam còn tồn tại trú ẩn trên đất Trung hoa.



Tháng giêng năm quý sửu họp lại ở Quảng đông chỉ còn hơn trăm người, quân mìn gặp giặc to, cụ cũng trừ kế hoạch đánh liều cầu may thắng lợi cuối cùng. Nhưng tài chánh quê quyết, cụ nghĩ ra một kế là làm tiền, phái ông Dương trấn Hải là người thạo tiếng Nhật đi mua chịu của nhà thuốc Nhật 300đ, quít không trả tiền, còn anh em khác đi xin dặng bao nhiêu đều chung góp hết để các đồng chí xuôi ngược mưu gầy lại cuộc bạo động khác.

Các cụ : Hoàng Trọng Mậu đi Quảng-tây liên kết với lục lâm và những đảo quân bị giải tán.

Đặng tử Mẫn, Hoàng Hưng, Đặng bình Thành đi Hương-cảng, bí mật chế bom và thuốc nổ.

Trần Hữu Lực đi Xiêm vận dụng quân khí đem về Trung-kỳ.

Lương lập Nham về Bắc kỳ và Nguyễn yên Chiêu về Nam kỳ.

Bánh xe sau chôn theo dấu bánh xe trước thất bại nổi.

Tháng ba năm quý sửu (1913) ở lại Quảng-đông còn mình cụ và cụ Mai Lão-Bạng với một ít đồng

chỉ mặc dầu thiếu thốn rất nhiều, nhưng cụ nhất định trông đánh cờ phất, làm cho Quang-phục sống lại ở đất nước nhà; viết ra quyển « Hà thành liệt sĩ truyện », biên chép lại rất kỹ vụ đầu độc Hà-nội năm 1908, tán dương các vị liệt sĩ Hà thành đã hy sinh theo vụ ấy : Lê đình Nhuận, Nguyễn Trị-Bình, Đậu đình Nhân và ông Hai-Liên, người nấu bếp cho quan binh Pháp.

In bằng thạch ấn xong giao cho ông Đậu Cơ Quang mang về nước truyền bá. Ông Đậu là một nhà cách mạng có công rất lớn với hội Quang-phục. Đồng bào ta ở Hà khẩu, Vân-nam từ giới trí thức đến bồi bếp thợ thuyền cũng như lính tập đều một tay ông cổ động và thu nạp vào đảng. Hội Âu chiến thứ nhất được Lãnh sự Đức ở Mông-tự ưu đãi và giúp đỡ thành thể trong hàng cách mạng ông là người đầy đủ uy tín.

Được lính tập coi đường xe Vân-nam luôn luôn ám trợ ông ra vào liên kết với lính tập Hà-nội.

Ông bị Hắc-Sơn là người bạn đồng lao cộng khổ với ông làm

thảm tử cho Pháp mà ông không biết, bao nhiêu hoạt động của ông nó đều báo cáo cho Pháp biết trước cả. Khi ông mang tài liệu Quang-phục về lần cuối cùng, định chằm ngòi khởi nghĩa thì bị bắt ngay, và xử tử. Một chi bộ của ông ở Vân-nam đều sa lưới với Hắc-Sơn tại Hà-khẩu, từ Kỳ Liên trở xuống 50 người đều bị hành quyết.

Xong việc Hắc-Sơn ra thú được thưởng hàm bát phẩm, người anh là Nguyễn Hà Tường được bổ làm Tri huyện.

Ngày tháng ba năm Quý sửu (1913) cụ ở Quảng-đông được tin ấy như sét đánh bên tai, há để khoanh tay mà chịu, đã không chết được với cách mạng mà phải chết đói nữa ư? Cụ tìm các bạn ở Trung-hoa trước đồng họ với anh em ở Nhật bản, hoặc người có duyên văn tự với cụ từ trước, hiện giữ chức quan trọng trong chánh phủ dân quốc Trung hoa tức là Trương huy Toàn tiên sanh người Hồ-nam Lương-quân sư-trưởng, Đàm diên Khải tiên sanh Đô-đốc Hồ-nam-

Hạ tuần tháng ba cụ cấp lương Lập Nham tiên sanh lên Hồ-nam trình bản « Châu-Hoa Hưng-Á » tuyên ngôn cho Trương buy Toàn xem. Toàn hoan nghênh lắm, liền triệu tập hơn mười người sĩ quan giới thiệu được ấn thành hưởng ứng, hứa sẽ giúp cho 20 vạn tá khoản. Chẳng may một lần nữa « Châu-Hoa Hưng-Á » trở thành mộng, nghĩa là cách ngày sau thì Trung-Hoa nổi cách mạng lần thứ hai, bởi Tổng thống Viên Thế Khải muốn phân lại cách mạng xoay chiều Hoàng-đế.

Tháng năm năm ấy Long tế Quang phụng mạng Viên Thế Khải lên đánh lấy Quảng-đông và giữ chức Đô-đốc. Việc ngoại giao với Pháp Viên Thế Khải giữ lại như xưa, nên đối với đảng cách mạng của ta Viên coi như thù địch, bắt buộc giải tán.

Cụ trở về Hà-nam, thuê một căn nhà của giáo hội, ở chung với người Đức; vì nhận thấy thời cuộc thế nào Đức Pháp cũng khai chiến nên muốn gây cảm tình dự bị nước cờ tương lai.



Đương chuẩn bị nước cờ thì Pháp bao vây; Toàn-quyền Đông dương Sarraut trực tiếp với Long Tế Quang yêu cầu dẫn độ ba người trọng yếu trong đảng cách mạng Việt-nam tức là: Phan Sào-Nam, Kỳ-ngoại Hầu Cường-Đề và Mai lão Bạng can về tội sát nhân. Được Long Tế-Quang chấp nhận.

Ngày 24 tháng 12 năm ấy cùng cụ Mai lão-Bạng bị bọn Long bắt hạ ngục. Hầu tránh khỏi, là do trước đó cụ định đi Âu-Châu nên phái Hầu về Nam-kỳ vận động tại chánh làm hành phí. Tuy nhiên tránh ác mắc ó. Hầu mạo hiểm về Nam-kỳ quyền góp số bạc được 5000000, trở về Hương-cảng bị chánh phủ Anh & Cảng bắt tổng giam. Nhờ trong túi có tiền lo hết 3000000 được tại ngoại hầu thẩm. Ra khỏi ngục Hầu tẩu qua Âu-Châu.

Cụ ở ngục Quảng-đông Long Tế Quang làm miếng mồi nhử Pháp để mượn đường xe lửa Vân-nam chở quân đánh Đường Tế-Nghiêu. Thì vừa Mai-Son Nguyễn Thượng-Hiền tiên sanh ở Bắc kinh được tin liền báo

Đàm kỳ-Thụy Tổng-lý kiêm lục quân Bộ-trưởng can thiệp. Đàm Kỳ-Thụy đánh điện ngay cho Long Tế-Quang: « Phải bảo tồn tánh mạng Phan Sào-nam và Mai Lão-Bạng. »

Long tiếp được cộng điện đành vâng lời: đem giam một phòng kín không cho ai thấy. Mặt khác Long nói với Pháp đã chém hai người ấy rồi.

Cụ ở nhà giam bốn năm không hề thấy được một bóng người lui tới; hằng ngày chỉ một mình Lưu Tam-Á nấu bếp cho tù ăn, người Quảng-đông tiếp xúc. Cụ cũng xưng là người Quảng-đông làm thân, cậy anh ta mỗi ngày đi chợ ghé lại quán Chu-thị một lần có tin tức gì đem về cho biết. Cụ ở trong nhà lao cũng có làm ra được nhiều di cảo:

Quốc hồn lục Việt-nam, Ngư-Hải tiên sanh biệt truyện, Tiểu-la tiên sanh biệt truyện, Hoàng Yên-thế Tướng-quân truyện, Tái sanh truyện, Nhân-đạo hôn, Trùng-quang tâm sử, Ngư-sâm, Hà-thành liệt sĩ truyện, Bình-tây kiến quốc lịch.

Cụ chinh phục được Lưu Tam Á, thường ngày được Á mua báo cho đọc. Năm Giáp dần (1914) đầu tháng bảy một hôm cụ đọc tờ « Quốc-dân nhật báo » thấy bài « Âu-châu chiến vận khỉ kỳ » cụ rất vui mừng đình ninh ở trong nước thế nào cũng có cuộc khỉ nghĩa lớn lao, chắc chắn nằm trong nhà lao được vỗ tay reo hò. Chẳng hay tin mừng không được thấy mà chỉ thấy tin đau buồn tiếp diễn: Lương Lập Nham bị bắt Hương-cảng: Trần Hữu-Lực bị bắt ở Xiêm-la: Hoàng Trọng-Mậu thất bại Quảng-tây, bị bắt tại Hương cảng: Đậu Cơ-Quang thất bại Vân-nam và tuần nghĩa ở Hà-nội: Lâm Đức-Mậu và Giáo Trung bị bắt ở Xiêm đều một ngày tuần nghĩa ở Hà-nội: Hoàng Trọng Thường về nước bị bắt: Hoàng Trọng Mậu, Trần Hữu-Lực bị bắt đưa về Hà-nội; cũng đều tuần nghĩa: Vua Duy-Tân khi nghĩa thất bại: Cụ Nam Xương Thái-Phiên bị tử hình.

Cụ ở trong ngục chỉ nghe tin đàu đón đưa đến, cụ tuyệt thực bảy ngày mong chết với anh em,

bỗng chốc được tin Âu-châu đại chiến, mừng quá dậy ăn đẽ sống lại.

Tháng chín năm Ất mao (1915) được Á-tam trao cho bức thư kín của cụ Đặng tử-Kính từ Xiêm qua Quảng-đông tin cho cụ biết: Công sứ hai nước Đức, Áo, ở Xiêm có hồi đảng cách mạng Việt-nam: Thân-vương đưa cụ Đặng tử-Kính yết kiến. Hai Công sứ ấy bảo rằng: « cần gặp lãnh tụ tức là Kỳ-ngoại Hầu hoặc Phan Sào-nam ». Nhưng lúc đó Hầu đi Âu-châu rồi còn cụ thì bị nằm trong ngục nên viết thư ủy cụ Mai-Son Nguyễn Thượng-Hiền đại diện và mang thơ qua tường thuật lại với Thân vương nhờ Thân-vương đem Mai-Son tiên sanh đến gặp hai Công sứ nói rõ ràng sự lý.

Cụ Mai-Son đến Xiêm được Thân-vương niềm nở và giới thiệu ngay với hai Công sứ Đức, Âu. Ngày hôm sau Công-sứ Đức trao cho hai cụ Mai-Son và Đặng Tử-Kính 10000000 bạc Xiêm và nói rằng: « giúp các ông nay chưa phải là lúc đã đến, vạn đồng bạc này gọi là chén cà phê làm



môi giới giữa quý quốc và nước chúng tôi, nếu các ngài làm bạo động thế nào có ảnh hưởng đến hai nước chúng tôi, khi đó hai nước chúng tôi sẽ giúp thực sự. Bây giờ đây, số tiền này chỉ là cá nhân chúng tôi tự tiện, khiến các ngài thấy rõ tấm lòng ái quốc của chúng tôi đối với các ngài, chớ chưa phải là của chánh phủ hai nước chúng tôi.

Hai cụ Mai-Sơn và Đặng Tử-Kính nhận số bạc mang về Quảng đông đổi ra được 8000đ000 Tau : chia làm ba phần : Một phần do cụ Tân Nguyễn thiện Thuật nhận về Đông-Hưng đột kích Mông-cái. Một phần do cụ Hoàng trọng Mậu nhận về Hà-khẩu (vì vắng mặt nên ý kiến bất đồng) sau hai cụ Võ Mẫn-Kiên, Nguyễn Hải-Thần đảm nhận. Một phần cụ Mai-Sơn nhận về Long-châu.

Mục đích chung là về hoạt động đánh các đồn thương du Bắc-cy như Tà-lùng chẳng hạn, vì hậu quả của ý kiến bất đồng trên nên một lần nữa đều thất bại.

Tháng ba năm đinh tị (1917) Long Tê-Quang bị cách mạng

Trung-hoa đánh thua chạy đi; Quỳnh-Châu mới mở ngục cho cụ ra và tặng cho zood

Cụ ra khỏi ngục trở về Quảng-đông ghé lại trọ Châu-Thị quán, được tin bà cho biết gần vài tháng nay mật thám Pháp ngày nào cũng đến nhà bà lùng tìm cụ. Cụ liền bỏ Quảng-đông đi Thượng-hải, từ đó giao du các tỉnh nước Tàu, nào: Trùng-Khánh, Thiên-Tân có khi phải ngủ giữa núi tuyết một mình cố tìm bạn cũ, định đi Âu-châu hoạt động âm kết với Đức quốc. Lúc cụ đến Trùng-Khánh vì ham thưởng thức phong cảnh suýt bị đứt đầu, nếu không gặp người quen thì đã ô hô ai tại.

Tháng hai năm mậu ngọ (1918) cụ qua Nhật-bản định dựng bia kỷ niệm ân nhân, Thiếu-Vũ tiên sanh là người đã giúp cụ số bạc trước kia : vừa tiếp được thư của Phan Bá-Ngọc (con cụ Phan đình Phùng) gửi yêu cầu cứu cụ Mai Lão-Bạng ra khỏi ngục Quảng-đông, số tiền vận động tốn phí bao nhiêu thì y và Lê-Dư đài thọ. Khi đó cụ mới biết là cụ Mai Lão-Bạng chưa được ra khỏi ngục :

lên viết thư cho Đốc-Việt (Chủ tịch Quảng đông) là Mạc Vinh-Tân, xin thả cụ Mai.

Được thư cụ. Mạc Vinh-Tân phúc : « án này do Cảnh-thự trưởng Nguyễn hương Bình xét ». Cụ tiếp gửi thư cho bạn thân là Tăng ngọc-Tài, Chánh Bộ-trưởng Quảng nhờ can thiệp. Hạ tuần tháng ba cụ Mai Lão-bạng, được ra khỏi lao. Tháng tư tới Thượng-hải gửi thư báo tin ngay cho cụ biết do Hy-Cao tiên sanh thủ bút (Hy-cao tiên sanh và Kim-đài tiên sanh là nhà chí sĩ dày Côn-lôn kết bè vượt ngục vừa mới qua Tàu). Ai dè mừng chưa kịp đến thì đã vội khóc ngay, sau ngày được thư của cụ Mai Lão Bạng được 5 hôm thì lại được thư Hồ Hình-Sơn tiên sanh báo : « Cụ Mai và hai cụ Hy-cao, Kim-đài đều bị bắt cả ».

Cụ vội từ giả Nhật-bản về Hàng-châu tìm ra chân tướng việc này : rõ ràng cụ Mai ra ngục Quảng-đông và hai cụ Hy-cao, Kim-đài vượt Côn lôn chỉ là làm một quái kịch cho mỗi ngon thịt béo của người con phần cha Theo

lời cụ kể thì không cần nói rõ tên mà mọi người cũng đều biết đó là Phan Bá-Ngọc.

Trước ngày Mai Lão-Bạng bị bắt thì Lê-Dư ở trong nước ra chung mưu với Phan Bá-Ngọc là người cận úc của cụ Sào-nam, nói với cụ : hiện nay chánh sách cai trị của người Pháp đã thay đổi bởi Toàn quyền Sarraut là phái xã-hội Pháp qua cầm quyền khác với thực dân. Viện học trai cũng như gái đã mở mang nhiều học đường, khuyến khích lập ra các hội khai trí ; về hình án đổi bộ luật Gia-Long thay vào bộ Dân luật bắc-kỳ. Bây giờ nên đề xướng « Pháp Việt đề huề » là một món hàng. Phan Bá-Ngọc quay ra làm mật thám cho Pháp, nên sau xảy ra cụ than : « cụng nhân chí nan » lời Tôn Tử không giỏi ta.

Cụ viết ra bản « Pháp-Việt đề huề » dưới bút hiệu « Độc-Tĩnh tử soạn », và Phan Bá-Ngọc phụng thư, trao cho Lê Dư mang về nước.

Chẳng bao lâu Lê-Dư gửi thư ra báo tin Pháp sẽ phái người

sang hội hiến. Đồng thời Phan Bá Ngọc cũng tin cho cụ biết có người Pháp đến thương thuyết.

Ngày hôm sau, Ngọc đưa người Pháp tên Lê-Dung, phái viên của Toàn-quyền Đông-Dương tới Hà-Châu đàm luận với cụ. Cụ chỉ định địa điểm và giờ thương thuyết.

Hai bên y ước, đúng ngày giờ cùng nhau hội tại Hồ-Lâu-Đình giữa lòng Tây-Hồ; có một vài đồng chí tham dự. Sau khi nhập đề, phái viên Pháp Nê-dung trao cho cụ một phong thư của Toàn quyền với các điều kiện như sau:

1.— Phải làm một bài gởi về nước tuyên bố « thù tiêu những ý chí và hành vi cách mạng.

2.— Phải về nước, nếu không về muốn ở hải ngoại thì cần phải có địa điểm nhất định, mà địa điểm ấy bắt buộc phải gần tổ giới Pháp.

Chấp nhận hai điều kiện đó được chánh phủ ưu đãi:

a) Về nước sẽ được địa vị trọng yếu trong chánh phủ Nam triều với số lương ưu hậu.

b) Như không muốn về nước cứ ở hải ngoại mà tuân theo điều kiện trên, thì chánh phủ cũng ưu đãi lữ phí và nhu dụng.

Cụ ngã người, trả lời với phái viên: ông cứ về, tôi sẽ có thơ phúc đáp riêng với Toàn quyền, việc này không thể nói với ông bằng miệng được.

Nê-dung từ giả cụ trở về. Cụ phúc thư cho Toàn quyền giải nghĩa bốn chữ « Pháp, Việt đề huề » và cụ tuyệt các điều kiện của Toàn quyền đưa ra đều là không chánh đáng; giao Phan Bá Ngọc mang về Hà Nội.

Tháng bảy năm Kỷ Mùi (1919) cụ từ giả Hàng châu lên xe lửa đi Bắc kinh qua Nhật bản. Trong lúc đi Bắc kinh được nghe đảng cộng sản Tô nga nhóm tại Bắc kinh Đại học đường, cụ cũng tìm cách dự thính trong buổi hội, đề nghị cứu chủ nghĩa cộng sản. Cụ có hỏi người Việt chúng tôi muốn vô cộng sản được không? Có người Nga cầm đầu buổi họp trả lời; được lắm, nếu người Việt muốn học cộng sản rất tiện, lợi tất cả đường thủy, đường bộ

cũng như lộ trình, lộ phí, học phí đều được Nga cung cấp cho tất cả. Nhưng phải chịu điều kiện là:

1.— Phải tin tưởng chủ nghĩa cộng sản.

2.— Học thành tài về nước phải truyền bá chủ nghĩa lao nông.

3.— Sau khi về nước phải ra sức tổ chức cách mạng xã hội.

Cụ nhận xét kỹ chủ nghĩa cộng sản của Nga không hợp cách với nền đạo lý nước nhà, cáo ra vừa đi Nhật bản.

Trong khoản hai năm Canh thân Tân dậu (1920-21) cụ đi đi lại lại khắp Bắc kinh, Hàng châu, Quảng Đông, Đông tam tỉnh, Yên đông, Triều tiên rồi qua Nhật bản. Chuyên nghề bán chữ sanh nhai, nào viết ra sách « Dư chi phúc âm, Việt Nam nghĩa liệt sử, Á châu chi phúc âm, cũng làm biên tập viên cho các báo Tàu: Đông Á tân văn ở Bắc kinh, Quân sự tạp chí ở Hàng châu và nhiều tờ báo khác nữa.

Đầu là sanh nhai nghề bán chữ trên các món văn tự ấy,

nhưng cũng không phải là không có ảnh hưởng đến cách mạng nước nhà.

Ngày 15 tháng giêng năm Nhâm tuất (1922) cụ đương ngồi tòa soạn Đông Á tân văn ở Bắc kinh, bỗng được tin Phan bá Ngọc bị liệt sĩ Lê Tấn Anh ám sát tại bờ Hồ Tây giữa buổi hội nguyên tiêu, thiên hạ đương nô nức xem đèn và pháo.

Cụ liền bỏ ngay Bắc kinh trở về Hàng châu mở tiệm bán chữ. Những sách cụ xuất bản trong mấy năm ấy được gởi về nước ba loại sách khổ nhỏ tiện việc mang đi đường là: Dư cứu niên lai sử tri chí chủ nghĩa Y hôn đan; Thiên hồ Đế hồ (quyển Thiên hồ Đế hồ nêu tội ác của thực dân); 1.— Nhà tôn giáo âm diệt dân quốc. 2.— Pháp luật dùng âm diệt dân chúng. 3.— Giáo dục dạy âm diệt dân chúng.)

Những bài văn trường thiên: Kinh cáo ngà quốc nội thanh niên học sanh; Kinh cáo kiều Xiêm ngã đồng bào. Đầu là làm bằng Hán văn dịch ra quốc văn, duy có



bài Kinh cáo Kiêu Xiêm ngả đồng bào là có dịch thêm chữ Xiêm

Những vấn tự khi đầu mở trường cách mạng của cụ là « Lưu cầu huyết lệ tân thơ (lúc còn trong nước) đến tập Kinh cáo Kiêu Xiêm ngả đồng bào (ở ngoài nước) là sắp đóng cửa trường.

Ngày 19 tháng năm năm Giáp tý (1924) cụ được tin liệt sĩ Phạm hồng Thái ném tạc đạn tại Sa diện cổ sát toàn quyền Mer- lin, sau khi qua thương nghị với chánh phủ Nhật bản trở về ghé Quảng đông, mặc dầu viên Toàn quyền thoát chết nhưng đó cũng là đánh Pháp một đòn làm cho một tiếng dội trên các cường quốc lưu ý đến đảng cách mạng Việt nam. Cụ định từ già Bắc kinh về Quảng đông.

Tháng bảy năm ấy cụ trở về Quảng đông được chừng vài ba tháng tiếp xúc với anh em lập đảng lại thành « Việt nam quốc

dân đảng » Bởi tức bấy giờ Việt nam Quang phục hội đã trở thành một cái bài vị đề thờ trên bàn thờ mà thôi ; bốn năm cụ nằm trong ngục các đảng nhân dần dần tàn tạ. Nay gặp cơ hội tạc đạn của Phạm liệt sĩ nỏ, cũng là một sự thúc đẩy đảng cách mạng Việt nam vương minh trung hưng. Chương trình « Việt nam quốc dân đảng » gồm có 5 bộ :

- 1.— Bình nghị bộ
- 2.— Kinh tế bộ
- 3.— Chấp hành bộ
- 4.— Giáo dục bộ
- 5.— Giao tế bộ

Chấp hành bộ có 6 ty : a) Văn độc ty. b) Tuyên truyền ty. c) Quân sự ty. d) Tài chánh ty. d) Tư vụ ty. e) Huấn luyện ty.

Đảng tái lập xong, cụ và cụ Nguyễn hải Thần yết kiến Tướng giới Thạch tiên sanh hiện làm Hiệu trưởng trường Hoàng Phố và Lý tế Thâm Giám đốc, ủy thác thanh niên trong nước ra nhập học.

Chương trình và đảng cương

cụ giao cho Hồ tùng Mậu tìm cách đem về nước. Cụ trở đi Hàng châu không dính líu gì đến hoạt động của đảng từ đó về sau. Tuy nhiên năm 1925 một lần nữa cụ trở lại Quảng đông định tổ chức lại « Việt nam Quốc dân đảng » được hoàn bị hơn, và cử hành lễ kỷ niệm đệ nhất chu niên Phạm hồng Thái liệt sĩ. Trước khi về Quảng đông ngày 11 tháng 5 Ất sửu (1925) cụ phải lên Thượng hải lo gửi bạc cho Trần hữu Công tức là Trần trọng Khắc tiên sanh, cụ gửi lưu học tại Bá Linh (Đức) ; cứ mỗi sáu tháng cụ gửi bạc sang một kỳ.

Cụ đến Thượng hải đúng 12 giờ trưa, chân bước xuống nhà ga mới đi ra khỏi cửa liền bị thám tử Pháp vây bắt cóc cụ bỏ lên xe chạy tuốt về tô giới Pháp và dần luôn xuống tàu bình đầu sẵn trên bờ bể. Hùm thiên sa lưới, chúng đưa cụ về giam ở nhà pha hóa lò Hà nội một cách cần mật, và phao truyền tên họ khác, tưởng dấu được quốc dân không ai hay biết (theo tài liệu của cụ thì nói vì Nguyễn Thượng Hiền cháu gọi cụ Nguyễn Thượng Hiền

bằng ông chú là người mà cụ đã tin cậy nuôi nấng trong nhà diêm chỉ cho mật thám vây bắt). Vài thưa cũng khó che mắt thiên hạ, các nhân vật từ trong nước đến ngoài nước đều tỏ rõ sự âm mưu của thực dân Pháp cũng như biết ngay cụ hiện dương nằm trong hóa lò Hà nội đợi ngày chúng đưa lên đoạn đầu đài với một hì hán không phải tên Phan bội Châu.

Toàn thể các giới trí thức, sinh viên, thợ thuyền, lao nông, bởi bấp đều một rập đứng dậy phản kháng, nào điện tín thẳng cho chánh phủ Ba lê, nào truyền đơn biểu ngữ treo khắp các nẻo đường ở Hà nội ; yêu cầu thả nhà chí sĩ Phan Bội Châu, một mặt khác nhiều nhà ái quốc du học ở Pháp trực tiếp hội Nhân quyền can thiệp như cụ Phan vầu Trường chẳng hạn. Được chánh phủ Ba lê chấp nhận, điện tín cho Toàn quyền Varen tha. Toàn quyền Varen được lịch chánh quốc liền thả ngay cụ, đưa về giao chánh phủ Nam triều quản thúc, an trí tại Bến Ngự Huế, và Toàn quyền Varen có tặng cụ một cây baton

để khi du ngoạn chống đỡ thân già. Năm ấy cụ 59 tuổi.

Từ đó cụ về ở thần kinh, giữa hai gong kềm của hai chánh phủ Bảo hộ và Nam triều, nhất cử nhất động đều được ghi vào sổ đen của thám tử hàng ngày. Tuy nhiên cụ cũng cố gây 6 cảnh nam với một túp nhà lá, một chiếc thuyền lán, chén rượu câu thơ nghiêng trời đổ đất, dạy học trò

mở thi xã có tờ báo Tiếng dân do cụ Huỳnh thúc Kháng phụ họa, gây ra ảnh hưởng trong nước không phải là ít.

Chung sống với đồng bào Huế đô 15 năm chẵn, ngày 29 tháng chạp năm canh thìn tức là ngày 29-10-1940, cụ chung thọ 74 tuổi và đã được « cái quan định luận ».



Một đoàn người chèo xuồng vô U-Minh huyền bí để khẩn hoang và tìm kho tàng. U-Minh là một vùng đất tân bồi hay một kinh thành thời xưa đã bị vùi lấp? Kho tàng có thật hay không? Những nhân vật kỳ quặc xuất hiện. Những mưu mô đen tối diễn ra. Những cảnh ngộ gây cảm động. Tình yêu, kho tàng, lòng nghi kỵ, sự thù hận... và cả lòng vị tha bát ngát....

Xin tìm đọc :

### VẠCH MỘT CHÂN TRỜI

(truyện dài của SON-NAME)

là một tác phẩm đặc biệt mà bất cứ ai yêu mến miền Nam, muốn tìm hiểu miền Nam cần phải tìm đọc.

HỒNG-ĐỨC xuất bản

# Loài vật

## biết sử-dụng đồng-hồ không ?

◀ TÍN-KHANH

Có thể nói con người sống lộn xộn hơn con vật nhiều. Trong lúc chúng ta sử dụng ngày giờ bừa bãi. Việc làm tùy hứng, ăn ngủ thất thường thì con vật lại rất mực thước, quan trọng thì giờ. Chúng là gương mẫu về óc tự tự, biết lo xa có một nếp sống đều đặn bình thường.



### Chim biết sử dụng đồng hồ không ?

Con sáo sậu lo chạy ăn suốt ngày nhưng đến lúc mặt trời sắp chen lặn, chúng không ăn nữa, dù món ăn dư đủ. Chúng tập hợp nhau lại kết thành đoàn, bay về chỗ cũ, cách nơi chúng kiếm ăn cả hàng chục cây số. Tới nơi, mỗi con tìm lấy chỗ ngủ để đến sáng mai vừa tỉnh

siêng lại bay đi về chỗ kiếm ăn. — Con bồ câu mái ấp suốt đêm và kéo dài đến 11 giờ trưa. Đúng giờ này, con trống đến thay phiên cho vợ. Con mái bay đi kiếm ăn và đúng 6 giờ rưỡi chiều, trở lại thay thế cho chồng. Cứ như thế cho đến ngày nở con.

— Con cua lại mực thước hơn nữa ! Nước thủy triều vừa xuống, chúng rút ra khỏi hang. Một giờ rưỡi sau chúng nghỉ ăn và vội vã, anh nào tìm chị ấy vui cuộc ái ân. Rồi bất thành lĩnh như do một dấu hiệu riêng, chúng lại vội vã giải tán, ai vào hang nấy, lấy bùn bịt miệng hang lại. Chỉ mấy phút sau, nước thủy triều lên, lút ngập mắt phân giang san của chúng.

Giờ thủy triều lên xuống thay đổi hằng ngày, đối với cua không thành một mối lo như ai. Chúng đã biết trước



và thời dụng biểu chúng bố trí rất phù hợp với sự thay đổi này.

— Con Ong là con vật đứng đầu về lối phân bố thời dụng biểu một cách chính xác khác thường. Các loại Hoa không phải lúc nào cũng có sẵn nhụy, mà tùy loại vào một số giờ trong ngày. Ong ta đã biết trước nên không khi nào « đi không về rồi » cả. Chúng biết hoa nào có nhụy vào lúc nào, trực tiếp đến đó làm xong phận sự đoạn rũ nhụy về. Trước khi vào tổ làm nốt phận sự, chúng kết hợp nhau quay quanh mùa một điệu vũ say mê như để diễn tả khúc ca chiến thắng.

Làm sao Ong nắm được bí quyết ấy ?

Chúng biết dùng địa hình địa vật làm mốc và kết hợp với hướng mặt trời. Khi mặt trời bị mây che khuất chúng lại biết nhận ra đúng hướng của tia nắng.

Vào đầu thế kỷ này, ông A-Forel, một nhà vật lý học Thụy-sĩ có thí nghiệm về cái tài đặc biệt

này của loài ong. Ông chuẩn bị đồ ăn cho chúng, một chỗ vào lúc 8 giờ sáng về phương nam và một chỗ nữa vào lúc 18 giờ về hướng đông. Chỉ vài ngày sau « con ong đã rõ đường đi lối về ». Cứ đúng 8 giờ sáng, chúng bay về phương nam kiếm ăn và 6 giờ chiều bay về phương đông.

Chúng ta cứ cung cấp mãi cho ăn để chúng bỏ dờ thời dụng biểu đã hoạch định không ? Không ! Cho chúng ăn thì chúng nhận nhưng đến giờ đi hút



nhụy hay làm công việc trong tổ, chúng vẫn không quên. Chương trình ấy không bao giờ thay đổi.

— Nhiều loại chim di trú cũng thông thạo không khác loài ong, biết trước ngày nào

chúng sẽ lên đường đi qua xứ khác. Tại California chẳng hạn, mùa xuân bắt đầu ngày 19 tháng 3, thì cũng là ngày chim én từ Nam Mỹ hồi cư, đúng với chương trình muôn đời của chúng.

Trong lúc di trú, nhiều loại chim cũng không quên chốn cũ chúng quen ăn hằng ngày mặc dù cách hàng vạn cây số nơi chúng hiện ở. Đến ngày về qua mùa sau, chúng bay trực tiếp đến đó không khi nào sai lạc.

Lúc bay đi di trú, chúng bay cả ngày lẫn đêm, bất chấp trời xấu hay tốt, mưa hay nắng. Nếu đến trễ một vài hôm, nhất định là vì gặp bão tố hay một thiên

tai nào khác. Chúng nó có một ý thức rất tinh vi vì thời gian. Chương trình chúng mà lệch đi, không khi nào do chúng mà chính là do một hoàn cảnh đặc biệt nào đó mà chúng đành thất thủ thôi.

Nhiều nhà khoa học đã tìm cách đánh lừa chúng bằng cách kéo dài ngày đêm, nhất chúng vào lồng và tạo một nhiệt độ kéo dài mùa hạ đến hai tháng xem chúng phản ứng ra sao. Bầy chim đã bất chấp mưu mô kia, đúng ngày tháng phải đi di trú, nhất loạt thoát khỏi lồng bay đi các phương trời xa. Và người ta kết luận, chim có những khả năng khác để nhận





## LOÀI VẬT

định thời gian ngoài những yếu tố ngày, đêm, nóng lạnh v.v...

Lại còn một điểm khác lạ nữa. Trước vài tuần, ngày bắt đầu bay đi trú, các loại chim đều dự trữ trong người một số mỡ để có thể chịu đựng một môi trường « vạn lý trường chinh ». Trong hơn 10 ngày ấy, chúng thường tìm chỗ nghỉ ngơi không làm việc gì một nhọc.



### Loài cây cỏ cũng không khác loài vật

Cái gì có trông thú vật đều có trong thực vật. Tạo hóa rất khéo léo khi tạo ra muôn loài, ban cho những cảm giác như nhau. Trong giới thực vật, từ những loại nhỏ li ti đến những cây cối khổng lồ đều có một « thời gian biểu » sát sao và được tôn trọng đúng mức.

Tại sao các loại hoa đều nở lúc rạng đông trước khi mặt trời mọc? Để thí nghiệm việc này,

người ta để nhiều chậu hoa trong một căn phòng tối hoàn toàn trong mấy ngày. Cứ đến giờ nở thường lệ như ở ngoài, tự do các hoa đua nhau nở.

Người ta lại còn tập luyện nó nữa. Cứ vào giờ nhất định trong ngày, người ta thổi vào hoa một luồng hơi lạnh. Hoa ra vẻ run rẩy trong mấy phút, rồi cúi gục xuống, để rụng mấy cánh. Một lúc lâu về sau nó mới gượng lại lần lần và đứng lại như tư thế cũ. Một ngày nào đó, người ta không thí nghiệm nữa, thì đến giờ như trước kia, nó cũng diễn lại lớp tuồng ấy, đúng như người ta đã bảo nó làm. Tuy nhiên mỗi ngày một ít, nó sẽ quên dần vai trò bất đắc dĩ của nó.

Nói tóm lại, người ta có thể dùng ánh sáng nóng lạnh v.v... để luyện cho một vài cơ cấu thuộc thú vật hay thảo mộc sửa đổi nếp sống hằng ngày của nó.



## LOÀI VẬT



nhưng chỉ một thời gian ngắn thôi, sau đó chúng trở lại như cũ, theo chu kỳ nhất định mà Tạo hóa đã ban cho chúng.

### Con người cũng không thoát khỏi qui luật ấy

Con người cũng nằm vững được thời gian nhưng lại nhờ nơi máy móc, cụ thể nhất là chiếc đồng hồ mà ai ai cũng có.

Tuy nhiên bên trong cơ thể ta các bộ phận cũng có nhiều phương thức đo thời giờ, đúng đắn không thua đồng hồ.

Trước hết, số lượng bạch và hồng huyết cầu thay đổi theo giờ. Vào khoảng từ 11 đến 13 giờ, số lượng huyết cầu tổ tăng

lên đến mức tối đa và từ 16 đến 18 giờ lại sụt xuống mức thấp nhất.

Tất cả cơ thể ta đều tùy thuộc một tiết điệu trong 24 giờ đồng hồ. Người ta có thể căn cứ vào số tim đập trong một phút, máu trong người được cấu tạo ra sao, sự phân tiết các hạch v.v để đoán giờ rất đúng. Tuy nhiên trong nhiều trường hợp, mỗi chu kỳ còn lệ thuộc vào môi trường, mặt trời, tối tăm v.v

Cái yếu kém của con người là « cái đồng hồ » đó dễ trặc trẹo.

— Một người ở lâu ngày trong một hang tối không thể nào đoán được ngày hay đêm chờ đờng nói là biết được giờ.

Đối với cây cỏ hay loài vật khác, bộ máy ấy tinh vi hơn. Phải tốn thời gian lắm mới tập

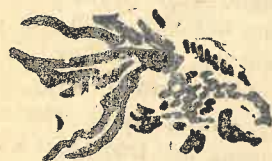




## LOẠI VẬT

một con gà mái đẻ khác giờ thường lệ của nó cũng như ép một cây cà chua trở hoa sớm được.

Bộ óc người ta ngự trị cả thế gian thật đấy, nhưng ra vẻ yếu ớt bẹp xẹp lấm. Gặp cái gì thay



đổi bất thường là luôn luôn có phản ứng bất lợi. Một người quen đi máy bay xa, nếu bất thành linh giờ giấc thay đổi thì tự nhiên trong người sinh ra mệt mỏi, ăn không tiêu v.v. và phải

hai ba ngày sau mới quen với cái thay đổi mới này.

Với thảo mộc lại khác hẳn. Dù hoàn cảnh có khác cho mấy, cây cối vẫn theo một nề nếp sẵn có từ ngàn xưa. Để chứng minh điểm đặc biệt này, người ta đã nuôi riêng một loại rong biển có phát quang trong một nơi không có ánh sáng, ngày cũng như đêm, trong một thời gian rất lâu. Trong thời gian ấy, chúng đã sinh sản liên tiếp 4 lần, nhưng « nề nếp sống của chúng vẫn không thay đổi ». Mỗi ngày chúng phát quang đúng 12 giờ, ngoài các giờ kia chúng nằm im, như chúng đang sống dưới đáy biển vậy.

TÍN KHANH

## LỚP NHẠC

# FLAMENCO

— Lớp nhạc căn bản của các bạn yêu nghệ thuật.

— Thời gian ngắn, kết quả mỹ mãn.

do G.S. Đào Kim Tôt nghiệp trường Q.G.Á.N, hướng dẫn.

Giải tán : 205/1 Cù Giang -- Phú Nhuận

## Hai cụ :

# HUYỀN-THỨC-KHÁNG và PHAN-KHÔI

đã tự học chữ Pháp như thế nào ?

★ ĐÔNG-TÙNG

**T**hời lúc Việt Nam được xúc tiếp với văn hóa Tây phương, một số người Nho học đã lớn tuổi cũng bắt đầu học chữ Tây và danh từ tự học được người ta nói tới rất nhiều. Thành quả của sự tự học cũng vô cùng to lớn.

Những nhà trí thức, học giả cận và hiện đại: Quỳnh, Vĩnh, Tố, Tồn, Trần trọng Kim, Đặng Thái Mai và còn nhiều người khác đâu phải là những người ngồi trên ghế nhà trường lâu năm.

Nếu như họ có ngồi trên ghế nhà trường một số năm chi đó, thì cũng chỉ học một số chữ Tây

chứ không phải là những kiến thức học vấn mà họ đã có và cũng như người ta thấy từ cá nhân của họ.

Không những thế, các vị Giáo sư Đại học Văn khoa kể cả hai miền Nam Bắc, phần nhiều cũng là các vị tự học. Vì những ông cử nhân, Tiến sĩ của Tây, của Mỹ nếu không biết tự học thêm văn học V.N, thì lẽ dĩ nhiên phải là rất dốt văn học, văn chương cũng như tiếng Việt, làm sao mà dạy được ai.

Vì vấn đề tự học cần thiết như thế, cho nên hiện nay người ta rất chú trọng đến nó.

Nhưng có một số người có thể họ hiểu chưa đúng vấn đề nên đã cho rằng : Từ khi chữ Pháp

được du nhập vào V.N. thì ở V.N. mới có vấn đề tự học.

Hiểu và nói như thế, thiết là sai lầm, vấn đề tự học ở V.N. đã xưa rồi.

Sách (Quốc Ngữ), bộ sách tối cổ ở Trung Hoa mà người VN. không ai học — có câu :

« *Chỉ thượng hữu dư sư hi* » (Trên mặt giấy đã là một ông thầy rồi)

Bộ sách « *Thuyết uyên* » cũng nói « *Thư ư bất ngôn chi sư ; sư ư năng ngôn chi thư* » (Sách là một ông thầy không nói ; Thầy là một bộ sách biết nói)

Nếu không biết tự học là quan trọng thì cổ nhân làm sao dám đem tầm quan trọng cuốn sách ngang với ông thầy.

Nói tới vấn tự thuộc vào loại khó, chúng ta không thể không nói tới chữ Pháp, nó khó, nó hay cả về văn học văn chương và phát âm, ấy thế mà người V.N. chúng ta cũng có rất nhiều người tự học được.

Trong số người tự học tiếng Pháp đến một trình độ đáng kể có lẽ ta nên nói trước nhất là hai cụ Huỳnh - thúc - Kháng và Phan-Khôi.

**1) Huỳnh-thúc-Kháng**

Sau đây là những lời Cụ Huỳnh trả lời cho cô Phan - thị - Nga

phóng viên Hà nội báo (1936)

— Ý kiến tôi đối với việc học chữ Tây, qua những bài tôi viết trên Tiếng-Dân, chắc cô biết rồi. Nay tôi miễn trình bày dài dòng chỉ nói lên những nét chính yếu, Như cô đã thấy : Vì ở dưới quyền cai trị của họ, nên vấn tự họ đã chiếm một địa vị chủ nhân ông cho mọi bộ môn sinh hoạt của chúng ta : Giao thiệp, thư tín ; đơn từ nhất nhất phải dùng chữ Tây, bây giờ mà không biết chữ Tây không khác gì một người mù, điếc và cả câm nữa. Bởi vậy tôi phải cố gắng tự học cho biết,

Cô Nga hỏi :

— Dạ, Cụ bắt đầu học chữ Tây từ lúc nào ? và Cụ đã học như thế nào ?

— Ba mươi tuổi, sau khi đậu Tiến sĩ rồi, tôi mới học Quốc ngữ ; năm 33 tuổi, tôi mới bắt đầu tự học văn Tây. Trong làng tôi hồi ấy cũng có một vài ông thầy dạy trẻ học chữ Tây. Thường ngày tôi cũng tới đó nghe lòng rồi về nhà mình tự mò mẫm lấy trong những cuốn sách mà người ta có chú giải chữ quốc ngữ.

Sau khi đọc được văn và biết được một số tiếng tôi xem qua quyển mẹo lớp Nhì. Tự học lấy hết quyển lớp nhì. Tôi học sang quyển lớp Nhất. Tôi phải tự học có thứ tự như thế, là vì tôi biết chữ Tây, vấn đề mẹo là quan trọng nhất. Không chịu khó học cho hiểu mẹo thì không thể hiểu nổi.

Khi biết được một ít rồi tôi càng thích học thêm nữa. Cho mãi tới khi tôi bị đày ra Côn Đảo tôi vẫn tiếp tục học. Không phải tôi tự học mà thôi, tôi còn có đồng bạn đồng tù cùng học nữa.

— Dạ ! Con nghe người ta nói Cụ học hết cuốn Tự Vị Larousse có thật vậy không ạ ?

— Vì ở Côn đảo không có sách học, bọn chúng tôi thường giở tự vị ra học, rồi người ta nói vậy đó, chứ làm sao mà nhớ hết cuốn Larousse được. Sự thật thì cuốn Tự Vị Trương Vĩnh Ký tôi có nhớ được một số nhiều.

— Thưa Cụ, Cụ cho chữ Hán khó hay chữ Tây khó ?

— Thứ chữ nào cũng đều có cái dễ của nó cả. Nhưng theo tôi thì học chữ Tây có thể dễ hơn, vì nó có văn phạm đầu ra đấy, rõ ràng minh bạch hơn chữ Hán.

Tôi chịu khổ tự học lấy mà rồi cũng đọc được sách. Lúc ở Côn đảo tôi có được đọc cuốn *L'histoire nationale Française* « và hai bộ *Luận Ngữ*, *Mạnh tử* » dịch ra Pháp văn,

Cô Nga hỏi :

— Cụ học trong bao lâu năm mà đọc được loại sách khó khăn đó ?

— Đã gọi là tự học thì khó mà tính được năm như người cấp sách tới trường, nhưng tôi cũng nhớ chừng chừng là khoảng độ ba năm chỉ đó.

**2) Phan khôi**

Ông Phan đậu tú tài hồi 20 tuổi vào năm 1908. Giá ông chăm học để theo khoa cử thì ông cũng có thể đậu cử nhân, tiến sĩ như ai. Nhưng hồi ấy ông đã chán khoa giáp và thích học chữ Tây rồi. Thích học c nên không nài tuổi lớn, ông cấp sách đến trường ở. Phan thành Tài(1) cùng học với lớp trẻ con lên 7 lên 10. Học được ba tháng, ông đã thấy rõ sức thầy. Tuy học

(1) Ông Phan-thành-Tài, người Quế Nam (Bắc-An-Tây) trước làm Phan-tài, sau về dạy học, can vào việc của Duy-Tân, bị xử-tử.



mau hiểu mặc lòng, ông Phan không có cái may trong sự học chữ tây. Bận việc nhà ông phải xếp sách. Qua năm sau ông lại tìm tới thầy cũ mà học. Được ít lâu, ông ra Bắc quyết tâm vừa học vừa cố động cho phong trào đổi mới. Ông xuống Nam-Định học với ông Nguyễn bá Học. Gặp thầy hay, ông thấy sức học mình tấn tới, nhưng rồi học mới được ba tháng ông bị bắt giải về Quảng. Người ta kết án ông ba năm. Trong lao, ông tìm cách đưa sách vào học như Lecture courante, Machuel v.v. Đọc sách, chỗ nào không hiểu ông lại lật tự vị ra tra. Hồi ấy, ông nghe nói có thầy Ung Điền dạy giỏi, ông viết thư nhờ thầy Điền ra bài cho. Làm đâu được vài bài, vừa bị ông án Trần-văn-Thống khám xét thấu hết sách tây, ta, giấy bút và nói một câu nghe rất ý vị; « Các anh còn học làm gì nữa vì có ai cho các anh thi nữa đâu mà học »

Mãn tù ông ra Huế xin học trường giồng. Người ta thấy ông lớn quá không biết để ông vào lớp nào, bắt ông thi. Thi

xong người ta cho ông học ở lớp nhì trường giồng hồi ấy là lớp nhất bây giờ, còn lớp nhất hồi ấy là lớp dạy học trò có bằng tiểu học rồi. Ông vô học đứng chót đội số trong hai tháng Qua tháng thứ ba, đến kỳ bách ông trở nên đứng đầu. Gặp đại tang ông thôi học về quê mở lớp dạy chữ nho và quốc ngữ. Hai năm sau có nghị định bỏ thi, ông thôi dạy, bảo học trò: « Dạy các anh cho giỏi chữ nho tôi vẫn dạy được, nhưng bây giờ các anh học giỏi ra chẳng làm được gì, hãy học chữ Tây đi. »

Thôi dạy, ông lại cấp sách tới trường học với thầy Lê - Hiền ông cùng học với lớp học trò của ông. Qua năm sau, ông Nguyễn-bá-Trác giới - thiệu ông vào làm Nam-phong. Ông bước vào nghề báo từ lúc ấy (1918). Viết được một năm ông xuống Hải-phòng làm thư ký cho Bạch Thái Bưởi. Đơn từ bằng chữ Tây ngăn ngăn ông có thể xem được và viết được.

Thôi làm thư ký ông lại vào Nam viết cho Lục-tỉnh tân-văn.

Làm được ít lâu vì ông viết một bài kịch liệt quá, người ta buộc ông thôi, ông lại ra Bắc làm cho Hội Tin-Lành. Ông chuyên dịch Kinh Thánh chữ Nho ra Quốc ngữ. Cứ theo nguyên văn bèn chữ Hán mà dịch người mình xem kinh không thể hiểu được, vì lỗi chấm câu của chữ Hán không minh, ông sống kinh Thánh Tây với kinh Thánh Tàu rồi dịch chấm câu rất rành mạch. Làm được một năm ông lại thôi vào Nam kiếm việc.

Gặp hồi chưa có việc ông dùng thi giờ dỗi dề học, ông ở tại đồn điền của một bạn ở Cà - Mâu. Đồn điền ấy hẻo lánh quá không có ai nói chuyện cho vui, ông vọt cầm bút viết lần thứ nhất bức thư chữ tây cho ông Dejean de la Bâtie, một nhà báo có tiếng trong Nam. Tiếp được thư, ông Dejean rất ngạc nhiên và khen bức thư của ông viết trôi chảy. Ông Dejean bảo ông có thể dạy ông Phan trong sáu tháng ông ta sẽ viết được báo chữ tây. Từ đó về sau ông Phan thường dịch những bài của ông Dejean viết ở các báo Tây.

Lối học của ông Phan hồi ấy

là cấp với chi khó thì hỏi, hỏi rồi tự tự vị lại cho chắc chắn và bèn vào sổ con, gặp gì thích thì dịch. Ông Phan bần chất thông minh, tính ưa hiểu biết cùng có chí học, nên biết được chữ Tây cũng là sự thường vậy. Điều đáng khen ông là ông hiểu thấu được một phần rất quan trọng trong tinh thần Tây học: Khoa luận lý Cuộc tình duyên của ông với cô Luận lý (Logique) dần dần như vậy: Một hôm, nhân trong câu chuyện đạo giáo ông Quỳnh nói với ông:

— « Các người đi giảng đạo Thiên chúa thường luận lý giỏi ít ai bẻ được, vì họ có học khoa lý đoán ». Ông Phan hỏi:

— Lý đoán là gì ?

— Lý đoán là... lý đoán.

Tính ông Phan vốn ưa rành mạch rõ ràng trong lối viết. Hồi ấy ông đã thấy rõ lối viết lỏng lẻo, trôi nổi của các bạn đồng nghiệp có danh hơn, Ông không ưa mà chính ông cũng phải viết theo lối ấy. Nhân nghe ông Quỳnh nói cái lợi của khoa luận lý, ông tìm ngay sách Tàu học. Nghiên ngẫm mãi đến lúc



hiều ông muốn sống xem có đáng với sách Tây không, ông giao thiệp với vài người học Cao đẳng Hà nội lấy luận lý làm đề cho câu chuyện, ông đem những điều ông hiểu ở sách Tàu nói cho họ biết. Họ viết cho ông xem những đoạn họ học rồi. Nhờ đó ông rõ hết các danh từ bên chữ Tây và thâm hiểu khoa luận lý.

Từ khi ông hiểu khoa ấy, lối viết của ông đổi hẳn. Bao nhiêu bài ông viết ở Nam-phong được người xem đề ý, ông cho là rườm rà, đẽo gọt cả. Ông bắt đầu viết được lối văn rành

mạch sát sống như lối văn ông hiện giờ, từ hồi ông làm cho « Động Pháp thời báo » ở Nam.

Nhờ luận lý học ông Phan đoạn tuyệt hẳn với tinh thần của nền học Khoa cử trước, Ông phản động lại, với lối viết hào nhoáng, bấp bênh cũ. Sức phản động của ông có phần quá. Bởi đó mà ông đã nổi danh là người hay luận lý. Nên nói tới lý luận, người ta liền tưởng ngay tới Phan Khôi. Miên tưởng ấy bao giờ cũng kèm theo một nụ cười mỉa. Người ta mỉa ông kẻ cũng quá đáng.



## Chèo chống...

Nhân xem trang bìa Phổ-Thông số 216 vừa rồi, một bạn đọc có cảm hứng gửi tặng chúng tôi bài thơ sau đây, xin cảm ơn ông bạn :

Quyết-tâm bảo vệ nước non nhà  
Năm vững Long-Thuyền của Quốc-gia  
Nỗ lực đương đầu cùng bão táp  
Gắn công lèo lái giữa phong ba  
Hai tay nâng đỡ qua trăm Hải  
Ba mặt vây vùng khởi nịch Hà  
Lướt sóng trùng dương, chờ vận hội  
Lạc-Hồng trời khúc Khải-Hoàn-Ca.

PHAN-NHƯ-Ý

241, Võ-di-Nguy Phú-Nhuận



Bức thư TÂN NIÊN



\* NGUYỄN-VĂN-CỒN  
(Paris)

**T**Ừ NƠI thăm yêu, vắng nhớ của cõi lòng, tôi đã viết về bạn những « *Bức Thư* » tâm sự. Tôi mong rằng các bạn đã cùng tôi thông cảm những cảnh quê người và tình thương xứ sở. Nhưng dầu có ở đâu đi nữa, chắc các bạn đã cùng tôi oán hận chiến tranh đã kéo quá dài lại nước ta, và buồn tủi trước bao nhiêu đau khổ của dân mình.

Tôi đã bình dung sự giao chuyển của những « *Bức Thư* » ấy : có nhiều bức tới các bạn giữa cơn giông tố của khói lửa, và trong những giờ phút mất còn của con người. Một phần nào,

# THƯƠNG

# XUÂN

chúng ta cũng trôi theo dòng lịch sử của quốc gia, và để nước mắt chảy theo những buồn đau, tang tóc ..

Nếu chẳng may — (có thể lắm) — mà một vài « *Bức Thư* » bị thất lạc, hoặc chìm theo ghe, hoặc cháy theo xe, thì riêng tôi, lấy làm tiếc lắm, vì rằng tâm trí của tôi, luôn luôn nghĩ đến các bạn đọc xa xôi, mà tạp chí *Phổ Thông* là giây liên lạc.

« *Mái tay đề lạnh hương  
nguyên  
Cho duyên đậm thắm ra  
đuyên bề bàng !* »

Chiến tranh không những gây tàn phá và đau khổ, mà còn làm cho nhiều người phải ly tán :

## BỨC THƯ TÂN NIÊN

trong nhiều trường-hợp sự ly tán đã thành vĩnh-viễn ; trong các trường hợp khác, sự ly tán trong hy vọng, đang còn là tạm thời. Nhưng năm qua thảng lại, ngày mong, đêm nhớ, than ôi ! bao trái tim đã cằn cõi, đã suy nhược trước những sức cầm bạo tàn ! Còn đâu là má hồng, môi thắm, còn đâu mái tóc đầu xanh, còn đâu cặp mắt huyền đầy mơ mộng !  
« *Bao nắng đốt, mưa dầm  
và bão tố,  
Áo Nàng Xuân tàn úa sắc  
trăm hoa !* »

Nếu mà biết trước được, thì những khi còn gần gũi, còn tựa vai, kề má, ta đã không bỏ phí bao nhiêu giờ hạnh phúc.

« *Ta sẽ gọi cho thời gian  
ngừng lại  
Đề hồn ta tắm mũi giữa giòng  
thơ* ».

Và ta sẽ nói như nhà thơ lãng mạn La martine :

« *Aimons douc, aimons donc !  
de l'heure fugitive, Hàtons-nous,  
jouissons !  
L'homme n'a point de port, le  
temps n'a point de rive,*

*Il coule et nous passons !* ».  
tạm dịch :

*Ta hãy yêu, ta hãy yêu ! giờ  
qua  
Ta hãy mau lên, ta hãy  
hưởng thụ,  
Con người không bền, thời  
gian không bờ,  
Thời gian trôi qua, và ta biệt  
khứ !*

Nhớ chăng bạn lòng ! Nhớ chăng ngày mà cả bầu trời là bài thơ xanh ngắt, cả núi rừng là bức họa trăm hoa, cả vườn ruộng là bản nhạc hân hoan ! Ngày mà cô thiếu nữ ở thôn quê cũng như cô gái ở thành thị, mà chàng nông phu cũng như chàng sinh viên ở Đại-học, thấy cõi lòng mình rung động trước tình yêu. Ngày đó là ngày tươi đẹp, trong sạch, say sưa :

« *Mắt huyền là suối mơ vô  
tận,  
Môi thắm là thơ đẹp vạn  
văn* ».

Nhưng ta thử nghĩ lại ! Trong hai mươi năm chiến họa, biết bao nhiêu chàng trai ở thôn quê cũng như ở đại học đã ra đi, mà không trở lại ! Biết bao nhiêu cô thiếu

nữ ở thị thành cũng như ở đồng ruộng đã khóc hết nước mắt cõi lòng! Và ta cũng có thể tin chắc rằng không ai muốn sự thế như thế! Vì vậy chúng ta phải đòi hỏi chiến tranh chấm dứt, hầu mong dân mình được hưởng chút thanh bình sau bao nhiêu năm đau khổ.

Lúc đó, sự ly tán sẽ trở thành sự xum họp: các gia đình sẽ đón những kẻ xa xôi và người ta sẽ chào nhau với những cặp mắt thân yêu, với những lời nói âu yếm. Và người ta sẽ không còn nghe những câu giận hờn, thương tiếc:

« Bóng dương dẽ hoa vàng  
chẳng đoái

Hoa dẽ vàng chỉ tại bóng  
dương

Hoa vàng hoa rụng quanh  
tường,

Trái xem hoa rụng đêm  
sương mấy lần  
(Chinh phụ ngâm)

Đề các bạn thêm thấu rõ nỗi buồn khổ trong cô liêu bất cứ là ai, và bất cứ trong trường hợp

nào, tôi xin mượn phép các bạn chép vài câu sau đây lời than van của một cô kỹ nữ sợ cảnh cô độc.

(Bài thơ này của nhà thơ lãng mạn Xuân-Diệu).

« Khách ngồi lại cùng em  
trong chốc nữa,

Vội vàng chi, trắng sáng quá  
khách ơi!

Đêm nay rằm: yến tiệc sáng  
trên trời

Khách không ở, lòng em cô  
độc quá.

Khách ngồi lại cùng em! Đây  
gối là

Tay em đây mời khách ngả  
đầu say

Đây rượu nồng. Và hồn của  
em đây

Em cung kính đặt dưới chân  
hoàng tử

Chớ dẽ hồn em!  
Trăng từ viễn xứ

Đi khoan thai lên ngự đỉnh  
trời tròn

Gió theo trăng từ biển thổi  
qua non;

Buồn theo gió lan xa từng  
thoảng rợn

Lòng kỹ-nữ cũng sầu như  
biển lớn...

Nhà thơ Xuân-Diệu đã lấy những giờ trong đêm đẹp với trăng rằm, gió mát, sao chiếu nền trời để gọi ý yêu đời của cô kỹ-nữ và đề cho ta thấy nỗi sợ hãi của cô trong những giờ cô lạnh.

Riêng phần tôi, thì không những chỉ đêm rằm mới gọi ý yêu đời, mà tôi tin chắc rằng trong những ngày thanh bình, cả vườn ruộng, cả núi sông, từ thôn quê đến thành thị, toàn thể nước VN sẽ là một ngày hội tung bừng.

Nói đến thanh bình, tôi không thể trong « Bức thư Paris » này, không nói đến cuộc đàm phán về vấn đề Việt-Nam tại Paris.

Tôi vẫn biết cuộc đàm phán

này rất là khó khăn, vì lập trường hai bên rất xa nhau. Nhưng tôi mong rằng dư luận tại quốc nội cũng như quốc-tế sẽ thúc đẩy đến chỗ hòa bình thật sự!

Riêng tôi, tôi vẫn tin ở sự đồng tâm nhứt chí của dân tộc ta và lòng tôi vẫn tin tưởng nơi ngọn cờ của Lạc-tướng-quân và lời tuyên bố của « Bình Ngô Đại Cáo ».

« Ta hát mãi sự vẻ vang của  
nước,

Ta hát mãi bực anh hùng  
thuở trước,

Đã hiên ngang gây dựng  
nước Nam mình

Ngọn quốc kỳ chào đón vạn  
bình minh».

□ \*

**Dùng midol** trị các chứng đau nhức  
và cảm cúm  
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY  
1360/BVT/ĐDCC



# NỖI ĐAU ĐỚN

(*Biết ai thổ lộ nỗi khổ cực của tôi ?*)

Lúc đó vào buổi hoàng hôn. Những bông tuyết lớn, ẩm ướt, uể oải quay lộn xung quanh những ngọn đèn lồng kính ở đường vờ mxi thấp và giải một lớp mềm nhũn lên các mái nhà, lưng các con ngựa, vai và mũ người đi đường. Lão đánh xe Đô na Bô ta pốp trắng xóa, trông như ma quái. Cúi gập người xuống, lão ngồi trên ghế yên lặng. Cả một bức lũy chông chắt lên người lão nhưng lúc này lão thấy cũng chẳng cần lác mình nữa. Con ngựa của lão cũng trắng toát và yên lặng. Sự yên lặng và hình thù của vật với những chân cứng ngắt như những chiếc gậy, nhìn gần,

của **ANTON TCHEKHOV**

bản dịch : **VŨ-MINH-T HIỀU**

trông giống như một con ngựa nhỏ bằng bánh ngọt, giá một kô péc. Có lẽ nó đang chìm đắm trong sự suy tư. Một con ngựa, người ta vừa giật ở lưỡi cày ra, bắt xe rời ngay những phong cảnh u ám quen thuộc và ném vào một vực sâu đầy những ánh sáng kính hải, luôn luôn âm ỉ và khách bộ hành đi lại như chạy, như vậy làm thế nào mà nó không trầm ngâm được ?...

Cứ như thế, đã lâu Đô na và con ngựa của lão không cựa quậy ! Người và vật ra trước buổi trưa và chưa có ai mở hàng, Nhưng đây màn sương chiều đã rơi xuống thành phố. Ánh sáng lờ mờ những ngọn đèn ngoài đường nhường cho

## NỖI ĐAU ĐỚN

ánh sáng chói lòa và cảnh nhộn nhịp ở ngoài phố càng tăng.

— Xà ích ! đường Vi bộ ! Đô na nghe thấy có người kêu Xà ích.

Tò đẩu ưng thuận, Đô na kéo cương, làm cho những mảng tuyết rơi từ lưng ngựa và vai lão xuống... Viên sĩ quan vào ngồi trong xe. Lão đánh xe tặc lưỡi, nghèn cò cò ra, khẽ nhòm người lán và vì thói quen hơn là cần thiết, vút một roi mạnh. Con ngựa cũng nghèn cò, gập chân cứng ngắt như những chiếc gậy lại và ngạp ngừng chạy.

— Thăng ngọc, mi tâng xe vào đâu thế ? Có những tiếng la lên ở đám đông tối mù cả phía trước và phía sau. Thượng đế ! Mi đi đâu vậy ? Hãy giữ bên mặt !

— Mi không biết lái xe ! Hãy giữ tay mặt ! viên sĩ quan tức giận.

Một người đánh xe khác nguyên rùa lao, ở ghế cao một chiếc xe ngựa, một khách bộ hành, vội rào qua đường, dựng rào môn con vật, nhìn Đô na về sau có vẻ rừ tuyết ở tay áo. Đô na cựa quậy ở trên ghế

như ngồi phải kim, dựng khuỷu tay về phía mặt và phía trái, đảo tròn mắt sợ hãi, tưởng như không còn biết đi đâu, đang ở chỗ nào và đang làm gì.

— Quân đốn mặt ! viên sĩ quan nói về chế điều. Chúng xoay trở dề va chạm vào xe hay ngã xuống dưới chân ngựa. Chúng muốn tự sát hay sao ?

Đô na quay lại khách và mấp má môi,.. Xem ra lão muốn nói điều gì, nhưng ở trong cổ chỉ có một hơi thoát ra.

— Có gì thế ? viên sĩ quan hỏi.

Đô na mỉm cười ngượng nghịu, lấy hết gan cò và nói một giọng khàn khàn :

— Thưa ông, tôi bỏ mắt... thăng cháu tuần này.

— À !... Nó chết về bệnh gì thế ?

Đô na quay cả người lại và nói :

— Còn ai biết được nữa ! Có lẽ là sốt nóng... Nó nằm ba

ngày ở nhà thương và chết... Đó là ý muốn của Thượng đế!

— Ra đi, không có cái tát bây giờ! Có ai kêu ở trong bóng đêm. Mi không có mắt trước những đ gà hay sao, con chó già? Hay mở to mắt ra.

— Cứ đi, cứ đi đi... người khách nói. Không có cả ngày ta cũng không đến được. Mau lên!

Lão đánh xe lại vươn cổ ra, ngằn người và nặng nề giơ roi lên. Nhiều lần lão quay lại phía người khách, nhưng viên sĩ quan đã nhắm mắt và xem ra không muốn nghe. Sau khi đưa khách đến đường Vi bộ, lão ngừng xe lại trước một quán cà phê, lại thu hình trên ghế và yên lặng...

Tuyết âm ướt lại bao phủ trắng toát cả người và vật. Một giờ, hai giờ trôi qua...

Trên vỉa hè có ba thanh niên đi, khua giày rầm rĩ và cái cọ: hai người cao và mảnh khảnh, người thứ ba, nhỏ bé và lưng có bướu.

— Xà ích, đến cầu bóp

Cảnh sát! Gà có bướu la lên. Ba người... hai mươi kô péc!

Đô na kéo giày cương và tặc lưỡi. Hai mươi kô péc không xứng đáng, nhưng giá cũng chẳng đáng kể đối với lão... một rúp hay năm kô-péc, lúc này lão cũng chẳng quan tâm, miễn là lão có khách... Mấy người thanh niên lại gần xe và trèo lên ghế ngồi, thúc đẩy nhau và nói những lời tục tĩu. Rồi họ bàn cãi: ai ngồi, ai đứng. Sau một lúc lâu cãi cọ, thay đổi, phản kháng, họ quyết định người đứng là chàng có bướu, người bé nhất.

— Thôi, đi mau! chàng có bướu la lên, đứng sát ngay sau Đô na và thò vào gáy lão. Vứt cho nó một roi! Anh có một cái mũ quý thật! Không có một cái nào xấu hơn nữa ở khắp thành Bi-dắc-bảo...

— Hi... hi... Đô na bật cười... Cứ như vậy...

— Thôi, « cứ như vậy », mau lên! Anh đi điếu này suốt dọc đường à? Hừ? Thế roi đầu?...  
— Tao đau ở đầu... một gà

to lớn nổi. Hôm qua ở nhà Đu mát sộp, Vát ka và tao nốc hết bốn chai « cô nhắc ».

— Tại sao nói dối, tao không hiểu! Gà to lớn kia tức giận nói. Nó nói dối như một con heo.

— Thượng đế sẽ trừng phạt tao, nếu tao nói sai, đúng thế..

— Đúng như một con rận ho.

— Hi hi! Đô na mỉm cười, vẻ thành thạo. Các ông này thích vui đùa!

— Ồ! Thượng đế ơi! chàng có bướu gào lên. Anh có tiến lên hay không, lão già ghê lờ? Không thể đi với điếu này được? Hay môn trốn sườn nó đi! Quất đi! Hay vút mạnh!

Đô na cảm thấy sau lưng lão chàng có cái bướu xoắn vặn người và tiếng nói run run. Lão nghe thấy hân chửi rủa mình, thấy đồng người và dần dần cái cảm tưởng cô quạnh ít dè triu lên người lão. Chàng có bướu chửi rủa lão cho đến lúc chàng ngột thờ không nói được nữa và bật lên ho sù sụ. Hai anh to lớn bắt đầu nói và

một cô Ma đi a nào đó. Đô na quay lại phía hành khách nhiều lần. Rình một phút yên lặng ngán ngùi, lao liền qua y lại lần nữa và lăm bằm:

— Tuần lễ này, hừ... tôi bỏ mất một đứa con trai!

— Người ta ai cũng chết, chàng có bướu thở dài và quệt môi sau cơn ho... Thôi, mau lên, mau lên! Các ông ơi, tôi thấy không chịu được với cái điếu đi như thế này! Đến bao giờ lão sẽ đưa chúng ta đến nơi!

— Sửa sang nó lại một chút... Tổng cho nó một quả dấm vào gáy!

— Chú nghe thấy chưa, lão già mặt kiếp? Gáy chú muốn nẹp nẹp đấy! Nếu người ta đi công việc với những hạng như chú, thì đi bộ còn hơn! Hay là bắt cần những lời người ta nói?

Và Đô na nghe thấy nhiều hơn là cảm thấy những cái đập vào gáy mình.

— Hi hi... lão nói và cười. Nhưng ông này thích nó đùa...



Xin Thượng đế phù hộ cho các ông được khỏe mạnh !

— Xà ích, lão có vợ chưa ? một chàng to lớn hời,

— Tôi à ? Hi hi... các ông này thích vui đùa : Giờ này, người vợ độc nhất của tôi là đất ẩm ướt... Hi hi hô hô... Năm mồ, cái gì ! Con trai tôi chết, và tôi, lại sống... Thật kỳ cục, thần chết đã nhầm cửa... Đáng lẽ tìm tôi, thần lại tìm con tôi,

Và lão quay lại đề giải thích cho họ biết tại sao con trai mình chết, nhưng lúc này, chàng có bước thờ dài khê và báo tin rằng, nhờ Thượng đế, họ đã tới nơi. Khi Đô na nhận được hai mươi kô péc, lão nhìn theo mãi bọn thanh niên trác táng biến dạng dưới chiếc công tời. Nay lão lại chỉ có một mình, và sự yên lặng lại bao quanh lão. Nỗi đau đớn của lão đã nguôi đi một lúc, lại hiện ra và làm căng nổ lồng ngực lão ra với một sức mạnh

giã tăng. Mắt lão nhìn những đoàn người diễn hành đi ở hai bên đường, về đau đớn và bần khoản : có người nào chịu nghe câu chuyện của lão không, trong số hàng ngàn đàn ông và đàn bà kia ? Nhưng những đoàn người xa đàn không lưu ý đến lão và nỗi đau đớn của lão... Một nỗi đau đớn lớn lao, không bờ bến. Nếu ngực lão vỡ ra nó tràn ngập cả thế giới, lão tưởng như vậy...

Đô na trông thấy một chàng gác công cầm một chiếc túi cói và định gạ chuyện với chàng.

— Máy giờ rồi, ông bạn ? lão hỏi.

— Quá chín giờ... Tại sao chú đồ xe ở đây ? Đi quá xa lên !

Đô na thúc ngựa chồm lên xa một chút, co quắp người lại và thả trôi tâm hồn theo nỗi đau khổ... Nói chuyện với người

đời, lão thấy thật vô ích. Nhưng năm phút chưa trôi qua, lão đã ngẩng lên tắc đầu, tưởng như lão cảm thấy một nỗi đau đớn mãnh liệt, và kéo giây cương... Lão không chịu đựng được nữa.

« Đi về, lão nghĩ, đi về ! »

Và con ngựa gầy còm, tưởng như hiệu lao, liền phi nước kiệu. Một giờ rưỡi sau, Đô na ngồi gần một lò sưởi lớn bên thiu. Trên mặt lò, dưới đất, trên các ghế dài, nhiều người ngủ gật. Một không khí ngột ngạt và nóng bức quá độ. Đô na nhìn những người ngủ, gãi gáy và tiếc rẻ mình về sớm quá. (Ta chưa kiếm được đủ tiền mua lúa, lão nghĩ. Chính ở đây sinh ra nỗi đau khổ của ta. Một người biết làm ăn... Có cái bao tử no nê, và cả ngực nữa, không bao giờ có điều gì lo lắng... »

Trong một góc, một gã đánh xe trẻ tuổi cầu nhàu buồn ngủ và kéo lê lon nước.

— Anh khát nước à ? Đô

na hỏi.

— Phải tin như vậy !

— Thôi... chúc anh khỏe mạnh... Anh bạn, tôi bỏ mất thăng con... Anh có nghe thấy nói không ? Nó chết ở nhà thương tuần lễ này... Thật là chuyện khổ quá !

Đô na nhìn xem lời nói của mình có ảnh hưởng gì không, nhưng lão chẳng thấy gì. Gã đánh xe trẻ tuổi chui đầu vào trong chăn và ngủ. Ông già thờ dài vờ gãi đầu... Gã trẻ tuổi thềm nước uống và lão thì thêm nói. Như vậy là được một tuần lễ này, lão bỏ mất đứa con trai, và lão không sao thờ lại với ai được... Cần phải nói cho đúng, thỉnh thoảng lại ngừng lại... Cần phải kể tại sao nó ốm, nó đau ra sao, nó nói gì trước khi chết, và nó chết thế nào... Cần phải tả lại đám tang và cuộc hành trình đến nhà thương để thu vén quần áo của kẻ xấu số. Lão còn để lại ở làng một người con gái A ni sa... Về nàng, cũng cần phải nhắc tới... Có thiếu gì việc phải



## NỖI ĐAU ĐỚN

nói đến? Người nghe phải rờn rĩ, thờ dãi, than vãn... và nói với đàn bà lại còn hơn. Họ ngu dốt, nhưng chỉ cần vài ba lời là đủ cho họ khóc.

— Phải đi xem con ngựa, Đờ na nghĩ. Mi có đủ thời giờ để ngủ... khỏi phải sợ, mi sẽ ngủ thỏa thích.

Lão mặc quần áo và ra chuồng ngựa. Lão nghĩ về lúa, cỏ khô, về thời tiết... Nghĩ về đứa con trai, khi lão có một mình, lão không chịu được... Nói chuyện con chết với người nào khác, có thể được, nhưng nghĩ đến việc này một mình và gọi lại hình ảnh của con, thật không sao chịu đựng được.

— Mày ăn à? Lão hỏi con ngựa và nhìn vào mắt long lánh của con vật. Thôi, ăn đi, ăn đi. Nếu chúng ta không kiếm được tiền mua lúa mạch, chúng ta sẽ ăn cỏ khô... Phải... Ta già rồi

mở phải đi đánh xe... Đáng lẽ con ta phải làm, không phải ta... Già mới là người đánh xe thực thụ, nếu con ta được sống ở đời...

Lão đứng yên một lúc, rồi nói tiếp:

— Cứ như vậy, con ngựa cái dưng cعم của ta... Con ta không còn nữa... Già đã vĩnh biệt chúng ta... Già chết rồi, một cách đột ngột, như thế. Bây giờ, thí dụ, mi có một chú ngựa con, mi là mẹ nó... Và bỗng nhiên, ta thí dụ, chú ngựa con ấy vĩnh biệt mi... Có đáng than thở không?

Con ngựa cái gầy xấu nhai, lắng nghe và thở hơi vào bàn tay chủ...

Đờ na không thể cưỡng lại được và kê hết cho con ngựa nghe...

**Đường Midol**  
1360/011/000C

Trị các chứng đau nhức  
và cảm cúm  
CÓ BÀN LẠI CÁC NHÀ THUỐC

## Non Nước BÌNH-ĐỊNH

# PHÙ-MỸ

## \* THÂN-TRÍ-THIỆN



Bình Định được mệnh danh là xứ Củ Mì. là Xứ Tháp Dừa Xanh thì Phù Mỹ là một địa vực thể hiện trọn vẹn những gì mà Bình Định được mệnh danh:

*Khôn cho Phù mỹ có lời  
Nấu cơm chén gạo nổi hạt cũng đầy  
Anh ở dưới Vạn ăn dừa,  
Về chỉ bên Chụt ăn dừa mỗi rặng*

Vạn đây là Công Trung, Thanh Xuân thuộc xã Mỹ Chánh, trồng nhiều dừa hấu, dừa gang, ngon dẻo dễ có tiếng.

Chụt tức là tên tục của Hưng Lạc thuộc xã Mỹ Thành, dừa trồng nhiều thành rừng.

Kẻ vô tâm nhìn khung cảnh này tất nhiên lòng hạn hẹp đứng đưng, chua xót.

Nhưng với người hữu tâm thì đó chính là sắc thái riêng

biệt của từng mỗi địa phương. lòng luôn luôn tìm một khám phá tân kỳ, một sáng tạo khôi tú, nồng nhiệt giới thiệu Phù Mỹ với qui độc giả để mà Tim Hiền Non Sông Cảm Thông Hồn Nước.

Thì ra, Phù Mỹ khởi sắc ở một nền kinh tế nông nghiệp:

*Rủ nhau mua tép Trà Ô  
Sân bờ cát trắng phơi khô đem về.  
Anh đi Tam Tuyến hái chè  
Bỏ cây ớt chín sau hè chim ăn  
Anh ở giữ gỗ Hà ra,  
Cát nhà Lâm thượng, thúng ba em về  
Anh ở Bồ Dịch Giếng Vương  
Nó cơm ăm chiếu lòng tuồng bỏ em  
Em ở Bồ Dịch Giếng Vương  
Sáo treco bốn bức em buồn nổi chi ?*

## Đầy, Phù Mỹ

Là một trong 11 quận của tỉnh Bình Định, cách khoảng



tỉnh lỵ Qui Nhơn về cực bắc 55 cây số, nằm sát dọc theo quốc lộ số 1.

Hình chữ nhật, nằm ngang theo chiều bắc nam, từ đông đến tây 58 dặm, từ nam đến bắc 57 dặm, chu vi ước độ 130.000 cây số, diện tích phỏng chừng 600 cây số vuông.

Đông giáp biển Nam Hải thương mại. Ngoài khơi, về cực bắc quận có Hòn Qui hay Hòn Khô, bản đồ ghi là Ile de Tortue, cực nam có Hòn Trâu, bản đồ ghi là Ile aux Buffles, là hai Núi Đờng Tiên trang điểm cho khuôn mặt Phù Mỹ thêm duyên vậy. Trong nội địa, dọc theo bờ biển khoảng 29 cây số theo đường chim bay, về cực bắc quận có Đầm Trà Ổ, tục gọi Bàu Bàn, cực nam có Đầm Đạm Thủy, tục kêu Đầm Nước Ngọt, cũng gọi là Vũng Đề Di, là hai hống (lỗ) mũi đem nguồn sinh khí từ lòng đại dương vào nội địa quận Phù Mỹ.

Tây, giáp các quận Hoài Ân, Bình Khê, và Phù Cát, cùng tỉnh.

Nam, giáp quận Phù Cát, cách

bởi La Tinh Giang thường kêu là Sông Phù Ly, bản đồ ghi là Lu Siem Giang.

Bắc, giáp quận Hoài Ân, do đèo Phũ cũ đứng làm ranh giới. Đó là vị trí quận Phù Mỹ xét theo cơ sở hành chính.

Còn nghiên cứu trên bản đồ thì nếu lấy kinh tuyến và vĩ tuyến độ gốc Paris từng grade thuộc qui chiếu Bonne, khối bầu dục Clarke thì địa vực Phù Mỹ nằm vào ở giữa bắc vĩ tuyến 16 G, nam vĩ tuyến 15 G, đông kinh tuyến 119 G, tây kinh tuyến 118 G. Nếu lấy kinh tuyến và vĩ tuyến độ gốc Greenwich thì địa vực Phù Mỹ nằm vào giữa bắc vĩ tuyến 15°, nam vĩ tuyến 14°, đông kinh tuyến 110°, tây kinh tuyến 109°.

### Lịch sử đất đai

Phù Mỹ vốn đất cũ của Chiêm Thành, thuộc lãnh vực Đồ Bàn (vijaya).

Thuộc Việt Nam năm 1470, triều Lê thành Tổng mang tên huyện Phù Ly (gồm 8 xã) thuộc phủ Hoài Nhân, trong Quảng Nam Thừa Tuyên.

Quảng Nam Thừa Tuyên lúc

ấy bao gồm 3 phủ, 9 huyện như sau:

1) Phủ Thăng Hoa gồm huyện Lê Giang (9 xã), Hà Đông (8 xã) Hy Giang (7 xã).

2) Phủ Tư Nghĩa gồm huyện Bình Sơn (17 xã), Mộ Hoa (15 xã), Nghĩa Giang (17 xã).

3) Phủ Hoài Nhân gồm huyện Bồng Sơn (7 xã), Phù Ly, Tuy Viễn (7 xã).

Niên hiệu Minh Mạng thứ 13 (1832) đổi huyện Phù Ly chia làm hai huyện Phù Mỹ (lĩnh 4 tổng, 123 xã thôn), Phù Cát (lĩnh 4 tổng, 128 hay 127 thôn xã), vẫn thuộc phủ Hoài-Nhân.

Niên hiệu Tự-Đức thứ 15 (1852) bỏ huyện Phù-Mỹ, tỉnh nhiếp vào phủ Hoài-Nhân.

Đại khái lịch sử đất đai Phù-Mỹ là thế.

Qua các đời Vua, Chúa trước hoặc sau niên kỳ 1852, còn nhiều sự thay đổi khác về địa vực Phù Mỹ, nhưng không đáng kể.

Cuối cùng tháng 8 năm 1945, một chế độ mới thiết lập chế độ Dân-Chủ Cộng-Hòa, Phù-Mỹ là một huyện, trực thuộc tỉnh

Tăng-bạt-Hồ (cải danh của Bình Định) và tên xã được lấy chữ cuối của huyện, thêm vào một chữ nữa, mà đặt tên, ví dụ Mỹ-Lợi, Mỹ-Hiệp, Mỹ-Trinh, Mỹ-Hoà.

Tháng 5 năm 1955 chính quyền Quốc-Gia tiếp thu Bình-Định Chính-Phê Cộng-Hòa thiết lập và Phù-Mỹ là một quận, gồm 15 xã, 115 ấp hay 114.

Quận lỵ Phù-Mỹ trước kia, cũng như ngày hôm nay, đều đóng tại ấp Trà-Quang, trước thuộc Tổng trung Bình, nay thuộc xã Mỹ-Quang.

### Ý nghĩa danh xưng

Phù-Mỹ là gì ?

Tra nguyên ngữ thì :

Phù có nghĩa một thứ cây loài thảo. Mỹ có nghĩa đẹp tốt.

Rất tiếc chúng tôi thiếu tài liệu tra cứu về loại cây thảo-phù nên không thể cho độc giả biết rõ đặc tính loại cây này.

Kết hợp Phù-Mỹ có nghĩa cây phù đẹp dễ.

Như vậy, phải chăng địa vực Phù-Mỹ xưa kia có đặc biệt

những loại cây thảo-phù đẹp đẽ, nên mang lấy tên ấy?

Giải thích như thế chúng ta thấy cũng có lý, xuôi tai lắm.

Kiểm chứng một vài địa danh khác thuộc Bình định, chúng ta cũng nhận thấy có sự trùng hợp ở điểm này. Người ta thường lấy tính chất đặc biệt, hoặc thuộc về thảo mộc, hoặc thuộc về muôn thú, hoặc thuộc về địa chất... của mỗi vùng mỗi xứ, mỗi nơi mà làm thành địa danh. Chẳng hạn ở quận Tuy-Phước có tên Nha-Lâm là do trước kia ấp này có một cụm rừng hình giống hàm răng, Gò-Bồi do tính chất địa cư từ biển nước trở thành đất dai...

Tâm nguyên giải thích thì Phù-Mỹ có nghĩa như trên. Còn có người lại gọi và viết Phù-Mỹ là Phú-Mỹ, là Bồ-Mỹ, là Đò-Mỹ không biết có nghĩa là gì và căn cứ từ đâu mà có các tên ấy. Khó khăn nhất cho việc tìm hiểu là khi các danh từ ấy không được viết dưới hình thức Hán-Tự mà là Việt-Ngữ.

Song nếu chúng ta hàm hồ

ngụy biện giải thích thì chúng vẫn có ý nghĩa hẳn hoi.

Phù-Mỹ là giàu có đẹp đẽ, hoặc là phô bày ra cái đẹp cái tốt. Hay là Phú-Mỹ bị biến danh bởi Phú-Mi mà ra (xin đừng bắt buộc phải viết chữ Hán chứng minh). Phú-Mi là giàu mi, nhiều mi.

Bồ-Mỹ là 1 thứ cỏ thơm đẹp đẽ Phải chăng Bồ-Mỹ ẩn ý như bài Lương-Châu-Từ của Vương-Hàn thì sĩ đời Thịnh-Đường, thuộc nhóm biến tài:

*Bồ-Đào Mỹ-Từ Dạ-quang-Bôi,*

*Dục-Âm Ty-Bà Mã-Thượng-Thôi*

*Tùy-Ngoạ Sa-Trường Quán Mạc Tiểu,*

*Cổ-Lai Chinh-Chiến Kỳ Nhân Hồi?*

Đò-Mỹ là do ảnh hưởng âm hưởng địa danh Đò-Bàn, Đò-Bà, Tây-Đò-Di... của Chiêm-Thành, Đò-Bà, Tây-Đò-Di... còn sót lại chăng? — Hay là Đò-Mỹ có nghĩa một thứ rau đắng đẹp đẽ? — Hay là Đò-Mỹ bị biến danh

từ Đò-Mi mà ra? Đò-Mi là một thứ cây nhỏ, cành, lá có gai đầu mùa hè nở, hoa sắc trắng hoa nở sau các thứ hoa khác, hoặc là tên một thứ rượu uống trong tiết hàn thực.

Chúng tôi còn ngờ Phù, Phú, Bồ, Đò là do sự lầm lẫn chữ TỌ hóa thành chữ TÁC mà sinh ra. Như ở quận An-Nhon có địa danh Phương danh mà trong Đại-Nam Nhất-Thống-Chí viết là Phương-Minh. Chép vậy không hẳn vô nghĩa, nhưng không được sát thực với thực tế, thế thôi. Vì chữ Minh cũng đọc là Danh có nghĩa là Lá Chè-Non và chữ Danh có nghĩa là tên gọi của Người hoặc của Vật chỉ khác nhau ở một điểm vài dấu phẩy ngay trên đầu chữ trong cách thức viết Hán-Tự, do đó đã gây nên sự nhầm lẫn.

Trở về trường hợp Phù-Mỹ có người đã kêu lầm là Phù-Nghĩa.

Tìm về ý nghĩa thì Phù-Nghĩa có nghĩa là giúp việc nghĩa, tức là trợ-ngĩa (thấy điều bất bình nổi giận mà muốn can thiệp) người có nghĩa khí.

Nói thời nói vậy, đầu là Phú, Bồ, Đò..., gì gì đi nữa thì cái tên Phù-Mỹ vẫn đẹp chán đẹp chê, vẫn hữu ý hữu lý, vẫn rất thông dụng.

### Tay người tô diêm

Dân cư Phù-Mỹ năm 1959, kể cả nam phụ lão ấu, được 114 ngàn người. Nay vào khoảng 120 ngàn người. Mật độ trung bình mỗi cây số vuông có 200 người

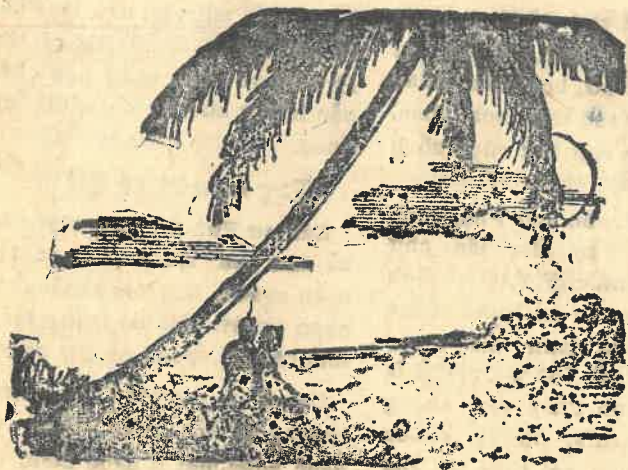
Đa số là người Việt, sinh trưởng tại bản quận, sống về nghề nông, một ít nghề biển, và tiểu-công-nghệ.

Nghề thương-mãi hầu hết ở trong tay người Việt gốc Hoa, nguồn gốc quê quán thuộc tỉnh Hải-Nam bên Tàu, sống tập trung tại quận lỵ, khoảng trăm người trở lại.

Nhìn chung, Phù-Mỹ thế thật là vĩ, khí thật là hùng, đúng hẳn là nơi Địa-Linh Nhân-Kiệt vậy.

Ngày xưa, những Châu-văn-Tiếp (tên khác Đoan-Nganh, 1738 1784), Hoàng-Chiến (? — 1857), Lê-Chất (? — 1832 hay 1826), Lê đình-Lý (? — 1858) Phạm-văn-Sĩ





Hoàng-vân-Minh, Lê-Chân, Nguyễn-đăng-Tuyên, Nguyễn-xuân-Kiều (1857-1893)... tạo nên những chiến công hiển hách lẫy lừng sử xanh, tạo nên những văn thơ thi phú cảm tú, để mà tô điểm non sông đất nước cho đầy gấm vóc. Thi nay, cũng không thiếu những tay tương xứng. Những Đoàn-thế-Khuyến (1925-1953), Đoàn-thế-Nhơn Nguyễn-quang-rứ..., là một ví dụ.

Chuyện tình đất nước với thể thái nhân tình nao có khác chi chuyện tình thương yêu nham

nhỏ giữa đôi thanh xuân trai gái, trách cứ chi ai phụ nghĩa bạc tình:

*Ai về Phú-Cũ nhân nhe,  
Nhún chị bán chè sao vậy  
chẳng lên?*

Nhưng riêng lòng dạ của kẻ hữu tâm xin nguyện rằng:

*Thuốc ngon Bình-Định,  
Giấy huyện Sa-Huỳnh,  
Nấu xa mực nấu, đôi đũa  
mình dùng xa.  
THÂN-TRI-THIỆN  
K.B.C.4093*

# APOLLO-8

chuyến bay vĩ đại nhất của năm qua

□ VÕ-QUANG-YẾN

**T**RONG mấy ngày liền, đúng dịp Noel, khắp thế giới mọi người thán phục theo dõi một cuộc bay chưa từng thấy của con người. Vào lúc ta suy đoán, Nga đang cho sắp đóng một con tàu vệ tinh quanh quả đất để làm trạm trung gian tiến lên cung quảng thì với những điều kiện kỹ thuật tương đối ít hoàn hảo hơn, Mỹ đã gan dạ tổ chức một cuộc hành trình vô cùng nguy hiểm bay quanh cung trăng. Chuyến bay của Apollo-8 đã về vang chấn dứt năm 1968 nhưng ngay

bây giờ đây, thấy ba phi hành gia Bormann, Lovell và Anders đã bình an trở về lại quả đất mà khán giả vẫn còn rung mình trước máy vô tuyến truyền hình. Thật vậy, một bài tính sai, một bộ máy hỏng là cả ba anh hùng hoặc bỏ mình trên cung trăng, hoặc thiêu cháy trong khí quyển quả đất, hoặc mãi mãi tiến ra vũ trụ mà không hẹn ngày về.

## Cuộc hành trình

Nặng 2710 tấn lúc khởi hành, nghĩa là nặng gấp đôi một chiếc tàu quốc tế cỡ lớn, hỏa tiễn



Saturn-V đã được dùng để đưa vệ tinh lên quanh cung trăng; là một cái tháp ba tầng cao 109 thước. Riêng tầng thứ nhất, cao 41,5 thước, rộng 9,8 thước, đã tiêu thụ 1320 tấn dưởng khí lỏng và 620 tấn kerosen trong 151 giây đồng hồ. Năm bộ máy F-1 đẩy nó mỗi một giây cho cháy 12,6 tấn nhiên liệu, so với một chiếc xe hơi « 2 ngựa », mỗi 100 cây số chỉ cần có 5 lít xăng, thật là những con số khổng lồ. Nói một cách khác, tầng thứ nhất của hỏa tiễn tương đương với một chiếc xe hơi « 180 triệu ngựa » !

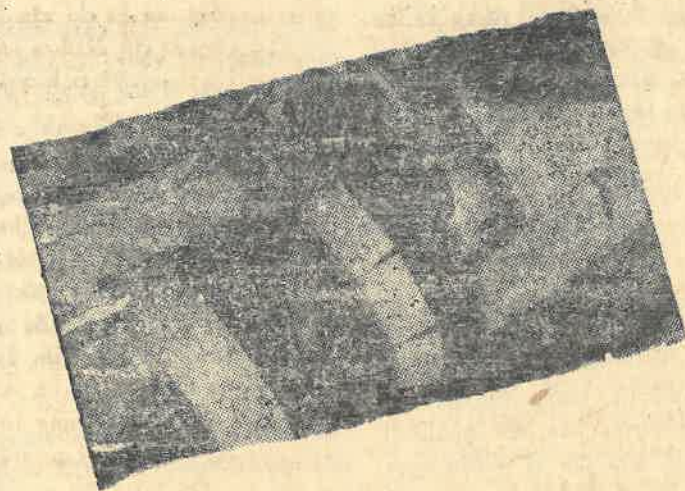
Khi hỏa tiễn lên đến cao độ 67 cây số với tốc độ 9800 cây số/giờ thì tầng thứ nhì được vận dụng : năm chiếc máy J-2 tiêu thụ 358 tấn dưởng khí lỏng và 68 tấn khinh khí lỏng trong luôn 6 phút 7 giây và đưa tốc độ hỏa tiễn lên đến 24.500 cây số/giờ ở cao độ 197 cây số. Nhưng muốn thành vệ tinh, hỏa tiễn phải đạt cho được tốc độ 27.900 cây số/giờ : đây là công việc của tầng thứ ba vẫn còn dính với capsuyn chứa đựng ba nhà phi hành. Các

máy của tầng thứ ba chỉ vận dụng có 152 giây là đủ để đưa nó và capsuyn lên thành vệ tinh quỹ đất, ở cao độ 193 cây số.

Tầng thứ ba và capsuyn chạy quanh quỹ đất được hai vòng thì một máy J-2 của tầng thứ ba lại được vận dụng trong 5 phút 12 giây và đẩy capsuyn lên tốc độ 10,9 cây số/giây là tốc độ giải phóng : capsuyn bây giờ được gọi là Apollo-8, chỉ còn nặng 5600 kilô, rời hẳn vùng trọng lực quỹ đất và tiến lên cung trăng.

Từ đây một cuộc bay xa 383 ngàn cây số bắt đầu : ba phi hành gia đã mất 66 giờ 11 phút, thời gian khá dài đầy sợ hãi, lo âu trước khoảng trống không gian, trước sự cô đơn hoàn toàn, trước một thế giới mới lạ. Nhưng ở quỹ đất, nhờ một máy quay phim Maurer 16 ly đặt sau vệ tinh, 500 triệu khán giả đã hồi hộp trực tiếp tham dự ở máy và tuyến truyền hình, một chuyến đi lịch sử, một cuộc rời quỹ đất mà cách đây ít lâu thời chẳng mấy ai dám tưởng tượng.

69 giờ 7 phút 20 giây sau khi



rời quỹ đất, Apollo-8 xông vào ngoài ở cung trăng, chạy cách 128 cây số. Một hỏa tiễn SPS (Service Propulsion System) được vận dụng để cho tốc độ sụt xuống 912 thước/giây ; như vậy capsuyn bị trọng lực cung trăng hấp dẫn và Apollo-8 trở thành hệ tinh của chị Hằng chạy trên một quỹ đạo hình chuẩn 111 — 314,5 cây số. Khoảng bốn giờ sau, hỏa tiễn SPS lại được vận dụng một lần nữa : tốc độ sụt xuống 870 thước/giây và quỹ đạo Apollo-8 trở nên tròn. Ở cao độ 111 cây

số, Apollo-8 đã bay quanh cung trăng mười vòng. Ba nhà phi hành thời thì mặc sức chụp hình, quay phim, quan sát : chưa lúc nào con người đã lại gần cung trăng như thế này. Chỉ là khán giả ở máy truyền hình mà cảm tưởng còn khó diễn ra buổi hò ở trong cuộc thì chắc không đủ lời để kể tả.

Nhưng cuộc du hành có mỹ diệu đến đâu cũng cần phải tính chuyện về, nên sau đêm Noel rùng rợn nhất của lịch sử, Apollo-8 lại phải nhờ các hỏa tiễn SPS



tăng tốc độ để thoát ra khỏi vòng trọng lực cung trăng và trở về lại quả đất hôm 27-12, sáu ngày sau lúc ra đi. Rơi xuống Thái bình dương, cạnh chỗ đã định trước, capsuyn lập tức được vớt ra để đưa về chiếc hàng không mẫu hạm Yorktown.

### Những nguy hiểm

Tuy thân phục kỹ thuật của cơ quan NASA, nhiều chuyên gia đã cho chuyến bay của Apollo-8 có phần hấp tấp vì nhiều nguy hiểm đã dọa đường capsuyn. Nếu không nói đến chuyện hư hỏng một hệ thống quan trọng, cuộc hỗn loạn của các máy điều hòa nhiệt độ, áp lực, các máy vô tuyến truyền tin... rất có thể xảy ra bất cứ lúc nào, hai điểm nguy hiểm chính là các hỏa tiễn SPS và đường bay về quả đất. Về các hỏa tiễn SPS mà ta đã thấy vài trò trọng yếu ở trên, quan hệ nhất là lúc Apollo-8 lại gần và lúc rời cung trăng. Lúc capsuyn lại gần cung trăng; nếu hỏa tiễn SPS vận dụng không đúng thời gian đã định, capsuyn có thể hoặc vì

độc độ quá lớn chỉ chạy quanh cung trăng một vòng rồi tiến về quả đất, hoặc vì tốc độ quá nhỏ phải mãi mãi chạy quanh cung trăng mà không hy vọng một ngày nào rời nó được. Lúc muốn rời cung trăng, mặc dầu điều kiện tốc độ nói trên được theo đúng nhưng nếu hỏa tiễn SPS không vận dụng thì capsuyn dần dần bay xuống thấp và sau cùng đập vào cung trăng.

Về điểm thứ nhì, nhiều capsuyn đến nay đã thành công trở về lại mặt đất sau nhiều vòng bay quanh quả đất. Nhưng ở trường hợp này, capsuyn từ cung trăng bay về, tốc độ vào khí quyển gần 40.000 cây số/giờ, sức cọ xát thật vô cùng lớn và ở vũ ngoài capsuyn nhiều chỗ có thể đạt đến vài ngàn độ. Để cho toàn capsuyn có thể chịu đựng được nhiệt độ cao, capsuyn cần phải xông vào khí quyển theo một con đường được định trước: lúc bay cách xa quả đất 200.000 cây số, các phi hành gia đã phải nhắm một «khe vệt» rộng 9,6 cây số và bay vào với một góc 6,5 độ. Thật

là như một con kiến bò quanh một quả bóng tròn và nhắm đúng một mũi kim! Nếu góc bay vào nhỏ hơn 5,4 độ, capsuyn sẽ bốc cháy ngay, nếu góc bay vào lớn hơn 7,4 độ, capsuyn sẽ dội lên những lớp khí quyển như một quả bóng trên một mảnh đất gỗ gồ ghề để sau cùng tiến lên một quỹ đạo quanh quả đất và bay quanh mãi mãi.

Thiếu dưỡng khí, các phi hành gia sẽ chết ngạt. Vì vậy, mỗi một người đã có mang theo một liều thuốc đặc có nhiệm vụ rút ngắn thời gian đau đớn...

### Tính tương lai

Nhưng ba phi hành gia đã bình yên vô sự trở về lại mặt đất. Bây giờ đây phải tính chuyện tương lai. Sau hai cuộc thành công liên tiếp của Apollo-7 và Apollo-8, tất nhiên một loạt các chương trình cho đến lúc các phi hành gia bước chân lên được cung Trăng.

Apollo-9 rồi đây sẽ hứa hẹn nhiều, không phải vì sẽ có nhiệm

vụ đưa phi hành gia lên tận đất cung trăng, nhưng các nhà điều khiển cơ quan NASA đã giao phó cho nó công tác thử chiếc máy LEM (Landing Excursion Module) sau này sẽ đưa hai phi hành gia từ capsuyn bay quanh cung trăng xuống đến đất cung trăng. Giống như một con châu chấu khổng lồ với bốn chân cao ngêu ngạo, nặng hai tấn, chiếc LEM sẽ được đặt vào đầu mũi hỏa tiễn Saturn-V với hai bộ phận điều khiển CM (Command Module) và phụ vụ (Service Module). Trong chiếc LEM có một hỏa tiễn SPS rất quan trọng dùng để hãm tốc độ khi hạ, và tăng tốc độ khi muốn rời đất cung trăng. Nếu hỏa tiễn này vận dụng không đúng thì hoặc chiếc LEM rơi mạnh vào cung trăng với nhiều xác suất vỡ ra tan tành, hoặc không rời được đất cung trăng để lên lại capsuyn đang bay đợi trên trời cung trăng. Vì vậy thử vận dụng chiếc LEM trong khoảng trống không gian là một việc tối cần.



Ngoài ra cũng cần phải lặp lại những cuộc gặp gỡ trên quỹ đạo quanh cung trăng như người ta đã thành công với những chiếc Gemini quanh quả đất. Tập dượt con người, vận dụng máy móc làm sao cho mọi sự đều được hoàn hảo, ấy tức là sửa soạn cho các chuyến bay của Apollo-10 và Apollo-11.

Hai Apollo kế tiếp này sẽ thực hiện những cuộc đổ bộ thật sự lên cung trăng. Những phi hành gia đã được chỉ định : Stafford, Cernan và Young. Rất có thể năm sáu tháng nữa cuộc thí nghiệm sẽ được thực hiện. Các chuyên gia còn đợi kết quả của Apollo-9 vì thật ra chưa có một chương trình gì rõ ràng. Rất có thể trong chuyến bay của Apollo-10, chiếc LEM chỉ xuống cách mặt trăng 1600 thước mà thôi, rồi lên lại capsules đang chạy trên quỹ đạo. Rồi với Apollo-11, chiếc LEM mới thật sự đổ bộ xuống đất cung trăng.

Rồi sau đây... Chương trình sẽ còn có gì? Theo tính hình hiện

nay, sau đây chẳng còn có gì nữa và chương trình khảo cứu không gian của Hoa kỳ chấm dứt! Thật vậy, kế hoạch Apollo ra đời từ thuở Tổng Thống Kennedy. Người ta đã cố gắng thực hiện cho đến cùng, nhưng từ ba năm nay, ngân sách của cơ quan NASA bị sụt giảm vì Hoa kỳ phải tăng gia binh bị một mặt khác. Chiến tranh Việt Nam dù sao đã phá rầy không ít chương trình khảo cứu không gian của Mỹ. Năm 1966, ngân sách cơ quan NASA là 5.2 tỷ Mỹ kim, số nhân viên làm việc cho cơ quan là 37.000 người, không kể 400.000 kỹ sư và cán sự làm việc trong kỹ nghệ không gian. Năm 1969, ngân sách ấy sụt xuống 3.8 tỷ Mỹ kim mà kế hoạch Apollo đã nuốt mất hai phần ba. Số tiền còn lại may ra chỉ dùng được vào vệ tinh thông tin, vệ tinh ứng dụng vào công việc khảo cứu ở phòng thí nghiệm. Một chương trình rộng lớn để khảo cứu cung trăng hay các hành tinh khác đòi hỏi một ngân sách dồi dào hơn. Tờ Tổng Thống Nixon, rồi đây, phải quyết định gặp rút.

### Vài câu hỏi

Trước sự tốn kém của 1 chương trình không gian mà người ta không biết có ích hay không, trước sự đòi hỏi của những nhà quân sự chuyên lo về phòng thủ, nhiều câu hỏi bấy lâu được nêu ra. Bây giờ lại được nhấn mạnh : đổ bộ cung trăng khảo sát vũ trụ có ích lợi gì không, nhất là trên mặt đất này tiền của đang cần để khảo cứu bài trừ ung thư chẳng hạn?

Đầu tiên, ta nên biết không âm sao tính trước được tất cả lợi ích của một cuộc khảo cứu. Hỏi những nhà vật lý học bỏ công học hỏi về điện học, người ta cũng đã có hỏi : điện học để làm gì? Hỏi ấy, mấy ai dè điện đã đem lại ánh sáng, cho chạy máy móc, và cả một thời đại văn minh trên quả đất đã dựa lên điện học mà phát triển. Bây giờ đây cũng vậy : cung trăng sẽ làm gì? vũ trụ có ích chi? Tương lai sẽ trả lời cho ta.

Tuy nhiên, cung trăng, vũ trụ chỉ là những bước tiến của một

chương trình rộng lớn. Những bước đầu, các vệ tinh nhân tạo, đã có những áp dụng rõ ràng : những vệ tinh thông tin, khí tượng hằng hành phải chăng đã giúp thêm nhiều tiện nghi cho đời sống chúng ta. Sau đây, lên cung trăng không phải chỉ thỏa tính tò mò, thỏa trí phiêu lưu của con người mà thôi. Các nhà khoa học đã từng giăng mỗi khi có thể khảo sát từ ngoài, ta lại càng hiểu biết thêm về quả đất ta. Từ cung trăng chẳng hạn, ta có thể nhìn ngắm quả đất mà cuộc quan sát vũ trụ cũng khác hẳn. Ngay cung trăng cũng sẽ là một phòng thí nghiệm vật lý học quý báu. Các nhà vật lý học đã từng cho cung trăng là thiên đàng của họ. Lấy một ví dụ còn con : để học hỏi những hạt vật chất, ở quả đất người ta muốn xây những máy gia tốc lớn hơn 200 hay 400 GeV (Giga-electron-Volt) mà chỉ ngồi ở đất cung trăng, phi hành gia đã theo dõi được những hạt vũ trụ có thể đạt đến được hàng ngàn GeV. Ngày nay, với những áp dụng vô biên của điện tử, hết ai còn nói khảo



cứu các hạt vật chất để làm gì.

Về mặt tinh thần, nếu ngay bây giờ một cuộc tranh đua (giữa Nga và Mỹ) rất cần yếu cho cuộc tiến triển, một ngày mai đây cuộc tranh đua kia sẽ giảm bớt vì các dân tộc dần dần sẽ ý thức chúng ta tất cả đều cùng thuyền, cùng hội, cùng một hành tinh bé nhỏ trước vũ trụ bao la và ý thức này sẽ là tiến triển tinh thần, triết lý sâu xa nhất chưa hề thấy trong lịch sử nhân loại.

Nếu có người nêu lên nên ý thức ngay bây giờ tình yêu thương người cùng hành tinh kia, nên để tiên xây lập những viện khảo cứu ung thư đầy đủ, ta nên hiểu hai cuộc khảo cứu cần phải tiến triển song song. Bây giờ đây, nếu bỏ hết công phu tiền của vào một việc

khảo cứu ung thư mà thôi, chưa chắc ung thư sẽ được bài trừ mau chóng hơn. Người ta còn nhắc lại hồi 1800, một hội đồng các nhà bác học đã được cử ra, để tìm kiếm một hành tinh chạy giữa sao Hỏa và sao Mộc, mà rồi lại một nhà thiên văn học làm việc riêng biệt đã tìm ra...

1969: mặc dù chưa một ph hànhgia nào đã quấy bụi đất cung trăng, người ta đã đặt tên năm nay là Năm cung trăng. Mặc dầu những khó khăn đủ mọi mặt, ta hy vọng nay mai khoa học sẽ thực hiện giấc mộng ngàn năm của loài người, bắt chấp tác giả của Nga và Mỹ.

VÕ-QUANG-YẾN



**Dùng Midol** trị các chứng đau nhức  
và cảm cúm  
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY  
1360/89.1/8900



# Hôn oan chinh chiến

□ MẶC - UYÊN

Cách đây 8 năm (1961) áp lực chiến-tranh còn yếu. Cảnh thanh bình lại về trên đất nước chúng ta. Nhất là ở thôn quê ruộng đồng bát ngát mùi lúa chín, vườn tược hoa màu, cây đầy trái, ao hồ đầy cá, không khí trong lành. Thật không gì bằng về đời gió ở thôn quê.

Mùa hè năm đó tôi về quê nội ở với ông bà nội, người chú ruột em út của ba tôi (in miễn nói lên) hơn tôi 2 tuổi, và họ-hàng bà con suốt 3 tháng hè. Tôi vừa chẵn 10 tuổi, tâm hồn

còn ngây-thơ thích vui đùa hơn học a b c... và bầm tính vốn sợ ma như phần đông đứa trẻ khác.

Đêm đầu tiên tôi về quê nhằm mùa nước và không trăng sao, trời tối om. Tôi ngồi ăn cơm tối với ông bà nội và người chú út bên cạnh chiếc đèn cây trên chiếc giường tre đặt trước sân nhà. Nhà ông bà nội tôi năm đơn độc ở cuối làng. Trước mặt nhà là cánh đồng chạy dài đến đày tre làng bên cạnh nhưng ban đêm

trông như một tấm thảm đen không lồ. Đêm nay lại là đêm đầu tiên mùa rê rã (đế) và giữa mùa ve sầu (khí hậu bất đồng). Trên các ngọn tre, tiếng ve sầu đua nhau vọng xuống nghe thật vui tai. Ngoài đồng tiếng rê rã reng xen lẫn tiếng côn trùng như nỉ non, ai oán. Tạo thành một âm thanh hỗn loạn nhưng đầy ma quái. Không khí nóng nực khó thở.

— Chú... chú cái gì. (ở thôn quê họ gọi cha bằng chú hoặc cậu) Người chú út đã thôi ăn và ngạc nhiên chỉ tay ra ngoài đồng. Tôi bỏ chén đĩa xuống tờ mờ nhìn theo. Xa xa giữa màn đêm, một bóng người đỏ như máu nhưng sáng loè như lân-tinh. Bóng người không rõ trai hay gái, nhỏ hay lớn, già hay trẻ. Đi từ từ trên không cách mặt đất chừng 3 tấc, tiến vào phía nhà ông bà tôi khóc

lóc thảm thiết như mang mối cảm hồn không nguôi..

Tôi run run nép sát vào người bà nội tôi Ông bà tôi hình như biết trước câu chuyện Ông nội tôi vẫn bình thản và cơm nhưng không dấu được vẻ mặt buồn buồn. Riêng bà nội, hai hàng nước mắt rơi là chã trúng ngay mặt tôi. Tôi tránh qua một bên không hiểu át giáp chi cả.

— Con... con đi... đi. Bây giờ ông nội tôi mới lập bắp lên tiếng lớn. Bóng người ma đã đến gần cách chừng 15 thước. Bóng biến mất..

Sau ngày ông nội tôi chết. Tôi hỏi bà nội tôi mới vỡ lẽ.. Nguyên ông bà nội tôi có một người con trai lớn, ra đi kháng chiến chống Pháp năm 19 tuổi và biệt tích luôn. Bỗng nhiên một hôm (năm 1948) trở về

**Đúng midol**

1360/BVT/ĐDQC

trị các chứng đau nhức  
và cảm cúm  
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

đem theo năm đồng chí bảo người nhà nấu cơm gói tử tế và lấy tiền đi liền. Đau đớn thay, sáng hôm sau trời chưa hừng sáng, lính Pháp đã bắt loa cưỡng bách đồng bào (trong đó có ông bà nội tôi) ra cánh đồng (nơi bóng người xuất hiện) cuối làng, chúng kiến cảnh xử bắn 6 người mặc bà ba đen bịt mắt treo trên giàn tre cao chừng 3 thước.

Sau khi sáu mạng người sang bên kia thế giới lính Pháp bỏ đi. Ông bà nội tôi như linh cảm chuyện không tốt chạy nhanh đến lột 6 miếng vải bịt mắt trước mọi người, 6 xác người



không ai khác hơn là người con trưởng của ông bà nội tôi và 5 đồng chí.

Bà nội tôi còn cho biết, hình như hồn oan của bác tôi và 5 đồng chí chết gặp giờ thiêng, ngày thiêng nên vẫn còn vương vấn ở cõi trần. Thỉnh thoảng cả sáu người hiện về khóc lóc thảm thiết...

Hồi ký tuổi thơ.  
Quê nội, hè 61.  
— MẮC-UYÊN —





**tài và chí của**

# QUANG - TRUNG

○ PHẠM-MINH-NGÔ

## Những ngày thiếu thời

Cuộc nội chiến kéo dài đến 180 năm và hãy còn tiếp diễn. Đó là thời đại mà hai họ Trịnh Nguyễn đương tranh giành Đế nghiệp. Mỗi bên đều tạo một giai cấp quý tộc và lớp thượng lưu xu mị nhằm củng cố quyền hành. Tâm lý bất lương. Đàng ngoài cũng như Đàng trong đã trở thành quốc sách. Hoàn cảnh đó đã nảy sinh một thiên tài quân sự lẫn chính trị:

**Nguyễn-Huệ**

Nguyễn Huệ sinh năm Nhâm thân (1752) tại một làng hẻo lánh ở Quận Bình Khê tỉnh Bình định vốn giòng họ Hồ (cha là Hồ phi Phúc) khi nhỏ, ông có tên là Thơm, vì hoàn cảnh chính trị sau ba anh em đổi thành họ Nguyễn (Mẹ là Nguyễn thị Đồng)

Sự thể hiện đầu tiên hoài bão của anh em Nguyễn Huệ là đặt lại tên ấp của mình. Tây Sơn. Ngoài ý nghĩa về địa lý còn có ý nghĩa về lý tưởng. Bá Di, Thúc Tề không thần phụng nhà

## TÀI VÀ CHÍ

Châu. không ăn cơm nhà Châu lên núi Thú dương ăn rau vi đề sống :

Đặng bỉ Tây sơn hề, thái kỳ vi hỉ.

Dĩ bạo địch bạo hề, bất tri kỳ phí hỉ.

Thần Nông, Ngu, Hạ hốt yên một hề, ngã an thích qui bỉ.

Hu tạ tề hề, mệnh chi suy hỉ

Ta hái rau Vi trên núi Tây

Bạo کیا thay bạo có gì hay

Hung vong mấy lớp, nơi nào

trú Nhưng vận suy rồi sống thác đây ?

Lấy bạo thay bạo đúng là hoàn cảnh và tâm lý của hai họ Trịnh Nguyễn. Ba anh em Nhạc, Huệ, Lữ, theo thầy là Trương Hiến học cả văn lẫn võ. Nhưng vì mồ côi sớm nên cả ba vừa học vừa làm. Họ bắt đầu những công tác cho ngày mai : Mở trường Võ bị,

Nhạc kêu gọi và đốc thúc dân chúng trong tỉnh, nhất là dân chúng trong quận Bình Khê luyện tập Võ nghệ. Họ chia

thành từng vùng, từng nhóm để học. Tổng hành dinh đặt tại Núi Một, gần đèo An Khê (hên quốc lộ 19 hiện nay). Nơi đó Nhạc chính thức mở trường võ bị để huấn luyện những người trẻ. Những môn võ họ học phần nhiều là do óc sáng tạo của Huệ. Họ mở Xưởng đúc vũ khí tại đó. Phần lớn là súng. Hiện nay dân địa phương gọi là « lò đúc súng Quang Trung ». Ngoài ra mỗi xóm còn có một lò rèn để đúc binh khí. Nhạc còn lập một sở cam để giải mệt cho quân lính, cách chỗ luyện võ ba cây số đường chim bay, về phía bắc, trên một ngọn đồi khác.

Nhạc thành lập được hai đạo quân gọi là *Trung nghĩa quân* và *Hòa nghĩa quân*,

## ★ Những trận đánh thần tốc.

Năm Tân mao (1771) Nhạc tế cờ khởi nghĩa đất Tây Sơn (Lúc đó Huệ mới 19 tuổi). Thanh thế lan truyền rất nhanh và rất mạnh.

Nghĩa quân chiếm hầu hết các nơi trong tỉnh. Đến năm Quý tỵ (1773), Huệ tiến chiếm tỉnh lỵ Bình định, sau một đêm nhờ Nhạc dùng khổ nhục kế. Bộ tổng tư lệnh gồm sáu người :

— Chỉ huy kiêm Tham mưu trưởng : Nguyễn Nhạc (khi Nhạc tự mình đóng vai con tin, Huệ thừa ủy nhiệm)

— Cố vấn kiêm phụ tá : Giáo sư Trương Hiến.

— Nguyễn Huệ chỉ huy đạo Trung nghĩa quân.

— Nguyễn Lữ chỉ huy đạo Hòa nghĩa quân

— Lý Tài và Tập Đình (người Tàu), chỉ huy đạo quân Biệt động.

Đó là trận đánh Qui nhơn lần thứ nhất và cũng là một trận thần tốc.

Thừa thế, Huệ chiếm luôn các tỉnh Quảng Ngãi, Quảng Nam, Phú yên. Uy danh như sóng cồn Năm Giáp ngọ (1774), Nhạc nhận chỉ dụ của Vua Lê, làm Trấn

thủ tỉnh Quảng nam. Thời cơ thuận tiện, Nhạc xưng Đế ở Qui nhơn, Vương hiệu là Thái Đức năm Mậu tuất (1778). Khi đó quàn Tây sơn đã kiểm soát từ đèo Hải vân đến Bình thuận Năm sau (1779) Nguyễn Huệ đánh bật quân Nguyễn Ánh ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

Đầu năm 1780, Nguyễn Ánh chạy ra Phú quốc. Sau đó Ánh trốn sang Xiêm. Bốn năm sau, Giáp thìn (1784) Ánh đem 100.000 quân Xiêm đổ bộ vào cửa biển Hà tiên (trong vịnh Xiêm la). Quân Xiêm tràn khắp đồng bằng Nam Phần (từ thành thị tới thôn quê). Nhưng phần lớn đại quân đóng ở Mỹ-tho cùng với tổng hành dinh theo kế hoạch đánh chiếm toàn diện. Nguyễn Huệ đã bề gãy kế hoạch đó bằng một cuộc hành quân quy mô. Phương pháp đại bao vây phối hợp với tiểu bao vây được triệt để ứng dụng. Trên ba trăm chiến thuyền với hai mặt bộ và thủy quân của Xiêm bị Nguyễn Huệ phá nát. Hai tướng Xiêm, Chiêu Tăng và

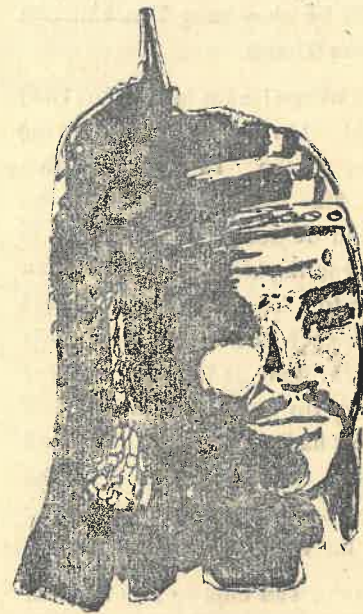
Chiêu Strong bị thảm bại. Sau nửa tháng trời, Nguyễn Huệ kiểm soát toàn diện ở Nam. Nguyễn Ánh bôn đào một lần nữa. Huệ vẫn đặt Lữ trấn thủ ở Nam kỳ còn mình kéo quân ra ngoài.

Đó là trận đánh thần tốc lần thứ hai.

Hai năm sau, Huệ nghe lời Nguyễn hữu Chính, tiến quân ra Bắc hà ngày 28 tháng tư năm Bính ngọ (1786). Ngày 14-5, Huệ tiến chiếm thành Thuận - hóa. Ngày 26-5 Huệ vào thành Thăng Long. Cơ đồ của nhà Trịnh gần 200 năm bỗng chốc tan biến. Huệ được Vua Lê Hiến Tông tấn phong Nguyên soái và ban tặng Phù Chính Dực Vận Uy Quốc Công. Ngày 11-7 Huệ làm lễ cưới Cồng Chúa Ngọc Hân.

Khi vua rước Huệ ở đền Vạn thọ, Huệ nhún nhường đi chân không, không đi trên chiếu hoa, vua Lê rất đẹp lòng.

Đêm 17-8 Huệ âm thầm rời Thăng Long. Vì nghi ngờ Chính,



nên kéo quân đi, Huệ không cho Chính hay. Trong chuyến đi này diềm đáng chú ý là bất quân lính phải ngậm tằm (kể nào nói chuyện rớt tằm, bị tội).

Huệ hiểu Chính có ý mưu đồ riêng. Khi Huệ bỏ Chính, Chính phò vua Lê và lộng quyền. Huệ sai Vũ văn Nhậm, Ngô văn Sở, Phan văn Lân ra trừ Chính. Vua Lê Chiêu Thống (Lê Duy



Kỳ) bỏ chạy sang Tàu cầu cứu quân Thanh.

Tháng 11 năm Mậu thân (1788) một lần nữa, Nguyễn Huệ kéo quân ra Bắc Hà. Đi đến đâu, Nguyễn Huệ mộ quân để đó. Điều đáng nói là những tân binh, với thời gian cấp tốc, không biết Nguyễn Huệ làm cách nào trở thành thiện chiến. Ngày 24-11, Nguyễn Huệ được tin quân Thanh đã kéo vào Thăng Long làm chủ tình hình. Quân Tây Sơn ở Bắc Hà dưới sự chỉ huy của Ngô văn Sở đã lui về cố thủ ở Tam đệp.

Quân Tàu chia ra làm ba đạo: Quảng đông, Quảng tây và Vân nam, Quý châu, tiến vào Thăng Long theo ba ngã: Lạng sơn, Cao bằng, Tuyên quang, lần hai mặt thủy, bộ gồm các tướng: Trương triều Long, Thượng Duy Thăng, Hứa ké Hanh. Đô đốc Sâm nghi Đống, đặt dưới quyền chỉ huy của tướng Tôn sĩ Nghị. Tổng đốc Lương Quảng Nhưng hai cánh Quảng đông, Quảng tây tiến vào Thăng Long trước.

Ngày 25-11 Nguyễn Huệ, đắp

đàn ở núi Bàn sơn làm lễ tế trời đất. lên ngôi Hoàng đế đặt Vương hiệu là Quang Trung. Quang Trung giờ đây như sao Bắc đẩu, Những Nguyễn Ánh, Nguyễn Nhạc (Thái Đức Hoàng đế) Lê duy Kỳ (Chiêu Thống Hoàng đế) như mờ đi. Quang Trung lần thứ nhất viết tờ phủ dụ mời các sĩ phu ra giúp nước. Ngài đặc biệt chú trọng tới La sơn Phu tử. Ngày 29-11 Quang Trung tới thành Nghệ An, nghỉ mười ngày để lấy thêm quân. Ngày 20 tháng chạp, đại quân Quang Trung đến thành Thanh Hóa. Nơi đây, Quang Trung phối hợp với quân Ngô văn Sở.

Dựa theo tình hình của binh địch, Quang Trung bố trí đường tiến quân.

— Hai Đô đốc Bảo, Mưu chỉ huy đạo quân chiến Tượng (sơn quân) để công bực địch.

— Tuy nhiên, riêng Đô đốc Mưu còn chỉ huy đạo quân Biệt động để chặn đường tiếp viện của địch.

— Đô đốc Lộc, Tuyết, chỉ huy đạo quân hậu tập chặn đường rút lui địch.

— Riêng Đô đốc Tuyết còn chỉ huy thêm đạo Thủy quân lục chiến ở mé Hải dương tiến lên.

— Đại quân (Quân trung ương) do Quang Trung chỉ huy để đột phá Trung ương (chọc thủng giữa) có Đại tư mã, Ngô văn Sở và Nội hầu Phan văn Lân phụ tá.

Sau khi ăn tết trước bốn ngày quân Quang Trung bắt đầu tiến Đại quân vượt sông Giản thủy đến Phú Xuyên không gặp một kháng lực nào đáng kể. Đêm mồng ba tết (Kỷ Dậu 1789), đồn Hà hồi bị vỡ.

Đêm mồng bốn tết, Ngọc Hồi, Văn diễn, Yên quyết bị phá tan.

Rạng ngày Mồng Năm tết, Đại quân tiến vào Thăng Long, Sâm nghi Đống tự tử (Gò Đống Đa), Hứa ké Hanh và các tướng bị giết. Tôn-sĩ-Nghị bỏ cả ấn tín Tổng đốc và các quận huyện trốn chạy về Tàu.

Quân Tàu chen nhau chạy, cầu Nhị Hà bị gãy. Hơn 150.000 quân Thanh bỏ xác.

Đó là trận đánh thần tốc, lần thứ ba.

Quang Trung lần thứ nhì viết tờ chiêu an và phủ dụ dân chúng, sĩ phu. Ngài đối đãi với bầy tội của triều trước rất hết tình.

Đất nước tạm coi được lắng dịu.

Đến năm Nhâm tý (1792) (1) Nguyễn Ánh viện được quân Pháp kéo ra Qui nhơn. Quang Trung chia làm hai mặt, bộ lẫn thủy quân, bằng hỏa công, đánh tan đội quân Nguyễn Ánh.

Đây là trận đánh thần tốc lần thứ tư.

Từ đó, Ngài yên tâm, đặt kế hoạch để phục hưng đất nước.

(1) Có nơi ghi Quý Sửu (1793), tưởng cũng nên xét lại — vì năm (1792) Quang Trung lần cuối cùng ra quân đánh tan quân Nguyễn Ánh. Quang Trung mất năm này.

★ **Kế hoạch kiến quốc.**

Sau khi thắng trận Đống Đa, ngài đã đặt chương trình kiến quốc.

★ *Đối nội*: Lập chương trình dự toán 10 năm. Đó là một điều hết sức mới mẻ. Thời bấy giờ các nhà lãnh đạo của các quốc gia trên thế giới, nhiều lắm người ta chỉ đặt kế hoạch hàng năm (budget Annuel) mà thôi. Văn hóa được phát triển, đặt nặng vấn đề chữ Nôm—Luật pháp được tu chỉnh. Dân chúng được tổ huấn, quân đội được tổ chức, kinh tế đặt lại kế hoạch khuyếch trương, theo chế độ bình sản (tự do phát triển, có nhà nước kiểm soát; quân điền...). Công nhân được chỉ đạo.

★ *Đối ngoại*: Sự bang giao chính trị và kinh tế với các nước có quy chế hẳn hoi—Nhất là đối với nước Tàu. Vua Quang Trung muốn đòi lại đất Lưỡng Quảng. Ngài nói với Đô đốc Vũ Quốc Công, đại ý: «Hỏi Công chúa Tàu làm vợ để lấy

đất lưỡng Quảng — Nếu Tàu có ý lằng mạp thì Vũ quốc Công sẽ làm hướng đạo trong cuộc Vạn Lý trường chinh...» (1)

Vua Quang Trung đặt kế hoạch này có lẽ đã có cách giải quyết.

— Cưới Công chúa Tàu lấy đất lưỡng Quảng sẽ là cửa hời môn (giải pháp Chính Trị).

— Nếu vua Tàu khinh mạn thì có cơ Bắc phạt (giải pháp Quân-Sự).

Qua những trận đánh thần tốc đó; hình như vua Càn Long chịu gãi công chúa và giao đất lưỡng Quảng, vì đã biết thực lực của Quang Trung. Theo tài liệu của nhà Vũ quốc Công (Vũ văn Dũng), thì vua Càn Long đồng ý, nhưng theo Trần trọng Lâm thì vua Thanh không hay biết vụ này.

Nhưng... Người muốn không bằng trời muốn! vua Quang Trung bỗng mất (Nhâm Tý 1792)

(1) Xem văn hóa Nguyệt San số 51 trang 557.

tại Phú Xuân (Huế). Hoài bão đó Ngài đã ôm kín vào lòng đất. Quang Trung mất đi lập tức nước Việt nam rơi vào trong thảm cảnh đen tối.

SUY GÀM.— Người ta biết vị hoàng đế trẻ tuổi Pháp Napoléon—cùng thời với vua Quang Trung—Qua những trận đánh khét tiếng và nhất là trận Austerlitz—cũng như người ta biết Nguyễn Huệ qua ba trận đánh Mỹ tho (rạch Gầm, Xoài mít), Thăng Long (Đống Đa) Qui nhơn (Thị nại) — Hai vị hoàng đế anh tuấn này cùng có một hoàn cảnh gần giống nhau. Cả hai vị cùng xuất thân từ giai cấp bình dân trong thời kỳ loạn lạc. Giai cấp quý tộc nắm quyền uy và áp bức. Nhưng một đảng đầu quân, thăng chức đã có sẵn quân đội trong tay, nên sự thực hiện lý tưởng có phần dễ dàng; Còn một đảng tự mình mộ quân và khởi nghĩa. Trận Austerlitz, Napoléon đánh bại Liên quân Áo—Nga trên ngọn đồi Pratzen, theo các binh gia chỉ có thể sánh ngang với trận

Đống Đa, Mỹ tho mà thôi. Trong 15 năm chinh chiến, Napoleon cũng còn có những cuộc thảm bại, chẳng hạn trận Leipzig (1813), trận Waterloo (1815), Trong khi đó, Quang Trung với 21 năm chiến nghiệp chưa hề bị bại một trận nào dù là một trận nhỏ. Trận phá tan Liên quân Việt Pháp của Nguyễn Ánh ở đầm thị nại (Qui nhơn) Quang Trung còn tỏ ra xuất sắc hơn Napoléon về hải chiến. Người ta tiếc rằng Quang Trung mất sớm, cuộc vạn lý trường chinh không xảy ra. nên chưa thấy tài viễn chinh của ngài, việc so sánh Napoléon như vậy e rằng chưa chính xác lắm.

Trước kia Thành Cát Tư Hãn, Hốt Tất Liệt, tướng bách chiến của Mông Cổ đã từng chinh phục suốt 40 nước Á Âu, cũng có những trận đánh thần tốc với đoàn kỵ binh thiểm điện chiến (Blitzkrieg) — phải dừng chân lại bên góc Thái bình dương — Trước mắt quân ta, binh đội Mông Cổ chưa có gì ưu việt và đã hai lần thảm bại.



Nhưng những trận Chương Dương, Hàm tử, Tây Kết, Vạn Kiếp... chưa có trận nào sánh bằng trận Đống Đa.

Điềm đáng chú ý của trận Đống Đa là nhờ Quang-Trung lợi dụng vào những ngày Tết, quân Tàu bắt phòng (Xuất kỳ bất ý, công kỳ vô bị). Chiến thắng vì thế được dễ dàng hơn. Tuy nhiên xét về quân số, thì quân Tàu đông gấp đôi quân ta, hơn nữa Quang-Trung đến nơi đã hành quân liền, nên ta có thể nói rằng Quang-Trung đã đặt sẵn kế hoạch tấn công trên đường ra Bắc.

Dĩ nhiên không ai phủ nhận Quang Trung là một thiên tài về quân sự.

Có một số người tới nay còn trách Quang Trung gây đau khổ cho dân chúng, soạn nghịch, hiếu sát... Lối trách đó chẳng khác vua tôi triều Nguyễn cả bao nhiêu đời gọi Quang Trung là « Ngụy Tây ». Không biết đầu óc phong kiến, để chế của họ còn nặng không mà đến nay họ

còn thờ Tổng Đốc Đỗ hữu Phương (1), thì bảo sao họ không tiếc lời với những vị vua anh tuấn này.

Nhưng điềm mà ta cần đặt ra ở đây là Vua Lê Chiêu Thống và Vua Gia Long.

Lê Chiêu Thống là giòng vua, Nguyễn Ánh là giòng Chúa — Lê Chiêu Thống cũng hết lòng muốn gây dựng lại nghiệp cả (con vua thì phải làm vua) Nhưng sự không thành. Ông đã: « Giang hồ lầy lất cảnh long đong » (2) và cuối cùng ông đành mượn quân Thanh giúp đỡ. Cái đáng trách là ông đã quên cái giả nhân giả nghĩa của người Tàu (qua mấy ngàn năm lịch sử). Dĩ nhiên ông không muốn chi cái cảnh « Rước voi dầy mã tổ, công rấn cắn gà nhà », bởi vì, nếu không có như thế làm sao ông làm vua

(1) Hiện nay còn có tên đường « Tổng Đốc Phương » ở Chợ Lớn

(2) Cảm tác của Lê Chiêu Thống (theo Phạm văn Sơn)

được. Lê Chiêu Thống còn đỡ hơn Trần Ích Tắc khi xưa. Có người đã đứng trên quan niệm dân tộc và lịch sử, kết tội Chiêu Thống là mù quáng ngu xuẩn, mãi quốc cầu vinh...!

Còn vua Gia Long thì sao? Năm 1780 (1) Nguyễn Ánh chạy ra Phú quốc rồi sang Xiêm. Mang theo em vợ của mình là Trần thị Tố Anh (2) gả cho vua Xiêm, để mượn quân đánh Nguyễn Huệ. Ngoài ra năm 1784, Nguyễn Vương còn sai Hoàng tử Cảnh (Hoàng tử Cảnh là người lập nhiều công cho Nguyễn Vương, về thân thế và cái chết của Hoàng tử có nhiều điềm đáng nghi ngờ kể cả phần mộ của ông ta cũng vậy. Chúng tôi tạm gác bỏ việc này, chờ dịp khác sẽ bàn đến). Theo giám mục Bá Đa Lộc làm con tin, sang Pháp viện binh. Lúc ấy Nguyễn Ánh há không biết tình hình của nước Pháp sao? (Có Bá Đa Lộc bên cạnh). Nguyễn Vương và vua Lê Chiêu Thống không khác nhau mấy.

Trong khi đó vua Quang Trung lại đi hỏi công chúa nhà Thanh và lấy đất lương Quảng làm cửa hồi môn. Ai cũng thấy tư cách của hai vị khác xa lắm. Điềm đáng phục ở Nguyễn Vương là tri chí và mảnh lời.

Nhưng mảnh lời trong lần này vực chính trị và nghệ thuật chứ không phải là tiền xảo. Tri chí của Nguyễn Vương không khác Vua Lê Chiêu Thống (cha truyền con nối). Tinh chất giòng dõi và giai cấp khiến cho Nguyễn Vương khư khư muốn được làm vua. Điềm đáng phục thứ hai ở Nguyễn Vương là « Thù diệt tuyệt tặc ». Vương đã thanh toán hết kẻ thù của ngài, từ đứa con gái yếu đuối đến đứa con nit chưa rời vú mẹ. Ta hãy nghe Nguyễn Du hồi hận

«Biết thân tôi bước lạc loài

«Nhị đào thà bẻ cho người  
tình chung»

(1) Năm Nguyễn Ánh chạy ra Phú Quốc lần đầu, có nhiều sách ghi không thống nhất. Có sách ghi 1781, có sách ghi 1782. Nhưng khi Nhạc Xung đế 1778, không lý Nguyễn Ánh cự Nguyễn Huệ 3,4 năm trời tại miền Nam.

(2) Con của Trần hưng Đạo gả cho người Tuy Hoà em của Trần thị Tố Loan, vợ Nguyễn Ánh, bà Anh có nhiều liên hệ tình cảm với Nguyễn Ánh. Nhưng không phải phạm vi bài này chúng tôi tạm gác bỏ.

## TÀI VÀ CHÍ

Có người còn nói rằng Vua Quang Trung «Dốt chữ». Vua Quang Trung dốt chữ sao ngài có thể tự mình phê được:

Ta không trách nông phu,

Ta chỉ gớm thầy Nho

Cả gan, lớn mặt dám kêu  
«Vua» bằng «Ngài»

Thầy Nho là ai?

Sắc cho bộ hỏi, dân khai... (1)  
để trả lời bọn sĩ phu Bắc hà  
ngạo mạn. Quang Trung không  
biết chữ, đó là tin đồn của bọn  
«ăn cơm chúa». Ai cũng thấy  
rằng, qua những câu trên,  
chẳng những Quang Trung đã  
biết chữ Hán mà còn biết chữ  
Nôm nữa. Vì muốn học chữ  
Nôm, phải học chữ Hán trước.  
Dấu cho chữ «THIỆP» (Tên  
của La Sơn Phu Tử) mà viết  
thành chữ «THIỆP» cũng chưa  
phải là một bằng cứ đích đáng  
để nói ngài không biết chữ.

Biết đầu âm ngữ không rõ làm  
sao? (Thường từ Quảng trị đến  
Thạnh hóa, những chữ có âm  
dấu sắc (/) đọc thành dấu nặng

(.) Hơn nữa, nếu Quang Trung  
không biết chữ làm sao ngài  
biết được lịch sử về đất lương  
Quảng.

Nguyễn Quang Trung mất,  
việc canh tân xứ sở cũng không  
còn. Hoài bão của ngài biết có  
còn trong những thế hệ mai  
sau (!) Để kết luận, chúng tôi  
xin mượn bài thơ khóc Quang  
Trung của quan Quốc-Công Vũ  
văn Dũng (làm 1792):

Bổ y phần khởi ngũ niên trung  
Mại cổ thi vi tự bất đồng

Thiên vị ngô Hoàng tăng nhất  
kỷ

Bất u Đường, Tống thuyết anh  
hùng

Người xưa đều khác với  
Quang Trung,

Áo vải năm năm dựng nghiệp  
công

Trời dễ vua ta thêm một kỷ  
Đừng khoe Đường, Tống làm  
anh hùng.

PHẠM MINH NGỌ

(1) Theo tài liệu Phạm văn Sơn,  
văn hóa Nguyệt san quyền 7 năm 1964.

# RẠO RỰC



THẾ - NHỈ  
(Quảng-Ngãi, 3-1.69)

Hôm nay gió cũ đã sang  
Nhưng người lữ khách bàng hoàng bao lư  
Cầu mong gió dễ tâm tư  
Nhà thơ thời đại từ từ mơ Xuân  
Bớt say cảnh vật từng bình  
Xa hoa lộng lẫy bằng khoáng sản vàng  
Chư xin chờ giết thời gian  
Hãy đi chậm chậm kéo tan phẫn hương





Ai đang sống cảnh phố phường  
 Trăm anh đài cát quỳnh tương nồng nàng  
 Hương Xuân tô thắm dung nhan  
 Hoa cài lên một cảnh vàng phất phơ  
 Mai vàng hé nở nhơn nhơ  
 Phấn hoa bay tợn lờ đờ gần xa  
 Mùi Xuân đã lại quê nhà  
 Ấp lên cảnh trúc la đà thân yếu  
 Rung rinh cảnh tá chuổi chiều  
 Xê qua xích lại mỹ miều biết bao  
 Xuân về ong bướm lao xao  
 Trong vùng cũng lưỡng ra vào vườn chanh  
 Thời gian tô điểm sắc tranh  
 Về luôn cảnh vật vườn hành thôn trang  
 Thương yêu cảnh én ngang tàn  
 Nó đùa hững hờn quanh láng mừng Xuân

★

Bảy giờ tạo hóa đổ mưa  
 Cho cây xanh lá che thừa hoa trính  
 Buồn trông hoạt cảnh linh đình  
 Ong vàng hơn hờ quê mình yên vui  
 Tai nghe pháo nổ hoa cười  
 Đèn lồng đèn chấu miến xuôi êm đêm  
 Đường như lũ bướm về thêm  
 Vờn qua liệng lại trước rèm lao xao  
 Âm thầm gheo đóa hoa đào  
 Trong vườn thượng-uyển ngọt ngào dễ thương  
 Quanh năm đứng mãi trong vườn  
 Đêm đêm lên nở lầy sừng trong lạnh  
 Cũng nghe lũ蝶 kêu canh  
 Nhìn đàn bướm lượn bên mảnh đêm Xuân  
 Bồn mai Xuân nở không ngừng  
 Bảy ong cũng đến reo mừng chiều trưa  
 Phút giây đã đến giao thừa  
 Cảnh lan nở nhụy quê xưa tạ tử,

# NON BÔNG NƯỚC NHƯ ỢC



**T**RƯỚC Bình vẫn định  
 ninh ba ngày Tết ở đây vui lắm,  
 khách du đi thảng cảnh, phật tử  
 đi lễ chùa, đông hết chỗ chen  
 chân. Anh không ngờ người ta  
 chỉ lui tới thưa nhạt, từng nhóm  
 lẻ tẻ, chẳng khác ngày dựng mấy  
 chút.

★ LAN ĐÌNH

Đứng ngoài nhìn vào ngôi hàng

bán đồ đá, những cái vòng ngọc thạch chọt nhấc Bình ngao ngán nhớ lại mỗi tình mới nhất trong đời. Chuyển công tác đó, Bình cũng đã ghé vào đây theo lời Hảo dặn, mua vòng cho nàng. Buổi tối hôm sau, Bình đến gặp Hảo, ông bố vẫn mỉm cười ba phải, bà mẹ vẫn ỉ ỏi, chỉ liếc qua hộp kẹo vừng, liếc qua ba chiếc vòng đá xanh, đá đen, đá vân hồng, cái miệng quai ra «cô Hảo hết lòng với anh Bình lắm đấy. Cậu Lân vừa đem tặng cỗ hạt quý thế, nhưng cô ấy nhất định từ chối».

Cái nhà, ai cũng có chỗ làm Bình phát ghét, khinh nữa. Ông bố từ thời chỉ biết cười đưa dũa, nói vuốt đuôi. Bà mẹ cứ yên trí ai cũng mơ ước con gái mình. Lũ em mới có tí tuổi đã có ảnh khoả thân trong túi, nhưng Bình lại yêu Hảo.

Bình còn nhớ câu Hảo nói : «Sự thật giữa chúng ta đã có gì sâu nặng đâu» Bình uất ức đến độ nhớ lại bài báo tường thuật một vụ hiếp dâm ở Mỹ hay ở Pháp, anh quên rồi. Con bé con kiện một thằng hủi

cường bức nó trên mặt đường Luật sư bên bị thắc mắc thế đứng đôi giữa một con bé con với gã đàn ông vừa tàn tật vừa cao lớn. Nguyên cáo trả lời rằng mình đã kiếng chân lên. Bị cáo được tha bổng.

Bình bĩu môi, quay đi. Duật đã đứng sẵn đằng sau, điệu bộ nghiêng mình, một bàn tay giơ cao ngang mặt, năm ngón toë rộng, nụ cười kiểu cách như cười trong kịch, cười để chụp ảnh :

— Năm mới, mừng tuổi anh Bình.

Bình cũng giả tạo nốt, cố gắng niềm nở :

— Chúc anh năm nay thật nhiều chỗ dạy.

Duật chìa bao thuốc lá mời Bình, chẳng còn điều nào. Bình chìa bao thuốc lá mời Duật. Duật châm lửa hút ngay :

— Trường tư vào học sớm. Tôi sắp phải bỏ về. Nhưng... mê đánh bạc, thua hết rồi. Anh

cho vay ít tiền, về trong ấy, tôi sẽ xin hoàn lại ngay.

— Nếu ít thì giờ, sao anh lại đi chơi xa, mãi ngoài này ?



— Tôi đi công việc đấy chứ ạ. Tôi ra đây để quan sát tại chỗ, bổ túc cho thiên khảo cổ...

— A, anh lại còn làm kỹ giả, hay học giả nữa ?

Bình ngấm lại Duật. Trời lạnh mà vẫn phong phanh một áo. Cái

ca vát cũ bẩn, trông rõ từng vết đóng keo. Hai túi quần đã vắt lại nhưng vẫn sờn mép... Bình không tìm được ở Duật chút gì tỏ ra là nhà giáo, nhà văn. Bình không khinh Duật nghèo, nhưng khinh Duật tự mình bêu xấu mình :

— Tôi đi làm, lương chỉ đủ tiêu. Có số tiền vay tết để đi chơi, cũng chỉ đủ tiêu. Rất tiếc không chiều ý anh được.

Có ai vừa gọi to :

— Ông Bình, ông Bình, gặp ông đúng lúc quá !

Bà số 7 giắt Nhị tách khời nhóm người đang đứng ngoài mé đường nhựa.

Duật nhếch môi cười buồn :

— Đành vậy .

Hắn lảng vào ngôi hàng bán đồ đá. Bà số 7 đang chạy gần hai vạt áo tung bay ngộ nghĩnh. Bà ta đã chum miệng cười duyên, nhưng vẫn không dấu được cơn mệt của người mập vừa có việc vội :



— Khờ quá, cụ Thoại gửi tôi cô Nhị, chính cô ấy cũng bằng lòng, thế mà mới nửa đường cô ấy lại đòi đi một mình!

Bình khoanh tay, bóm hỏh ngắm Nhị. Tấm áo dài mới tinh, rất tề, có những chiếc lá to bản rơi rắc tản mạn, mầu vải thật xứng hợp với dáng người, khổ người mảnh khảnh;

— Sao Nhị lại phá ngang thế? Nhị chầu môi, phụng phịu:

Tương là được đi theo để xem nốt mấy cái động. Đàng này bà ấy lại muốn xem bói ở mãi đâu!

Nhìn Nhị trả lời, bà số 7 cứ quai miệng đưa đà giống hệt cái môi viền vông ở người mẹ đang bón cơm cho con:

— Ông thầy ấy hay lắm, ai cũng biết tiếng, mấy thuở mình được ra đây. Thôi để tôi gửi ông cô Nhị.

Bình bóm hỏh:

— Cảm ơn bà.

Bà số 7 tê tái quay đi, điệu bộ hớn hờ, rõ ra một người mới làm được việc gì có ý nghĩa.

Bình lại buột miệng gọi theo:

— Cảm ơn bà.

Ngoảnh lại, bà số 7 nháy mắt, cười duyên.

Nhị vẫn vô tình, đan ngược hai bàn tay chặn tà áo:

— Anh, cái lão Duật vừa nói chuyện gì với anh đấy?

Bình chìa tay, ra hiệu rủ Nhị cùng đi:

— Ông tướng cho biết đến đây đề nghiên cứu, viết bài.

Nhị cần chặt hai hàm răng để nín cười:

— Thằng cha đi theo em đây chứ! Nó gặp em một lần đi «bát» với con bạn có họ gì đó với nó, rồi cứ đi theo hoài. Có đến nửa năm nay, ngày nào nó cũng đón em ở cổng trường...

Họ rẽ vào con đường mòn dẫn lên núi. Bình chợt nhớ câu «mấy sông cũng lội, mấy rào cũng chui» anh đâm lúng túng, không hề trách Duật được chỗ nào.

Họ giắt nhau lên núi. Cái cụm đá trông thấp nhỏ thế, nhưng trèo mãi, Nhị vẫn thấy chưa trèo

cao được mấy chút, mà đã thấm mệt.

Trái lại, Bình luôn luôn vượt tới bậc trên, chìa tay giắt Nhị theo. Nhị nghĩ bụng «đàn ông sao mà khoẻ thế không biết». Nàng đã định nói «em nhọc lắm rồi» nhưng lại buột miệng khác hẳn:

— Em bức ran cả mình lên đây này!



Bình lui xuống một bước:

— Cỏ lên trên kia nghỉ một thế, có nhiều chỗ đẹp lắm.

— Đẹp bằng trời cũng dễ đấy. Đặt nhẹ hai tay lên hai vai Nhị, Bình đỡ nàng ngồi xuống bậc đá. Anh nghiêng đầu ngắm nghĩa; đôi mắt đắm đuối tưởng chừng muốn gói gọn Nhị vào. Ngả lưng theo vách núi, Nhị khẽ nhip tay sang bên cạnh:

— Ngồi đây với em.

Bình vẫn đứng, nhưng cúi gờ tấm áo lên trong tay Nhị:

— Đưa anh mặc áo cho; hết mệt lại rét đấy.

Gió biển trườn lên rồi rơi. Nhị suýt soa, hương môi còn thơm ảm mùi quế chi. Đàng nhiên, Nhị ngoát đi trước làm Bình vội vàng đuổi theo. Qua một khúc quanh, hai người đã lên tới chỗ sườn núi tương đối bằng phẳng. Nhị níu tay Bình, giữ anh cùng đứng lại. Nàng ngửng nhìn những bút tích của du khách sơn trên vách đá, đủ cả chữ quốc ngữ, chữ nho, chữ Pháp, chữ Anh. Thiếu chỗ, có người lại công phu cắm bằng chèn vào những khe hở, trông như những

tấm bia gỗ trong nghĩa địa thời chiến. Nhị gật gù hóm hỉnh :

— Ca sĩ này, tài tử xi nê này, kếp cái lượng này, còn những chữ thơ kia chắc là thơ của mấy ông đồ cổ !

Bình mỉm cười, quàng tay đỡ lưng Nhị, dìu nàng đi tiếp. Một khúc quanh nữa, hai người đã lên tới cổng chùa. Ông bố già đang cúi húi quét sân, nhác thấy bóng họ, vội quàng cái chổi, chạy ra đón. Lão ta cứ ấp úng, cuống quýt khó hiểu. Bình khoát tay ra hiệu bảo lão ta hãy chờ. Anh ngoảnh lại. Nhị đã lui xa về phía sau, đôi mắt đang tròn lên ;

— Cái ông này, làm gì mà dễ sợ quá !

— Ông ấy cam đấy.

Chắc đã nhận thấy dáng điệu e dè của Nhị, ông bố già dặt lưỡi, tay phân bua, tay gãi đầu, cái đầu trọc, chân tóc sáng loáng như những mũi kim. Lão ta vốn dĩ đã thấp nhỏ, đang khúm núm trông lại càng bé bỏng, tội nghiệp.

Bình nói với Nhị, nhưng vẫn ra hiệu cốt ý để ông bố già cũng hiểu :

— Ông ấy coi chùa, muốn dẫn đường cho chúng mình, đề xin chút tiền.

Tuy không nghe biết, nhưng ông bố già cũng gật đầu lia lịa. Bình ngửa mặt, nắm tay dặt trên miệng, ông bố già lại gật đầu lia lịa, rồi quây quả đi trước. Bình giắt Nhị theo sau. Họ luồn lối dưới bóng cây, cái lối đi lát đá tảng chỉ vừa một người đi. Trong khi ông bố già cứ don đả, sốt sắng dẫn đường, Bình lái Nhị bước xuống cái động ở dọc đường.

Đôi bạn lọt thõm trong lòng núi. Khí lạnh, ánh sáng huyền hoặc, xanh xao khiến Nhị chợt có cảm giác nghi ngại, nàng chỉ sợ cái nóc hang nhàn nhúm kia sẽ bỏ ra, xụi xuống. Bình ngước lên pho tượng Phật khổng lồ, bề ngang chiếm gần hết đáy động, chiều cao phải ngửa mặt mới trông hết. Anh nói thầm :

— Em xem, tượng Phật hấp

bơi âm trong như toát mồ hôi !

Nhị chưa kịp trả lời, ông bố già đã trở lại tìm hai người. Ông lộ đầu trên cửa động, vẫy tay rồi rít Bình mồm mím, dìu Nhị trở lên. Ra khỏi cửa động, lên cao chừng mười bậc đá nữa, ông bố già ngoảnh lại với Bình, miệng bậm bè, ý nói chỗ anh muốn đến đã đến.

Cái khe nhót nhất, chỉ vừa lách nửa người vào. Trên nóc thông xuống hai thạch nhũ, xần xùi như giọt nến, nước giọt tí tách, đọng thành vũng bên dưới. Ông bố già vớ nhanh cái chén nhựa để sẵn trên bờ khe, múc uống ừng ực. Bình kín đáo nháy mắt với Nhị :

— Ông ấy biểu đến cái kiểu « mại dzô » đây !

Cạn chén, ông bố già lại múc đầy, đưa cho Nhị. Nàng ngần ngại đưa mắt hỏi ý Bình. Anh chặc lưỡi :

— « SỮA MẸ » ĐẦY, em uống đi, cũng như nước suối, nước mưa ấy mà, ngọt ra phết !

Nhị chau môi phụng phịu :

— Nhưng mà rét thế này, lại còn uống nước lã trong khe đá thì rụng hết răng em còn gì !

Nhận thấy thái độ ngáp ngừng của Nhị, ông bố già xoa tay, lắc đầu, tỏ ý cam kết, khuyến khích nàng. Bình đỡ chén nước, đưa cho Nhị :



— Trái lại, nước ấm như vừa hâm nóng xong.

Trong khi Nhị nhắm nháp, ngẫm nghĩ, Bình quay lại « nói chuyện » với ông bố già. Anh dặt một tay trước ngực, một tay xĩa ra từng ngón, đảo mắt khắp nơi. Anh muốn bảo « tôi thuộc đường rồi ». Xong anh nhét vào túi lão



ta năm chục bạc. Lão ta gập mình, vại dài một chấp, dật lùi bước một. Bình ngoảnh lại với Nhị :

— Thoát nợ !

Nhị mỉm cười, vọt vai Bình xuống thấp :

— Anh à, hai thạch nhũ, nhưng chỉ có một cái chảy nước.

Bình tăng háng quan trọng một sách khôi hài :

— Ngày xưa, đời nhà Nguyễn, ua lên đây hành hương, đã sờ à cái... núm đó, làm nó tịt luôn

Nhị ngược lên mắt Bình :

— Kỳ !

Nhưng trông Bình nghiêm trang quá, Nhị ngẩn ra :

— Thật hả anh ?

Bình nắm tay Nhị đi lên nữa :

— Tục truyền .

Bình giắt Nhị đi thẳng tới chỗ có cái bia đá nhìn ra mạn biển. Chẳng ai bảo ai, hai người cùng ngồi xuống bậc thềm, tựa lưng vào tấm bia, hướng về xa .

Mặt trời bị lảng sâu trong mây xám, sương mù, chỉ mờ như ngọn đèn lồng. Trông ngoi khơi chỉ thấy mìn mịn, đám buồm trôi lừ đừ tựa hình những con bướm ngã xuống nước, vênh cánh lên. Giữa trời, nước chân lằng, một con giang lợn tròn rồi đáp xuống cồn cát, đứng co ro, khằng khiu. Đàn sếu bơi nghịch lập lờ, thỉnh thoảng lại cất bay một quầng ngẩn, phơi phới. Gió quờ quạng, lọt vào những khe núi, hò dài, buộc mắt.

Nhị háp hay đôi mắt :

— Ở đây thích quá anh nhỉ !

Bình khum tay, bật diêm bút thuốc lá, làn khói vừa thoảng đã tan :

— Non Bồng, nước Nhược đấy !

LAN ĐÌNH



# Diễn biến

## của giới Đông - Y

### Từ 1964 - 1968

★ NGUYỄN-ĐỒNG-DI

Năm 1964 dưới thời Ông Khánh, Nghiệp Đoàn Y-Dược Đông-Phương được giới Thâm-Quyền thông tri : ngành ĐÔNG-Y ĐƯỢC-HỌC sẽ được Chánh-Phủ chánh thức cho phép mở trường công-khai giảng dạy. Theo Qui-Chế mới ấn định : kể từ ngày có lệnh này về sau, chứng-chỉ khả-năng hành nghề Đông-Y-Dược, phải do nhà trường Đông-Y Chuyên-Khoa cấp phát mới có hiệu lực. Các Đông-Y-Sĩ dạy tư, không có quyền cấp-phát chứng-chỉ khả-năng cho học trò mình như tiền lệ nữa.

Được tin trên, khiến giới Đông-Y vô cùng hoan-hỷ ! nhưng cũng không khỏi lo ngại.

Hoan-hỷ vì : Ngôi lò Đông-Y Chuyên-Khoa được thành lập, Học-Viên Đông-Y Chuyên-Khoa được rèn luyện với thầy hay thợ giỏi, thi thuật « tế thể hoạt nhân » mới có cơ-hội tiến-triển phát-huy.

Lo ngại vì : nhà trường kiến-thiết không đúng lúc, sự khai giảng không kịp thời ; ngày qua ngày, kéo dài từ năm này qua năm nọ, nhà trường đầu không

thấy? mà các Đông-Y.Sư lại không thăm quyền cấp Chứng-Chỉ Khả-Năng cho học trò mình theo thủ tục xưa nay, thì đoàn hậu tiến Đông-Y-Dược muốn ra hành nghề. Vô phương xuất đầu lộ diện.

Bởi vậy, khi tiếp được Quy-Chế trên, thì Nghiệp-Đoàn Y-Dược Đông-Phương vội-vả phải tôi sang HongKong với xư mạng thất chặt mối tình hữu nghị cùng bạn đồng-nghiệp Trung-Hoa, tìm hiểu, học hỏi thêm những gì mới lạ đối với nghề nghiệp, để hoàn-thành một Chương-Trình Đông-Y Giáo-Khoa, đồng thời lựa chọn những Giáo-Khoa-Thư nào luận lý xác đáng, thích hợp với thời-đại và hiện tình của đất nước. Ngổ hầu ứng phó kịp thì một khi Trường Đông-Y Chuyên-Khoa được chánh thức thành lập! Đạo-Nghiệp Đông-Y Dược-học được chánh thức khai giảng!

Ky-lưu ở HongKong hai chục ngày, tôi hân hạnh được trực-tiếp hầu hết với các nhân-vật trứ danh trong Đông-Y ở Cảng

Cửu, như: Đàm-Thuật.Cử, Trần Thái-Hy, Trần-Cu-Lâm, Trần-Dưỡng - Ngô, Trần - Gôn - Nhơn v.v... Các bạn đồng-nghiệp Trung-Hoa tỏ ra rất hiếu khách tiếp đãi nhau rất hậu tình. Mỗi ông đều có trao tặng tài-liệu sách vở, do chính tay họ trước tác, rất có giá trị đối với việc học-thuật.

Ngày 30-10-1964 Hội Cửu-Long Trung-Y-Sư mở tiệc khoản-tại Tửu-Lầu Hòa-Bình. Khi tiệc mãn, họ mời đến viếng một ngôi Trường Đông-Y Chuyên-Khoa Học-Hiệu thiết lập tại Cửu Long. Tại nơi đây, họ tổ chức dành sẵn cho tôi một cuộc thuyết-trình về đề tài: Đông-Y Dược-Học, với sự hiện diện đông đủ các hội viên và học-viên.

Khi diễn-đàn, Ông Hiệu-Trưởng TÔ-THIÊN-TRÙ Lao-Y-Su tâu tặng cho tôi một Khoá-Bổn, mạng danh: Y-HỌC KHÁI-LƯỢC, do chính tay Ông biên-soạn, và được chọn làm GIÁO-KHOA-THƯ cho trương này.

BÀO-CHI Ở CẢNG, CỬU VÀ

ĐÀI-LOAN ĐẶC-BIỆT LƯU Ý.

TỜ THIÊN-THIÊN NHỰT-BÁO ra ngày 31-10-64

TỜ TINH-ĐẢO NHỰT-BÁO ra ngày 31-10-64

TỜ HOA-KIỀU NHỰT-BÁO ra ngày 31-10-64

TỜ CÔNG THƯƠNG NHỰT-BÁO ra ngày 31-10-64

TỜ NGÂN-ĐĂNG NHỰT-BÁO ra ngày 2-11-64.

đều có loan báo tin tức đầy đủ và tỏ ý hoang-nghinh. Duy có Tạp-Chi Thực nghiệm trung Y Dược số 1 (cơ quan truyền-bá Trung-Y-Học ở Đài-Loan) do Phùng-Hiệu-Trung tiên-sanh trích lục đăng tải bài-thuyết-trình trên khá đầy đủ.

Về tài liệu sách-vở của các đồng-nghiệp Trung-Hoa trao tặng, sau khi duyệt đọc tường tế, nhận thấy sức học của họ sâu rộng thật, khảo cứu công phu thật. Nhưng lấy công làm mà phán đoán, thì không tài nào sánh kịp với loại sách Y-HỌC TÙNG THƯ của THỜI-VẬT-NHƠN biên soạn. Cho nên khi

trở về nước, ngoài bốn phận phúc-trình tự sự lại với Nghiệp-Đoàn Y. D. Đ. P. tôi đích thân đến viếng Ông bạn già là: Hà-Doãn-Trung Tiên-Sanh, cùng nhau lời đề tài: NÊN CHỌN SÁCH NÀO LÀM GIÁO-KHOA-THƯ? ra thảo-luận luôn mấy hôm. Kết cuộc Ông cũng tán thành: Duy có Sách Y-Học Tùng Thư Của Thời-Vật-Nhơn biên soạn, là hoàn bị hơn-hết. Tiếp theo Bài Nền Chọn Sách Nào Làm Giáo Khoa Thư... được đăng vào mục Xã-Thuyết của tờ Viễn-Động Nhựt-báo ra ngày 16 tháng 8 năm thứ 53 Dân-Quốc.

Song từ ấy đến nay, trải qua bốn năm dài thạm-thực, vấn đề mở Trường Giảng Dạy Đông-Y Dược-Học, tựa hồ chìm vào quên-lãng.

Đầu năm 1968 Vấn-Đề Đông-Y được mang ra bàn thảo trước-Thượng-Viện, được đa số Dân-biểu tán thành bảo trợ. Cuối năm 1968 nghe tin phong phanh,



## DIỄN BIẾN

Nghiệp Đoàn Y. D. Đ. P và Tổng Hội phái đại diện sang Đài Loan... Cũng không ngoài mục đích, tìm một Chương Trình Đông Y Giáo Khoa hoàn bị hơn, để chuẩn bị cho việc khai khoá vào đầu năm tới. (1969)

Nếu quả tin trên đúng thực thì chúng ta có thể tin tưởng rằng: Khoa Đông-Y Dược-Học, thế nào cũng được thành thức khai giảng trong một ngày gần đây.

Vì trải qua trên ba mươi năm lăn lóc trong nghề, kinh nghiệm cho thấy: Đông-Y cứu sống được nhiều bệnh sắp chết! Chữa khỏi được nhiều bệnh trầm-kha. Đối với sức khỏe của dân-tộc, Đông-Y là một con đường sống thứ hai, cần được mở rộng đề cao. Song sách vở

Đông-Y Dược-Học từ ngàn xưa truyền lại, rất hỗn tạp, có nhiều chỗ ý nghĩa lại mù mờ. Nếu không soạn thảo cẩn thận, sắp đặt cho có hệ-thống đáng hoàng... Ôm nguyên những bộ sách cổ-diễn ra dùng làm tài-liệu Giáo-Khoa, thì kẻ học không tài nào lĩnh-hội nổi.

Bởi vậy, tôi xin tạm dịch nguyên-văn Bài: Nên chọn sách nào làm Giáo-Khoa-Thư khi ngành Đông-Y Dược-Học được công-khai giảng dạy? (xem P.T. kế tiếp) Mong đóng góp một vài ý-kiến siêng-cận vào việc chuẩn bị truyền thọ Học-Thống Hiền, Kỳ,

NGUYỄN - ĐỒNG - DI  
Đông-Y-Sĩ

□\*

**Đúng midol** trị các chứng đau nhức  
và cảm cúm  
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY  
1360/BXT/ĐDĐC

# HỒ-XUÂN-HƯƠNG

Một nữ Thi-sĩ tài-hoa nhất của  
Lịch - sử nhân - loại, sau Sapho

\* NGUYỄN-VỸ

*IX— Bản chất kêu gọi và hấp dẫn  
thiên nhiên của thân thể người phụ nữ,  
trong thơ Hồ Xuân Hương*

(Tiếp heo P.T. số 217)

N HƯ các bạn đã theo dõi trong mấy chương trước, trái hẳn những nhận xét sai lầm, nhiều khi lơ lửng, nông nổi, của một số đông « học giả » nhắm mắt hùa nhau xuyên tạc và mạ lỵ Hồ Xuân Hương, cô nữ thi hào tài hoa độc đáo của Thăng Long đã coi rē

ái tình và dục tình, và đã nhất thiết gạt bỏ hai yếu tố tâm thường ấy ra ngoài văn thơ và tư tưởng của cô.

Không khiêu dâm, không lẳng lơ, không tục tĩu, thơ của Hồ Xuân Hương tuy nhiên rất kêu gọi và vô cùng hấp dẫn, chính vì trên lãnh vực nghệ thuật thuần túy,

ngôi bút tài tình và mãnh liệt của cô đã luôn luôn mô tả, đến nỗi bật lên, bản chất khêu gợi và hấp dẫn của thân thể người phụ nữ, hoàn toàn thiên nhiên như Thượng đế đã sinh ra.

**Khen thay con tạo khéo  
khôn phàm**

*Một đố dương ra biết mấy  
ngoâm*

(Hang Thánh Hóa)



Ý nghĩa «thiên nhiên» ấy, cô đã ca ngợi nhiều lần trong các bài thơ của cô :

*Một đèo, một đèo, lại một đèo  
Khen ai khéo vẽ cảnh  
cheo leo  
(Đèo Ba Dội)*

**Bầy đặt vì ai, khéo khéo  
phòm,**

*Nứt ra một lỗ hỏm hỏm hom*

(Chùa Hương)

**Trời đất sinh ra đã một  
chòm,**

*Nứt làm hai mảnh lỏm lỏm  
lom*

(Hang Các Cờ)

Ý niệm «Sắc đẹp thiên nhiên, của Hồ Xuân Hương được phê bày trong bài «Ngủ trưa» đầy đủ và thanh tao nhất :

**Mùa hè hây hây gió Nồm  
đông**

**Thiếu nữ nằm chơi quá  
giấc nồng**

**Lược trúc biếng cài trên  
mái tóc**

**Yếm đào trễ xuống dưới  
mương lông**

**Đôi gò bồng đảo sương  
còn ngậm**

**Một lạch đào nguyên suối  
chứa thông**

**Quán tử dùng dăng đi  
chẳng dứt**

**Đi thi cũng dở, ở không  
xong**

Đấy rõ ràng Nữ sĩ Xuân Hương tả hình dáng một cô gái nằm chơi buổi trưa mùa Hè, gió mát, rồi ngủ quên. Nữ sĩ nhấn mạnh sự kiện «quá giấc nồng», để cho ta nhận thức rằng vẻ đẹp mà cô phô bày ra chỉ là một vẻ đẹp thiên nhiên, cô «quá giấc nồng» nên không còn biết gì nữa cả. Cô khôn khéo viện giấc ngủ quá nồng say ấy, giữa cơn gió mát trưa mùa Hè, để phân bua, và chứng minh tính chất «tự nhiên» của nét đẹp phụ nữ, chứ không phải tính chất cố tình khêu gợi của thiếu nữ. Phân bua xong, cô không ngần ngại mô tả vài nét đơn sơ:

**Lược trúc biếng cài trên  
mái tóc**

**Yếm đào trễ xuống dưới  
mương lông**

Lược trúc biếng cài, nghĩa là tài qua loa, cho ta thấy ngay mái tóc buông xỏa ra tự nhiên. Vẻ đẹp thiên nhiên của mái tóc phụ nữ được cô chỉ trước nhất, chứng tỏ hoàn toàn tầm mỹ tính thuần túy của người phái đẹp, không có dụng ý khêu gợi nào cả.





Đến chiếc yếm cũng thế. Chiếc «yếm đào» của cô có lẽ bị buộc sơ sài (chiếc yếm tước xưa) cho nên trong giấc ngủ nồng bị sút giải ra, và trễ xuống (nghĩa là tụt xuống) dưới bụng. «Mường lòng» là cái khe nước mọc đầy lông lá. Cô phác họa sơ vài nét như thế để tự ta tưởng tượng ra mường lòng, nơi chiếc yếm đào vô ý rớt xuống.

Do yếm đào của cô trễ xuống, mà ta thấy :

**Đôi gò bồng đảo sương còn ngậm**

Đôi gò bồng đảo... Chữ bồng đảo có hai nghĩa đen : bồng đảo là 1 đảo ở Bồ-đai tiên cảnh ; bồng, còn có nghĩa là bồng lên, phồng lên, vung lên. Đôi gò bồng đảo phồng lên, còn chắc-nịch, chứ không phải mềm èo, lép-xẹp đầu. Là biểu hiệu vẻ đẹp trong trắng, thiên nhiên, của đôi gò bồng đảo đang thời nảy nở hoàn toàn, đang còn *ngậm sương*, nghĩa là đang còn mơn mớn xuân-thời đang còn móm đẫy nhựa sống ngào ngọt của tuổi hoa-niên.

**một lạch đào nguyên suối chưa thông**

Ở dưới đôi gò bồng đảo, có một khe nước trong xanh tinh tú y hệt như dòng nước đào nguyên mà xưa kia, theo thần thoại, một ngư phủ đã đi dọc theo vào đến Động Tiên. Nhưng Đào nguyên trong Thần thoại đã có chàng ngư phủ khai thông rồi, chứ *lạch đào nguyên* ở dưới đôi gò bồng đảo của thiếu nữ này còn nguyên vẹn

huyền bí với hai bên bờ rêu cỏ bùm tùm rậm rạp, chưa có lưu thông.

Nữ sĩ Hồ Xuân Hương mô tả vẻ đẹp thiên nhiên của thiếu nữ (nằm ngủ say mê trong gió mát) chỉ có ba nét mà thôi ;

— Một mái tóc buông xỏa ra,

— Đôi gò bồng đảo mơn mớn

— Một lạch đào nguyên huyền ảo hoang vu.

Ba nét ấy đủ tượng trưng tất cả sắc đẹp thơ mộng *thiên nhiên* (tôi nhấn mạnh ý niệm *thiên nhiên*) của người phụ nữ, trong thơ Hồ Xuân Hương. Đôi mắt, đôi má, đôi môi, bàn tay, ngón tay, cái eo, bộ gối ..., đối với cô không thành văn đề. Cô không đề cập đến và trong tất cả các bài thơ của cô không bao giờ cô nói đến.

Ba nét đẹp thiên nhiên trên đây, dưới nét bút tài tình của cô, và trong ý thức thẩm mỹ của cô, có sức khéo gợi mãnh liệt và thu hút đề mê người đàn ông : đó là ý thức chân thiện mỹ thanh tao và quý trọng của người phụ nữ đã được

Hồ Xuân Hương gói ghém vô cùng khéo léo và tế nhị trong bất cứ một bài thơ nào của cô.

Sức thu hút đề mê khiến cho :  
**Quán tử dùng dằng đi chẳng dứt**

**Đi thì cũng dờ, ở không xong !**

Nhiều vị giáo sư và « nhà phê bình văn học » giảng nghĩa hai chữ «*Quán tử*» của cô Hồ Xuân Hương là «có ý châm biếm những kẻ đạo đức giả».

Giảng như thế, là xuyên tạc hoàn toàn ý niệm của nữ sĩ họ Hồ.

Cảnh trí thiên nhiên tuyệt đẹp phơ bày ra kia không phải thu hút riêng gì bọn người đạo đức giả. Và « đạo đức giả » là ai ? Cô Hồ Xuân Hương không bao giờ thêm đếm xỉa đến họ. Cô chỉ cả phải đàn ông nói chung, đối tượng với phái phụ nữ mà cô muốn đề cao nhiều phương diện.

Hơn thế nữa, cô còn nhấn mạnh ý nghĩa rằng không phải bọn phàm

phu tục tử mới bị sắc đẹp thiên nhiên của phụ nữ làm mê hoặc, mà cả những «hiền nhân quân tử ai... là chẳng?»

Dù cho là Hiền nhân quân tử đi nữa, nghĩa là những thành phần ưu tú, thượng lưu trí thức của loài người, cũng phải say mê trước sắc đẹp thiên nhiên của người phụ nữ, cũng phải «chịu thua» người đàn bà, phải bị nhược điểm chiu theo ý muốn của người đàn bà, có khi phải quỵ lụy họ.

«Quân tử dùng dằng đi chẳng dứt» vì bị vướng vào mê hồn trận của chiếc «yếm đào trẻ xuống» của «đôi gò bồng đảo» của «lạch đào nguyên» thì còn đi làm sao được nữa? Sức mấy mà đi được!

Nhưng khôn nổi!

Đi thì cũng dở, mà ở cũng không xong! Đi thì khó mà đi được, còn ở thì... ở làm cái thá gì được cơ chứ?

Nữ sĩ Hồ Xuân Hương thật hết sức oái oăm đối với giống đàn

ông trí thức. Có thích đồ cổ khiêu khích, có chế nhạo, dĩ nhiên là có khiêu khích, thách đố và chế nhạo toàn bằng «TRÍ», bằng trí chất ghê gớm của cô (Son terrible spirituel) chứ đâu phải bằng



vật chất tâm hồn, quá tầm thường của bọn phàm phu tục tử.

Bọn người mà cô đã khinh khi là «phường lò tới», chính là những kẻ chẳng hiểu nổi thơ cổ, còn làm thơ bày ba trên vách tường đã bị cô mắng cho:

Muốn sống đem vôi quét già  
đền!

(Còn nữa)

## Sức cảm hóa của

# THI CA

□ NGUYỄN-ĐÓN-MÃN

Theo quan niệm sai lầm và sự nhận xét nông nổi của một số người — tôi không vợ đứa cả năm — thi thi ca chỉ là một thứ văn chương du hí của các hạng trí thức trưởng giả, ăn không ngồi rồi, sáng tác ra trong những lúc cao hứng để ngâm nga, tiêu khiển cho đỡ buồn, hoặc cho thêm vui. Trái lại, ngoài sự mạng thiêng liêng của nó là phản ảnh một cách trung thực những hình thức sinh hoạt của một thời đại, thi ca còn sức cảm hóa, có hiệu lực rất mạnh, lắm khi có thể địch nổi muôn ngàn binh mã. Hành khúc ca «La Marseillaise» của

Rouget de Lisle hoặc «Tiến quân Ca» của Văn-Cao, là những bằng chứng hùng hồn, đã làm phấn khởi tinh thần binh sĩ đồng thời kích thích mạnh mẽ chí khí chiến đấu của ba quân.

Lần lượt sau đây, tôi sẽ dẫn chứng bằng những giai thoại văn chương hào hùng và lý thú, để chúng ta thấy rõ sức cảm hóa có hiệu lực ấy của môn mỹ nghệ thuật cao siêu nhất, tinh vi nhất trong các sản phẩm tinh thần của con người muôn nơi và muôn thuở.

★



Tương truyền đời nhà Tấn bên Trung-Hoa có chàng Đồ Sinh học giỏi mà cứ thường năm đi thi bị trượt vô chuối. Người ta thường nói « học tài thi phận » có lẽ cũng đúng một phần nào. Khoa này, khi hay được tin chồng mình « Tôn sơn bằng ngoại », vợ Đồ Sinh âm thầm, lặng lẽ làm bài thơ gửi xuống Tràng-An cho chồng. Thơ rằng :

*Lang quân địch địch hữu  
kỳ tài,*

*Hà sự niên niên bị phóng  
hồi.*

*Như kim thiệp diện iu  
lang diện,*

*Lang nhược lai hồi đãi  
dạ lai.*

Tạm dịch :

Lang quân văn bút vốn cao tài,  
Sao cứ năm năm bị thải hồi,  
Mặt thiệp nhìn chàng thêm  
thẹn mặt,

Có về xin đợi tối không ai.

Đồ sinh đọc xong bài thơ,  
mặt ủ mảy ề, nửa như bực tức,  
nửa như xấu hổ. Chàng tự nhủ

thăm : « Ta thề quyết không trở về nhà nếu khoa thi sau không đỗ ». Rồi từ đó, ngày đêm chàng quyết chí nấu sừ sôi kinh, cố thực hiện cho kỳ được cái hoài bão « phải có danh gì với núi sông ». Quả nhiên khoa thi sau người ta thấy tên của Đồ Sinh chói lọi trên bảng vàng.

Vợ Đồ Sinh thật là khôn ngoan đáo để, tế nhị vô cùng, biết khích thích chồng bằng những vần thơ nhẹ nhàng, mát mẽ, dễ thương. Ngạn ngữ có câu « xử tướng bất như thích tướng » cũng hàm một ý nghĩa này.

Tiêu-Lang, một nhà thơ nổi tiếng đời Đường bên Trung-Hoa có người vợ lẽ nhan sắc kiêu diễm, tuyệt vời, bị kẻ nghịch bắt cóc dâng cho trướng giặc. Chàng Tiêu thương nhớ vô cùng, bỏ nhà ra đi lang thang, thất thểu trên khắp các nẻo đường của đất nước. Chàng thường lân la, thì thọt trước cửa dinh trại của giặc, năn nỉ, lo lót, chạy chọt để mong được gặp vợ. Nhưng, trải bao thỏ lạng ác tà, chàng Tiêu đã uống phi công lao tựa cửa trông chờ. Thất

vọng đến cực độ, chàng bèn làm bài thơ tự tình, nội dung nói lên niềm thương nỗi nhớ của mình và hối lộ cho anh lính gác cửa nhờ trao đến tận tay vợ mình, gọi là mượn bút thay người cho tiện. Bài thơ ấy nguyên âm như sau :

*Kiếp phát kinh thu tần ái  
nguyệt,*

*Noãn sần liên dạ mỗi hoài  
trần.*

*Hầu môn nhất nhập thâm  
như hải,*

*Tàng thử Tiêu lang thị lộ  
nhân.*

Tạm dịch :

Mảnh tình chẵn gối mấy thu  
trường,

Đầu bạc mong tròn ước lửa  
hương.

Một lời cửa hầu sâu tựa bể.  
Chàng Tiêu thối đã khách  
qua đường.

Không ngờ có kẻ, vô tình hay hữu ý, đem bài thơ ấy trình lên viên trướng giặc. Sau khi đọc xong bài thơ trữ tình ấy, viên trướng cảm động đến ứa nước

mắt, bèn ra lệnh cho vợ Tiêu lang được lên xe cùng về với chồng.

Theo truyện « Tam Quốc » thì Tào-Phi, anh ruột của Tào-Thực tức Tào-Tử-Kiên, vì quá nghe lời gièm pha của sừ giả cũng là sự thúc giục của quân sư là Hoa-Hàm, đã nhân tâm định giết hại em mình. Sau nhờ mẹ là bà Biều-thị can gián và cũng nhờ tài xuất khẩu thành Chương của mình nên Thực thoát được tội chết. Tào Phi ra điều kiện buộc em mình phải ứng khẩu làm ngay được một bài thơ thì ông sẽ tha tội cho. Tào-Phi nói : « Tao với mày là anh em ruột, hãy lấy ngay việc ấy làm đề tài, nhưng cấm không được phạm vào hai chữ anh em ».

Tào Thực, như mở cờ trong bụng, vịn lấy cơ hội ấy để phụng gián anh mình và không nghĩ ngợi, chàng ứng khẩu làm ngay bài thơ !

*Chữ đậu nhiên đậu ki,  
Đậu lại phủ trung khắp.*

*Bản thị đồng căn sinh,  
Tương tiên hà thái cấp.*

Tạm dịch !

Đun đậu bằng củi đậu,  
Đậu ở trong nồi khóc,  
Vốn cùng góc sinh ra,  
Nấu nhau sàu quá độc.

Tào Phi, nghe lời đậu gât gù  
tôi đó, bỗng nhiên nét mặt sa  
sầm và mắt chầng như mờ lẹ,

Thì ra bài thơ đã tác động  
quá mạnh lòng trắc ẩn của Phi.  
Phi quyết định không giết Thực,  
chỉ phạt lấy lệ là giáng xuống  
chức An hương hầu, cốt để  
« lấp bít miệng thiên hạ » mà  
thôi.

Tào Thực lạy tạ anh mình, riu  
riu cáo biệt và hối hả cỡi ngựa  
ra đi, trong lòng dờ mừng dờ  
tủi.

\*

Dưới triều vua Tự Đức,  
Nguyễn Công Trứ, một kỳ tài  
của làng thơ, khi bị cách quan,  
vua thường bí mật cho người dò  
xét hành động và ngôn ngữ của  
ông. Những lúc đó, ông chỉ

uống rượu, ngâm thơ, ngao du  
sơn thủy và nhất là hát ả đào.  
Một hôm, cao hứng, ông làm  
bài ca trù, rồi đưa cho người  
vợ bé — nguyên là cô đào —  
ngâm hát trong một dịp có bạn  
bè làng thơ đến nhà ông đối ẩm  
ngâm vịnh. Trong bài hát nói  
ấy, đại khái có hai câu như sau :

*Thiếp tự thân kinh lang vị  
khí,*

*Thần tuy tội trọng để do  
liên.*

Tạm dịch :

Thiếp tự khinh mình chẳng  
chừa bỏ,

Tôi đã nặng tội Chúa còn  
thương.

Chẳng ngờ haicâu thơ này lọt  
đến tay vua Tự Đức. Nhà vua  
phải tin rằng ông Nguyễn Công  
Trứ vẫn còn trung thành với  
mình, lập tức giáng chỉ cho phục  
hồi chức tước cũ.

Lại dưới đời vua Thành Thái,  
có quan án sát sứ Tôn thất Mỹ,  
bút tự là Tam Xuyên, vì có sự  
hiềm tị riêng giữa các bạn đồng  
liêu, ông phải sớm trả án về

vườn. Vì bị lạc hời dân tịch.  
Nhân một hôm có bạn đồng liêu  
cũ đến thăm. khi bước chân vào  
nhà, chợt trông thấy ông Mỹ  
miệng móm sòm, làm xam từ  
nhà sau bước lên chào khách,  
bèn cất giọng quở: « Ủa bác Mỹ  
trông chưa già mấy mà sao răng  
cỏ bác rụng hết đi như rứa? »  
Túm tít cười, ông Mỹ ứng  
khẩu trả lời bạn mình bằng  
một bài thủ vỹ ngâm, ý tứ phóng  
khoáng, sắc mùi trào phúng, có  
ngụ ý mong ước nhà Vua xét  
oan cho để được trọn nghĩa  
quân thần, tiếp tục thờ vua  
giúp nước.

Đây là nguyên văn bài thơ :

*Không răng đi nữa cũng  
không răng,*

*Chỉ có hơn nhau một miếng  
ăn.*

*Miền được nguyên hàm nhai  
nhóp nhép,*

*Không răng đi nữa cũng  
không răng.*

Nghe đâu vì quá vừa ý bài  
thơ này và cũng vì mến tài đức  
và khẩu khí của ông Tôn-thất-

Mỹ mà vua Thành-Thái — một  
nhà vua sinh thơ — liền ban chỉ  
đụ cho kẻ bầy tôi của mình  
được trở lại làm quan với phẩm  
hàm cũ.

Và sau hết là câu chuyện  
« Răng cắn lưỡi » giữa vua Tự  
Đức và anh ruột là Hồng Bảo.  
Vì sợ anh mình tiếm đoạt ngôi  
bầu; nên vua Tự Đức đã nhân



tâm giết đi. Sau đó ít lâu, nhân  
một bữa ngự yến trong nội, có  
đủ mặt bá quan văn võ đến dự  
Trong lúc ăn uống, say sưa  
bỗng dưng rằng vua Tự Đức cắn



## THI CA

nhằm lưới. Nhà vua hít hà một tiếng rồi nhân cơ hội đó truyền cho các thực khách hãy làm một bài thơ lấy chuyện «răng cắn lưỡi» làm đề tài. Trong số các quan văn võ hiện diện hôm đó có ông Nguyễn hàm Ninh là một tay giỏi thơ nôm. Sẵn có hơi men thúc đẩy, ông Ninh ngửa cổ đứng dậy xin phụng mạng làm bài thơ ấy. Và, ứng khẩu, ông đọc một hơi bốn câu ba vần :

*Sinh nữ chỉ sơ nhĩ vị sinh,  
Nhĩ sinh chỉ hậu ngữ vi  
Kim triều hạnh hữu cao,  
lương vị,  
Hà nhân tương vong cốt  
nhục tình.*

Tạm dịch,  
Sanh tao ra trước mầy chưa  
sanh,  
Mầy đẻ sau tao, tao tức anh  
Gặp bữa tiệc tùng đầy mỹ vị,  
Sao đánh giết hại thịt xương  
tình.

Tương truyền rằng nhà vua  
khen nức khen nở, ban thưởng

cho tác giả mỗi câu một lượng  
vàng y. Nhưng vì ý thơ sâu sắc,  
bóng bẩy, châm biếm có ngụ ý  
khiến nhà vua có tật giật mình  
nên lại phạt tác giả mỗi chữ  
một trượng.



Ấy những mẫu giai thoại văn  
chương như thế hãy còn nhiều,



kể ra không hết được. Qua  
những chuyện hào hứng, lý thú  
trên đây, chúng ta sẽ ý niệm  
được cách cụ thể và chắc chắn  
sức cảm hóa có hiệu lực của  
thi ca là dường nào.

(1) Nguyễn hàm ; Chữ hàm có  
2 nghĩa, hàm răng và phẩm hàm, lúc  
chức tước của vua ban cho.

(2) Chữ « không răng » thế hai này  
là tiếng Huế, có nghĩa là « không sao ».

## Hỷ tin

Thân ái mừng lễ đính-hôn của :

CÔNG-HUYỀN TÔN-NỮ THỊ NHA-TRANG  
(Bút-hiệu THANH-NHUNG, trưởng-nữ của  
ông Bà Bửu-Đào — Trịnh-Tiên, Nha Trang  
hiệu du-học ở Berkeley, California, Huê-Kỳ),  
cùng LAURENCE ALLISTER GORDON MOSS,  
ở 17 th Avenue Vancouver B.C., Canada.

NGUYỄN-VỸ



Thành-thật mừng ông bà Đào-lý-Dũng,  
Thầu-khoán, Saigon, đã làm lễ thành-hôn cho  
trường-nam ĐÀO-MINH-TRÍ đẹp duyên cùng  
NGUYỄN-THỊ-HỒNG-THÚY.

Chúc đôi tân-hôn được rất nhiều hạnh-  
phúc.

NGUYỄN-VỸ

## ÁI-TÍN

Cảm-động chia buồn cùng Bác-sĩ Nguyễn-  
Tuấn-Phát và thành kính cầu-nguyện Hương-  
hồn Bà Bác-sĩ tiêu-diêu về Cực-Lạc.

NGUYỄN-VỸ

# Chánh sách Độc tài...

(Tiếp theo trang 9)

*của chúng ta là dân tộc Việt Nam muốn sống còn ngày nay và muốn quật khởi nhất định cần phải sống theo một chủ hướng Tự-do, Dân-chủ, Tiến-bộ.*

*Chế độ Độc tài tàn bạo của Cộng Sản, hoặc lối thời của Quân Chủ, hoặc mục nát của Tư-bản Phong Kiến, đều là phản Tự-do, phản Dân chủ, phản Tiến bộ.*

*Những chế-độ ấy đã liên-tiếp nhau tranh dành quyền thế, làm cho 34 triệu nhân dân ta từ Bắc chí Nam chịu quản-quai, điều-đứng, khổn-khổ, suốt mấy chục năm rồi.*

*Trong cuộc tranh-đấu sống còn của Dân-tộc ngày nay, Nhân-dân ta không thể hờ-hững để vận-mạng Quốc-gia buồng trôi theo vô-định. Phải tìm thấy ảnh-tượng huy-hoàng trong thực-lễ cứu-quốc. Chớ mơ-hồ bám vào một chiếc vầng mong-manh!*

*Cương-quyết bảo-vệ căn-bản thuần-túy Quốc-gia, tiếp-lục truyền-thống quật-khởi hùng-vĩ của Nòi-giống Rồng-Vàng, là con cháu Long-Nữ Thần Mẫu, và tích-cực phát-huy Lý-*

*trường Tự-do, Dân-chủ, Tiến-bộ, chỉ có chủ-thuyết Rồng-Vàng thích-hợp toàn-diện với lòng Tôn-thờ Tổ-Quốc Việt-Nam vĩ-đại, với nguyên-song thiết-tha một đời sống hạnh-phúc, công-bằng, cường-thịnh đầy-đủ của Nhân-dân Việt-Nam Trường-cửu, Bất-khuất, Bất-diệt,*

*Chỉ có sức quật-cường trong Ý-thức-hệ Quốc-gia Tự-do, Dân-chủ, Tiến-bộ của chủ-thuyết Rồng-Vàng mới đoàn-kết chặt-chẽ toàn-thể Nhân-dân Huỳnh-đệ thành một khối Dân-tộc Rồng-Vàng oai-linh máu-nhiệm, mới chiến-thắng quyết-liệt, vẻ-vang, các âm-mưu 'hồn-linh của Cộng-Sản, và các di-tích tham-nhũng, mục-nát, bất-công, của Phong-kiến Quan-liêu.*

*Có Tự-do, mà không Dân-chủ, không Tiến-bộ, thì Tự-do chỉ rơi xuống hố thẳm suy-đời, hỗn-loạn.*

*Có Tự-do, có Tiến-bộ, mà không Dân chủ, thì Tự-do, Tiến-bộ chỉ phục-vụ cho những lớp người quan-liêu mục-nát mà thôi.*

*Có Tự-Do, có Dân-chủ, mà không Tiến-bộ, thì Tự-do, Dân-chủ chỉ phục-vụ cho ngoại-bang trong khuôn-khổ một quốc-gia nhược-tiểu bịnh-hoạn.*



Có Dân-chủ, có Tiến-bộ, mà không Tự-do, thì Dân-chủ, Tiến-bộ, chỉ là bánh vẽ ban cho kiếp người dân tôi mọi.

Chỉ có Chủ-thuyết Rồng Vàng là chủ-nghĩa quốc-gia thuần-túy Việt-Nam, với ý-thức-hệ Tự-do, Dân-Chủ, Tiến-bộ mới tạo được đời sống hoàn-toàn hạnh-phúc, công-bằng, cường-thịnh cho Dân-tộc Việt-Nam Trường-cửu VI. đại.

Kỷ nguyên Lạc-Long, năm 4848



### **Ai tin**

Chúng tôi rất đau đớn được tin  
Cụ PHÙNG-VĂN-LÂM  
Pháp danh Thịnh-Đức  
(Hiệu Đức-Lợi)

thân-phụ của Ông. Bà :

— Phùng-văn-Trình (Hiệu sách Tự-Lực)

— Phùng-thị-Bình (Hiệu sách Khai-Tri)

vừa tạ thế tại tư thất, ngày 2-3-69.

Xin chân thành chia buồn cùng tang-quyển, và  
câu chúc hương-hồn cụ được tiêu-diêu nơi Cực-lạc.

NGUYỄN.VỸ

# Hãng B.G.I.

KÍNH CHÚC  
QUÝ VI

Thành - công  
Thịnh-vượng  
Hạnh - phúc



Nước Ngọt Con Cọp mỗi chai  
Là nguồn Vui Mạnh kéo dài Tuổi xuân  
Xuân qua Xuân lại bao lần  
Nước Ngọt Con Cọp vui xuân Thanh bình



## Nhà hàng Đại - La - Thiên

Điện-thoại số. 26.893

31 — 33 đường Lãng-Ông CHOLON

- Đặc biệt các món ăn Tiều
- ✱ Sạch sẽ vệ sinh và ngon miệng
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ phép
- ✱ Có máy điều hòa không khí

Ở lâu 3 lộ-thiên có không khí thiên-nhiên  
trong một khung cảnh huy hoàng diễm ảo

Gần đến kinh kỳ, Bàn thần đã dượt hay là đang hành  
kinh mà đau bụng, uống Lối Công Hoàn « Ông Tiên ». Hỏi  
tiệm thuốc Hoa-Việt Saigon 228 Lê-thánh-Tên. Nhà thuốc  
Ông-Tiên » Phú-Lâm Cholon.

K.N.BYT. số 9.5-63

Phong ngứa Ghê chốc, lở loét, gãi loét đầu lan tở  
đó không phải thoa phết sơ sai ngoài da mà hết. Uống Giả  
phong Sát-Độc-Hoàn « Ông Tiên » 30 năm sáng lập  
Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt.

Nhà thuốc Ông Tiên Phú-Lâm, Cholon  
(K.N. BYT. số 3—9-5-63)

Bưu-phiếu hay thư từ tiền bạc xin gửi:

Ô. NGÔ-QUANG-PHƯỚC  
TY QUẢN-LÝ TẠP-CHÍ PHỒ-THÔNG  
231 Phạm-ngũ-Lão Saigon

Giấy phép số 292 CDVITTING ngày 9-10-1961  
Chủ-nhiệm: NGUYỄN-VỸ

THU LÂM AN THU QUÁN  
81 Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON  
ĐT. : 25.861

GIÁ : 30 đồng  
Công số: gấp đôi